

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI

**KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT
QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG**

Giảng viên hướng dẫn	: Ts. Trần Thượng Bích La
Sinh viên thực hiện	: Nguyễn Phương Nguyên
Mã số sinh viên	: 2254010077
Khóa học	: 2022 - 2026
Lớp	: 22KH2

Đà Nẵng, tháng 06 năm 2026

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI

**KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT
QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG**

Giảng viên hướng dẫn	: Ts. Trần Thượng Bích La
Sinh viên thực hiện	: Nguyễn Phương Nguyên
Mã số sinh viên	: 2254010077
Khóa học	: 2022 - 2026
Lớp	: 22KH2

Đà Nẵng, tháng 06 năm 2026

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 06 năm 2026

GIAO NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Năm học: 2025 – 2026

1. Thông tin tác giả thực hiện

- Họ và tên sinh viên: NGUYỄN PHƯƠNG NGUYỄN
- Chuyên ngành: Kế toán
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Khóa học: 2022 – 2026

2. Tên đề tài Khóa luận tốt nghiệp

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng

3. Nội dung

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng

Chương 3: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng

4. Giảng viên hướng dẫn: TS. Trần Thượng Bích La

5. Ngày giao nhiệm vụ làm khóa luận tốt nghiệp: 02/03/2026

6. Ngày sinh viên phải hoàn thành khóa luận: 01/06/2026

Giảng viên hướng dẫn

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	1
1.1. Tổng quan về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	1
1.1.1. Những khái niệm kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	1
1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh	1
1.1.3. Ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh	2
1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh	2
1.2. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	3
1.2.1. Kế toán doanh thu, thu nhập	3
1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3
<i>a. Nội dung doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>3</i>
<i>b. Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>3</i>
<i>c. Phương thức bán hàng, phương thức thanh toán</i>	<i>4</i>
<i>d. Chứng từ sử dụng.....</i>	<i>5</i>
<i>e. Tài khoản sử dụng.....</i>	<i>5</i>
<i>f. Phương pháp hạch toán</i>	<i>6</i>
1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	8
<i>a. Nội dung các khoản giảm trừ doanh thu</i>	<i>8</i>
<i>b. Chứng từ sử dụng.....</i>	<i>8</i>
<i>c. Tài khoản sử dụng.....</i>	<i>8</i>
<i>d. Phương pháp hạch toán.....</i>	<i>8</i>
1.2.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	9
<i>a. Nội dung ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính</i>	<i>9</i>
<i>b. Chứng từ sử dụng.....</i>	<i>9</i>
<i>c. Tài khoản sử dụng.....</i>	<i>9</i>
<i>d. Phương pháp hạch toán.....</i>	<i>10</i>
1.2.1.4. Kế toán thu nhập khác	10
<i>a. Nội dung thu nhập khác</i>	<i>10</i>
<i>b. Chứng từ sử dụng.....</i>	<i>11</i>
<i>c. Tài khoản sử dụng.....</i>	<i>11</i>

<i>d. Phương pháp hạch toán</i>	12
1.2.2. Kế toán chi phí	12
1.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán	12
<i>a. Nội dung giá vốn hàng bán, nguyên tắc ghi nhận và các phương pháp tính giá xuất kho</i>	12
<i>b. Chứng từ sử dụng</i>	15
<i>c. Tài khoản sử dụng</i>	16
<i>d. Phương pháp hạch toán</i>	16
1.2.2.2. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	17
<i>a. Nội dung chi phí quản lý kinh doanh</i>	17
<i>b. Chứng từ sử dụng</i>	19
<i>c. Tài khoản sử dụng</i>	19
<i>d. Phương pháp hạch toán</i>	20
1.2.2.3. Kế toán chi phí tài chính	21
<i>a. Nội dung chi phí tài chính</i>	21
<i>b. Chứng từ sử dụng</i>	21
<i>c. Tài khoản sử dụng</i>	21
<i>d. Phương pháp hạch toán</i>	22
1.2.2.4. Kế toán chi phí khác	22
<i>a. Nội dung chi phí khác</i>	22
<i>b. Chứng từ sử dụng</i>	22
<i>c. Tài khoản sử dụng</i>	23
<i>d. Phương pháp hạch toán</i>	23
1.2.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	24
<i>a. Nội dung chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	24
<i>b. Phương pháp tính chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	24
<i>c. Chứng từ và tài khoản sử dụng</i>	24
<i>d. Phương pháp hạch toán</i>	25
1.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	26
1.2.3.1. Nội dung xác định kết quả kinh doanh	26
1.2.3.2. Phương pháp xác định kết quả hoạt động kinh doanh	26
1.2.3.3. Chứng từ và tài khoản sử dụng	27
<i>a. Chứng từ sử dụng</i>	27
<i>b. Tài khoản sử dụng</i>	27
1.2.3.4. Phương pháp hạch toán	27

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHÍ PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG29

2.1. Tổng quan về Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng29

2.1.1. Giới thiệu sơ lược về Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng.....29

2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng29

2.1.3. Chức năng và nhiệm vụ của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng.....30

a. Chức năng30

b. Nhiệm vụ30

2.1.4. Đặc điểm tổ chức kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng31

a. Lĩnh vực kinh doanh31

b. Phương thức bán hàng31

c. Hình thức thanh toán31

d. Quy trình bán hàng31

2.1.5. Đặc điểm tổ chức quản lý tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng.....32

a. Cơ cấu bộ máy quản lý32

2.1.6. Đặc điểm tổ chức kế toán tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng.....32

a. Tổ chức bộ máy kế toán32

b. Hình thức kế toán tại Công ty33

c. Chế độ kế toán và một số chính sách kế toán áp dụng tại Công ty35

2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chí phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng36

2.2.1. Kế toán doanh thu, thu nhập tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng36

2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng.....36

a. Nội dung doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty36

b. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng37

c. Tài khoản sử dụng37

<i>d. Quy trình ghi sổ</i>	37
2.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng	43
2.2.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng	44
<i>a. Nội dung doanh thu hoạt động tài chính tại công ty</i>	44
<i>b. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng</i>	44
<i>c. Tài khoản sử dụng</i>	44
<i>d. Quy trình ghi sổ</i>	44
2.2.1.4. Kế toán thu nhập khác tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng	47
<i>a. Nội dung thu nhập khác tại công ty</i>	47
<i>b. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng</i>	47
<i>c. Tài khoản sử dụng</i>	47
<i>d. Quy trình ghi sổ</i>	47
2.2.2. Kế toán chi phí tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng	51
2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng	51
<i>a. Nội dung giá vốn hàng bán tại công ty</i>	51
<i>b. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng</i>	52
<i>c. Tài khoản sử dụng</i>	52
<i>d. Quy trình ghi sổ</i>	52
2.2.2.2. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng	57
<i>a. Nội dung chi phí quản lý kinh doanh tại công ty</i>	57
<i>b. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng</i>	58
<i>c. Tài khoản sử dụng</i>	58
<i>d. Quy trình ghi sổ</i>	58
2.2.2.3. Kế toán chi phí tài chính tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng	67
<i>a. Nội dung chi phí tài chính tại công ty</i>	67
<i>b. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng</i>	67
<i>c. Tài khoản sử dụng</i>	68
<i>d. Quy trình ghi sổ</i>	68

2.2.2.4. Kế toán chi phí khác tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng	70
2.2.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng	70
<i>a. Nội dung chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty</i>	70
<i>b. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng</i>	71
<i>c. Tài khoản sử dụng</i>	71
<i>d. Quy trình ghi sổ</i>	71
2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng	72
2.2.3.1. Nội dung xác định kết quả kinh doanh tại công ty	72
2.2.3.2. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.....	72
2.2.3.3. Tài khoản sử dụng.....	72
2.2.3.4. Quy trình ghi sổ.....	72
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG	77
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng	77
3.1.1. Những ưu điểm nổi bật.....	77
3.1.2. Những hạn chế còn tồn tại	79
3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng	82

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức tiêu thụ trực tiếp.....	6
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng qua đại lý (ký gửi)	7
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức trả chậm, trả góp	7
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	8
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán TK 511 – Doanh thu hoạt động tài chính.....	10
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán TK 711 – Thu nhập khác.....	12
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán TK 632 – Giá vốn hàng bán.....	17
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh	20
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán TK 635 – Chi phí tài chính	22
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán TK 811 – Chi phí khác	24
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán TK 821 – Chi phí thuế TNDN	25
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh	28
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại công ty	32
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.....	33
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức “Nhật ký chung”	34
Sơ đồ 2.4: Sơ đồ hình thức kế toán trên phần mềm SmartPro.....	35

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 2.1: Giao diện chính của phần mềm SmartPro.....	34
Hình 2.2: Hóa đơn GTGT số 3.....	38
Hình 2.3: Giao diện nhập phần mềm hóa đơn GTGT số 3	39
Hình 2.4: Hóa đơn GTGT số 43.....	40
Hình 2.5: Hóa đơn GTGT số 52.....	41
Hình 2.6: Trích sổ phụ ngân hàng ngày 30 tháng 11 năm 2025.....	44
Hình 2.7: Màn hình nhập liệu lãi tiền gửi ngân hàng	45
Hình 2.8: Hóa đơn GTGT số 63.....	48
Hình 2.9: Giao diện chiết khấu thương mại theo hóa đơn số 63.....	49
Hình 2.10: Phiếu kế toán theo hóa đơn số 63	49
Hình 2.11: Màn hình xử lý đơn giá xuất kho	52
Hình 2.12: Giao diện tính giá xuất kho.....	53
Hình 2.13: Giao diện phiếu xuất kho theo hóa số 3	53
Hình 2.14: Phiếu xuất kho theo hóa đơn số 3	54
Hình 2.15: Phiếu xuất kho theo hóa đơn số 43	54
Hình 2.16: Phiếu xuất kho theo hóa đơn số 52	55
Hình 2.17: Hóa đơn GTGT số 2.....	59
Hình 2.18: Trích sổ phụ ngân hàng (AGR) ngày 25 tháng 11 năm 2025	60
Hình 2.19: Phiếu kế toán nộp lệ phí môn bài năm 2025	61
Hình 2.20: Màn hình nhập liệu hạch toán lương T08/2025	63
Hình 2.21: Hóa đơn GTGT số 50478.....	64
Hình 2.22: Trích sổ phụ ngân hàng 03 tháng 04 năm 2025	68
Hình 2.23: Màn hình nhập liệu trả lãi vay cho ngân hàng Agribank	68
Hình 2.24: Giao diện khi kết chuyển số dư cuối kỳ.....	72
Hình 2.25: Màn hình thực hiện các bút toán kết chuyển	73
Hình 3.1: Hoàn thiện chiết khấu thương mại ngày 25/01/2025 vào TK 632.....	86

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1: Sổ Chi tiết tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa	42
Bảng 2.2: Sổ Cái tài khoản 511 – DTBH và CCDV	43
Bảng 2.3: Sổ chi tiết TK 515	46
Bảng 2.4: Sổ Cái tài khoản 515	46
Bảng 2.5: Sổ chi tiết tài khoản 711 – Thu nhập khác	50
Bảng 2.6: Sổ Cái tài khoản 711 – Thu nhập khác	51
Bảng 2.7: Sổ Chi tiết TK 632	56
Bảng 2.8: Sổ Cái tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán	57
Bảng 2.9: Bảng khấu hao tài cố định tháng 11	60
Bảng 2.10: Bảng lương nhân viên văn phòng tháng 08/2025	62
Bảng 2.11: Bảng phân bổ CCDC tháng 01	63
Bảng 2.12: Sổ Chi tiết TK 6421	65
Bảng 2.13: Sổ Chi tiết TK 6422	66
Bảng 2.14: Sổ Cái TK 642	67
Bảng 2.15: Sổ Chi tiết tài khoản 635	69
Bảng 2.16: Sổ Cái tài khoản 635	70
Bảng 2.17: Sổ chi tiết tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh	74
Bảng 2.18: Sổ cái tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh	75
Bảng 3.1: Hoàn thiện báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu B02 TT133 chỉ dùng cho nội bộ)	88

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Diễn giải
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
DTBH	Doanh thu bán hàng
CCDV	Cung cấp dịch vụ
TT-BTC	Thông tư – Bộ tài chính
GTGT	Giá trị gia tăng
TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
XK	Xuất khẩu
BVMT	Bảo vệ môi trường
BĐSĐT	Bất động sản đầu tư
KC	Kết chuyển
CKTM	Chiết khấu thương mại
KC	Kết chuyển
GGHB	Giảm giá hàng bán
HBBTL	Hàng bán bị trả lại
CCDC	Công cụ dụng cụ
TSCĐ	Tài sản cố định
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
HTK	Hàng tồn kho
HĐ	Hóa đơn
BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn
VBHN-VPQH	Văn bản hợp nhất – Văn phòng quốc hội
NN	Nhà nước
VNĐ	Việt Nam Đồng
HĐBR	Hóa đơn bán ra
CT	Chứng từ
KH	Khách hàng
TK	Tài khoản
ĐVT	Đơn vị tính
HH	Hàng hóa
HTKK	Hỗ trợ kê khai

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này, ngoài sự nỗ lực cố gắng của bản thân, em còn nhận được sự quan tâm, giúp đỡ tận tình của quý thầy cô ban lãnh đạo của công ty, gia đình và bạn bè.

Với lòng biết ơn sâu sắc em xin chân thành cảm ơn **Trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng** đặc biệt là Khoa Kinh Tế và tất cả thầy cô đã tham gia giảng dạy, truyền đạt những kiến thức vô cùng quý báu cho em suốt 4 năm ở giảng đường để em có cơ hội tiếp thu và tích lũy được nhiều kiến thức rất hữu ích cho bản thân và là hành trang để em bước tiếp trên con đường nghề nghiệp trong tương lai mà em đã lựa chọn.

Đặc biệt em xin chân thành gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất đến cô hướng dẫn Ts. Trần Thượng Bích La đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ em trong suốt quá trình làm khóa luận tốt nghiệp. Cảm ơn Cô đã giúp đỡ, bổ sung kiến thức, đồng thời đưa ra nhận xét bổ ích để em có thể hoàn thành bài khóa luận đầy đủ một cách tốt và hoàn chỉnh nhất.

Em cũng xin bày tỏ lòng biết ơn đến với Ban Giám Đốc **Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng**, các anh chị phòng ban kế toán và các phòng ban khác đã nhiệt tình quan tâm, hỗ trợ, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho em trong suốt quá trình thực tập. Sự giúp đỡ của anh chị đã cung cấp cho em những số liệu, tài liệu quý giá, tạo điều kiện cho em hoàn thành bài báo cáo tốt nghiệp này.

Mặc dù đã cố gắng hoàn thiện báo cáo một cách tốt nhất, nhưng do thời gian và kiến thức có giới hạn, chắc chắn vẫn còn những thiếu sót không thể tránh khỏi. Em rất mong nhận được những góp ý, đánh giá từ các quý thầy cô và anh chị trong Công ty để cải thiện và nâng cao hơn nữa kiến thức của bản thân.

Một lần nữa, em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ quý báu của tất cả những người đã đồng hành cùng em trong suốt thời gian qua!

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 06 năm 2026

Nguyễn Phương Nguyên

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường ngày càng phát triển và chịu sự tác động mạnh mẽ của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, các doanh nghiệp đang phải đối mặt với nhiều cơ hội song song với không ít thách thức, môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt, buộc các doanh nghiệp không ngừng đổi mới phương thức quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Để tồn tại và phát triển bền vững, vấn đề nâng cao hiệu quả kinh doanh luôn là mối quan tâm hàng đầu của mỗi doanh nghiệp.

Trong quá trình hoạt động, doanh nghiệp chịu sự chi phối của nhiều quy luật kinh tế khách quan như quy luật giá trị, quy luật cung – cầu và quy luật cạnh tranh. Những quy luật này tác động trực tiếp đến quá trình sản xuất, lưu thông và tiêu thụ sản phẩm, từ đó ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Trong đó, tiêu thụ hàng hóa giữ vai trò then chốt, là khâu cuối cùng nhưng có ý nghĩa quyết định đến việc thu hồi vốn, bù đắp chi phí và tạo ra lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Lợi nhuận chính là mục tiêu mà mọi doanh nghiệp hướng đến, song để đạt được mục tiêu này đòi hỏi doanh nghiệp phải tổ chức tốt toàn bộ quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu thụ sản phẩm. Việc theo dõi, phản ánh chính xác doanh thu bán hàng, chi phí liên quan và kết quả hoạt động kinh doanh có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong công tác quản lý. Thông qua hệ thống kế toán, đặc biệt là kế toán doanh thu bán hàng và xác định kết quả kinh doanh, doanh nghiệp có thể đánh giá được hiệu quả hoạt động, kịp thời đưa ra các quyết định quản lý phù hợp.

Xuất phát từ vai trò quan trọng của công tác kế toán trong việc cung cấp thông tin phục vụ quản lý và đánh giá hiệu quả kinh doanh, cùng với quá trình thực tập thực tế tại doanh nghiệp, em quyết định đi sâu nghiên cứu công tác kế toán của công ty với đề tài **“Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng”** làm đề tài nghiên cứu cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

Qua việc nghiên cứu đề tài này có thể giúp chúng ta nắm rõ hơn về hoạt động tiêu thụ của doanh nghiệp, đánh giá được hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Xem xét việc thực hiện hệ thống kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng ở doanh nghiệp như thế nào, việc hạch toán đó có khác gì so với những kiến thức đã học được ở trường đại học hay không. Qua đó có thể rút ra được ưu và nhược điểm của hệ thống kế toán đó, đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Minh Anh Hoàng.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Đối tượng nghiên cứu: Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Minh Anh Hoàng.

- Phạm vi nghiên cứu: Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Minh Anh Hoàng.

4. Phương pháp nghiên cứu của đề tài

Thu thập số liệu tại đơn vị thực tập.

Tham khảo một số chuyên ngành kế toán, các văn bản quy định của bộ tài chính và vận dụng kiến thức đã học tại trường.

5. Cấu trúc của đề tài

Nội dung bài khóa luận ngoài lời mở đầu và kết luận thì gồm có 3 chương sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng

Chương 3: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

Cơ sở lý luận này được trình bày theo thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016.

1.1. Tổng quan về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.1. Những khái niệm kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Khái niệm về doanh thu, thu nhập: Theo Điều 56 Thông tư 133/2016/TT-BTC “Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Doanh thu chỉ bao gồm tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là doanh thu”.

Khái niệm về chi phí: Theo Điều 59 Thông tư 133/2016/TT-BTC “Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa”.

Khái niệm về kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng về các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán nhất định, hay kết quả kinh doanh là biểu hiện bằng tiền phần chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí của các hoạt động kinh tế đã được thực hiện.

Xác định kết quả kinh doanh là việc so sánh giữa chi phí kinh doanh đã bỏ ra và doanh thu, thu nhập kinh doanh đã thu về trong kỳ. Nếu doanh thu, thu nhập lớn hơn chi phí thì kết quả kinh doanh là lãi. Ngược lại nếu doanh thu, thu nhập nhỏ hơn chi phí thì kết quả kinh doanh là lỗ.

Việc xác định kết quả kinh doanh thường được tiến hành vào cuối kỳ kinh doanh, thường là cuối tháng, cuối quý, cuối năm, tùy thuộc vào đặc điểm kinh doanh và yêu cầu quản lý của từng doanh nghiệp.

1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giữ vai trò quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp cũng như nền kinh tế thị trường. Thông qua việc phản ánh đầy đủ và chính xác các khoản doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh, doanh nghiệp có cơ sở để xây dựng kế hoạch, kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động và tối đa hóa lợi nhuận. Đồng thời, các thông tin kế toán giúp

nhà quản trị đánh giá tình hình thực hiện hoạt động kinh doanh, từ đó đưa ra các giải pháp phù hợp nhằm tiết kiệm chi phí, tăng doanh thu và cải thiện kết quả kinh doanh trong kỳ tiếp theo. Bên cạnh đó, đây còn là nguồn thông tin quan trọng để cơ quan Nhà nước thực hiện công tác kiểm tra, giám sát nghĩa vụ tài chính của doanh nghiệp, cũng như hỗ trợ việc xây dựng chính sách kinh tế phù hợp. Ngoài ra, các đối tượng như nhà đầu tư, chủ nợ và nhà cung cấp cũng dựa vào thông tin này để đưa ra quyết định hợp tác và đầu tư. Vì vậy, việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách khoa học, hợp lý là cần thiết nhằm đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, chính xác và nâng cao hiệu quả quản lý tài chính doanh nghiệp.

1.1.3. Ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vai trò quan trọng trong việc giúp doanh nghiệp kiểm soát hoạt động tài chính, đánh giá hiệu quả kinh doanh và định hướng phát triển bền vững. Đối với cơ quan nhà nước, các thông tin này là cơ sở để xác định nghĩa vụ thuế chính xác, đảm bảo quyền lợi cho cả Nhà nước và doanh nghiệp, đồng thời hỗ trợ theo dõi tình hình hoạt động kinh tế để xây dựng chính sách phù hợp và đánh giá sức khỏe nền kinh tế. Đối với doanh nghiệp, đây là căn cứ quan trọng giúp nhà quản trị phân tích hiệu quả hoạt động, phát huy điểm mạnh, khắc phục hạn chế và đưa ra các chiến lược kinh doanh phù hợp. Đối với nhà đầu tư, các chỉ tiêu tài chính giúp đánh giá năng lực và mức độ an toàn của doanh nghiệp để quyết định đầu tư. Đối với nhà cung cấp, thông tin về kết quả kinh doanh giúp đánh giá khả năng thanh toán và mức độ rủi ro khi cung cấp hàng hóa, dịch vụ. Đối với các tổ chức tài chính trung gian, đây là cơ sở quan trọng để xem xét khả năng vay vốn và mức độ tín nhiệm của doanh nghiệp.

1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cung cấp kịp thời, chính xác thông tin về tình hình kinh doanh và lợi nhuận của doanh nghiệp để phục vụ công tác quản lý, phân tích và ra quyết định. Kế toán phải đảm bảo tính hợp pháp của chứng từ, phản ánh đầy đủ doanh thu và các khoản phải thu theo đúng nguyên tắc kế toán, đồng thời theo dõi chi tiết từng khoản doanh thu. Bên cạnh đó, kế toán cần ghi chép, tập hợp và phân bổ chi phí hợp lý, đảm bảo phù hợp giữa doanh thu và chi phí để xác định kết quả kinh doanh cuối kỳ. Ngoài ra, kế toán còn có nhiệm vụ hạch toán chính xác kết quả kinh doanh và lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo quy định hiện hành.

1.2. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.2.1. Kế toán doanh thu, thu nhập

1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a. Nội dung doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là khoản doanh thu mà doanh nghiệp thu được từ hoạt động kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất hoặc do doanh nghiệp mua vào sau đó bán ra. Trong đó *Doanh thu bán hàng hóa* là doanh thu bán sản phẩm mà doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư; *Doanh thu cung cấp dịch vụ* là doanh thu thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động, doanh thu hợp đồng xây dựng...

$$\text{Doanh thu} = \text{Số lượng hàng hóa} \times \text{Đơn giá bán}$$

b. Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Theo quy định tại Điều 57 của Thông tư 133/2016/TT-BTC

❖ Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của sản phẩm, hàng hóa cho người mua;

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);

- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;

- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Phương thức bán hàng, phương thức thanh toán

❖ Phương thức bán hàng

Doanh nghiệp thường sẽ áp dụng kết hợp các phương thức tiêu thụ dưới đây, tùy theo tình hình, quy mô của mình:

Phương thức tiêu thụ trực tiếp: Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho (hoặc tại phân xưởng, không qua kho) của doanh nghiệp. Hàng hóa được coi là tiêu thụ ngay khi giao cho khách và doanh nghiệp mất quyền sở hữu. Người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán cho số hàng đã nhận.

- Bán buôn: Là phương thức bán hàng qua lô hoặc bán với số lượng lớn. Giá bán biến động tùy thuộc vào khối lượng hàng bán và phương thức thanh toán. Bán buôn gồm 2 phương thức: Bán buôn qua kho và bán buôn hàng hóa vận chuyển thẳng.

+ Bán buôn hàng hóa qua kho: Là phương thức mà trong đó hàng bán được xuất ra từ kho của doanh nghiệp.

+ Bán buôn hàng hóa vận chuyển thẳng: Là phương thức bán buôn mà sau khi mua hàng doanh nghiệp không nhập kho mà xuất bán thẳng cho bên mua.

- Bán lẻ: Là giai đoạn cuối cùng của quá trình vận động hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Đó là quá trình trao đổi diễn ra hàng ngày thường xuyên của người tiêu dùng. Thời điểm xác định tiêu thụ là khi doanh nghiệp chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa và có quyền sở hữu tiền tệ.

Phương thức bán hàng qua đại lý (ký gửi): Là phương thức mà bên chủ của hàng hóa (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng cho bên nhận (bên đại lý) để bán, bên đại lý sẽ được hưởng thù lao dưới hình thức là nhận hoa hồng, hoặc chênh lệch giá. Số hàng hóa gửi đại lý vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, số hàng hóa này được xác định là tiêu thụ khi doanh nghiệp nhận được tiền do bên đại lý thanh toán hoặc thông báo số hàng đã bán được.

Phương thức trả chậm, trả góp: Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần, trong đó người mua trả trước một phần ngay tại thời điểm mua hàng, phần còn lại được thanh toán dần ở các kỳ sau và phải chịu một mức lãi suất nhất định. Các khoản trả ở những kỳ sau thường không bằng nhau, gồm cả tiền gốc và lãi trả chậm.

❖ Phương thức thanh toán

Sau khi giao hàng cho bên mua và chấp nhận thanh toán thì bên bán có thể nhận tiền hàng theo nhiều phương thức khác nhau tùy thuộc vào sự tín nhiệm và thỏa thuận giữa hai bên mà lựa chọn phương thức thanh toán phù hợp.

Phương thức thanh toán trả ngay:

Thanh toán bằng tiền mặt: Là phương thức người mua trả trực tiếp cho người bán ngay khi nhận hàng theo giá đã thỏa thuận. Cách này giúp doanh nghiệp giảm rủi ro nợ xấu, tăng dòng tiền và đơn giản hóa kế toán.

Thanh toán bằng chuyển khoản: Là phương thức thanh toán mà doanh nghiệp nhận tiền từ khách hàng thông qua các dịch vụ của ngân hàng.

Phương thức thanh toán trả trước:

Người mua trả trước một khoản tiền hay còn gọi là khoản đặt cọc hàng hóa hoặc người mua trả toàn bộ số tiền cho người bán trước khi nhận hàng hóa về kho. Phương thức này được áp dụng khi hai bên tin tưởng nhau trên cơ sở làm ăn lâu dài.

Phương thức thanh toán trả sau:

Khách hàng đã nhận hàng và chấp nhận thanh toán nhưng chưa trả tiền ngay; Thời điểm thu tiền không trùng với thời điểm giao hàng. Việc thanh toán (tiền mặt hoặc chuyển khoản) thực hiện dựa theo điều kiện, thỏa thuận giữa hai bên.

Thanh toán trả góp: Là hình thức mua hàng mà ở đó người mua hàng không cần phải trả toàn bộ số tiền trong một lần trả mà có thể thanh toán theo kỳ hạn. Số tiền trả nợ của mỗi kỳ theo thỏa thuận (hợp đồng) và số lãi được tính dựa trên số dư nợ gốc và thời hạn thực tế của kỳ hạn trả nợ.

d. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ có liên quan: Bảng báo giá, đơn đặt hàng, bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi, biên bản bàn giao nhận hàng hóa, bảng kê bán lẻ hàng hóa và dịch vụ, hợp đồng kinh tế, phiếu thu hoặc giấy báo có của ngân hàng,...

e. Tài khoản sử dụng

Theo quy định tại điều 57 thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 Bộ tài chính, để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, kế toán sử dụng **tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**.

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 4 tài khoản cấp 2:

Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa: Dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng hàng hóa được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh hàng hóa, vật tư, lương thực,...

Tài khoản 5112 – Doanh thu bán thành phẩm: Dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm (thành phẩm, bán thành phẩm) được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành sản xuất vật chất như: Công nghiệp, nông nghiệp, xây lắp, ngư nghiệp, lâm nghiệp,...

Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ: Dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh dịch vụ như: Giao thông vận tải, bưu điện, du lịch, dịch vụ công cộng, dịch vụ khoa học, kỹ thuật, dịch vụ kế toán, kiểm toán,...

Tài khoản 5118 – Doanh thu khác: Dùng để phản ánh về doanh thu nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư, các khoản trợ cấp, trợ giá của Nhà nước...

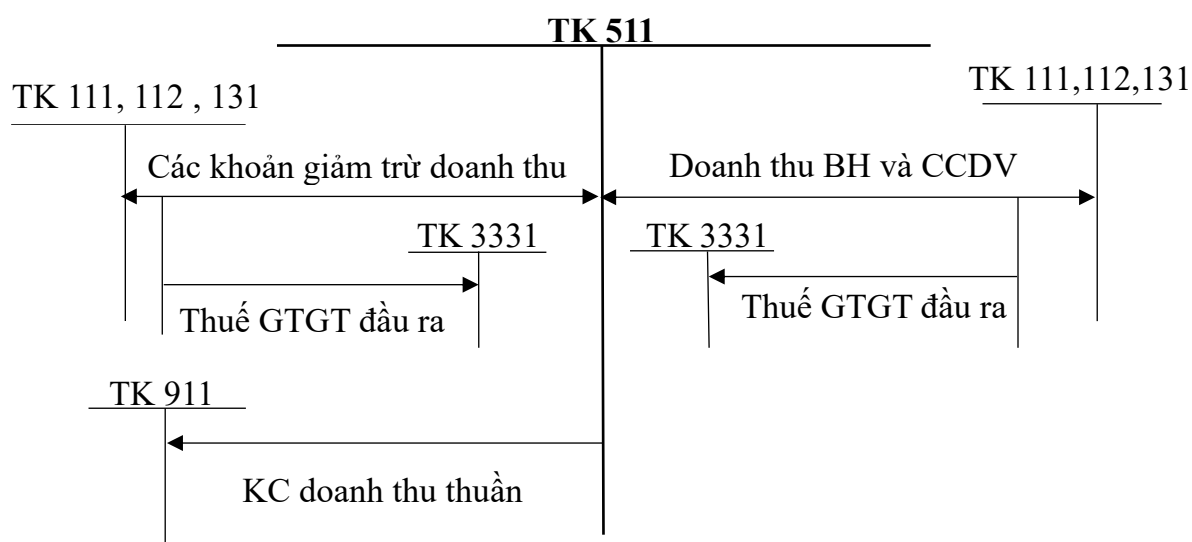
❖ **Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 511**

Nợ	TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Có
- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT); - Các khoản giảm trừ doanh thu; - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.		- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, BĐSĐT và CCDV của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

f. Phương pháp hạch toán

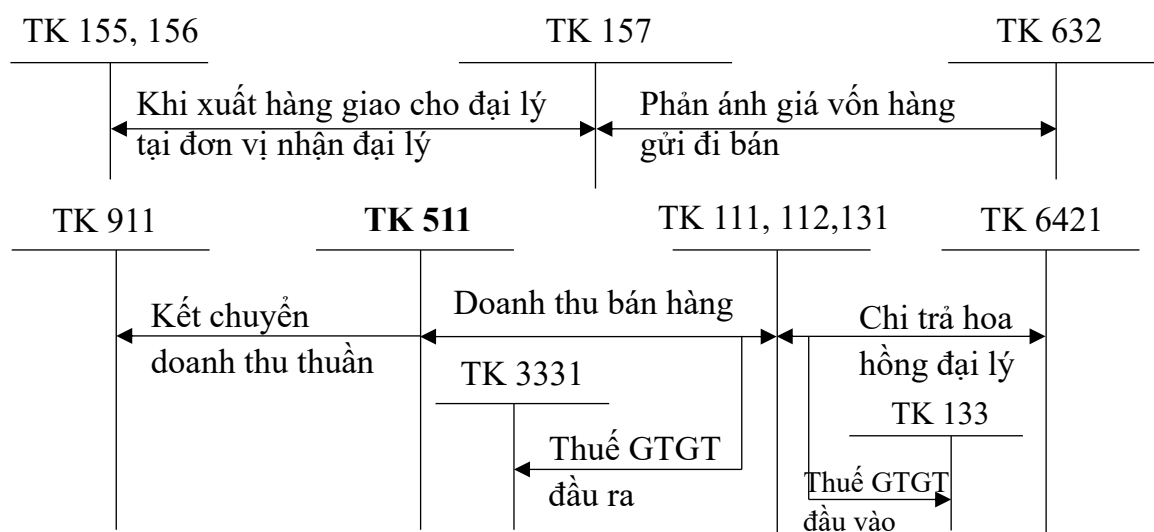
- **Hạch toán theo phương thức tiêu thụ trực tiếp**



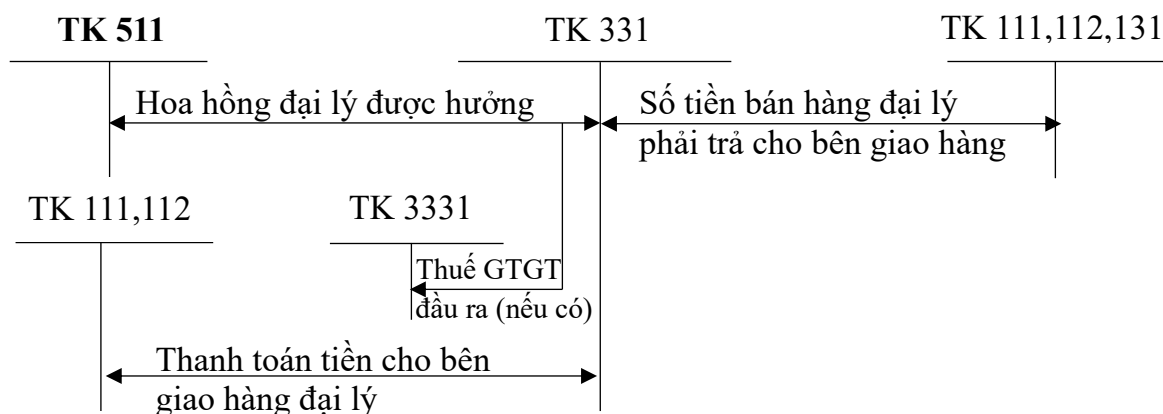
Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức tiêu thụ trực tiếp

- **Hạch toán theo phương thức bán hàng qua đại lý (ký gửi)**

❖ *Kế toán ở đơn vị giao đại lý*

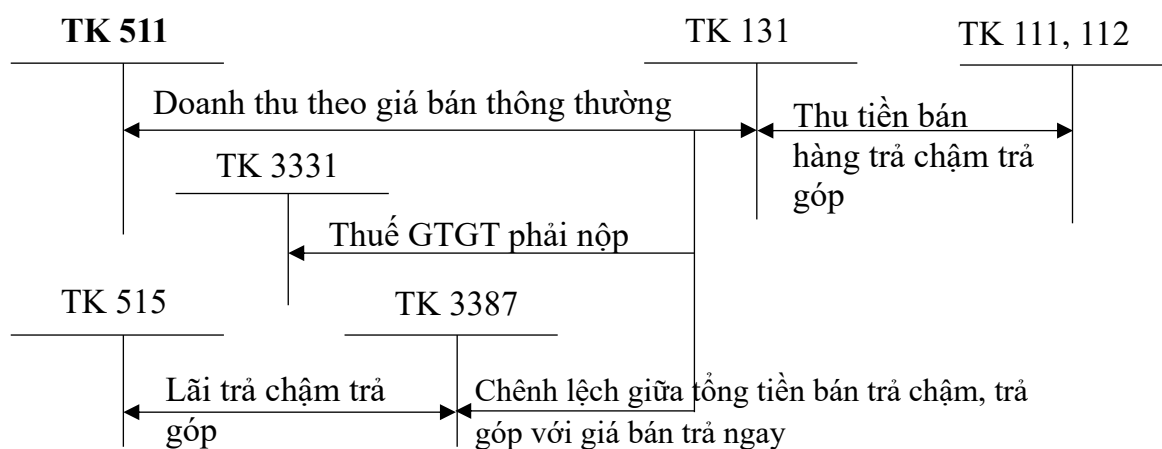


❖ *Kế toán ở đơn vị nhận bán hàng đại lý, bán hàng đúng giá, hưởng hoa hồng*



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng qua đại lý (ký gửi)

• *Hạch toán theo phương thức trả chậm, trả góp*



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức trả chậm, trả góp

a. Nội dung các khoản giảm trừ doanh thu

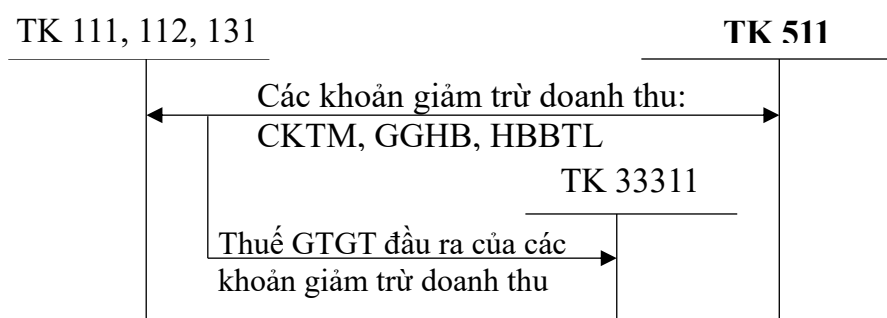
Chiết khấu thương mại: Là số tiền doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho khách hàng do mua hàng hóa, dịch vụ với số lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại được ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc các cam kết về mua bán.

Hàng bán bị trả lại: Là giá trị của một thành phẩm, hàng hóa đã xác định tiêu thụ nhưng bị người mua trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng như: Hàng kém chất lượng, hàng không đúng quy định, sai chủng loại. Hàng bị trả lại phải có văn bản đề nghị người mua ghi rõ lí do hàng bị trả lại, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hóa đơn (nếu chỉ trả lại một phần) và kèm chứng từ nhập kho của doanh nghiệp số hàng đã nói trên.

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn điều chỉnh;
- Các chứng từ có liên quan: Hợp đồng chiết khấu, bảng kê, phiếu giảm giá, biên bản hàng bán bị trả lại,...chứng từ kèm theo như phiếu nhập kho, phiếu chi, giấy báo nợ.

Theo Thông tư 133/2016/TT-BTC: Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa có hiệu lực từ 01/01/2017 các khoản chiết khấu, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại được ghi giảm trực tiếp vào bên Nợ **tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.**

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

a. Nội dung ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là khoản thu nhập phát sinh từ các hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động liên quan đến vốn của doanh nghiệp, không thuộc hoạt động sản xuất, kinh doanh chính.

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh các khoản doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp như: Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán trả chậm, trả góp, chiết khấu thanh toán được hưởng; Thu nhập từ đầu tư chứng khoán, thu hồi hoặc thanh lý các khoản đầu tư vốn; Thu nhập về các khoản đầu tư khác; Lãi tỷ giá hối đoái và đánh giá lại tài khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối cùng, lãi bán ngoại tệ; Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

b. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có
- Các chứng từ có liên quan: Phiếu tính lãi, phiếu kế toán, sổ phụ ngân hàng, ...

c. Tài khoản sử dụng

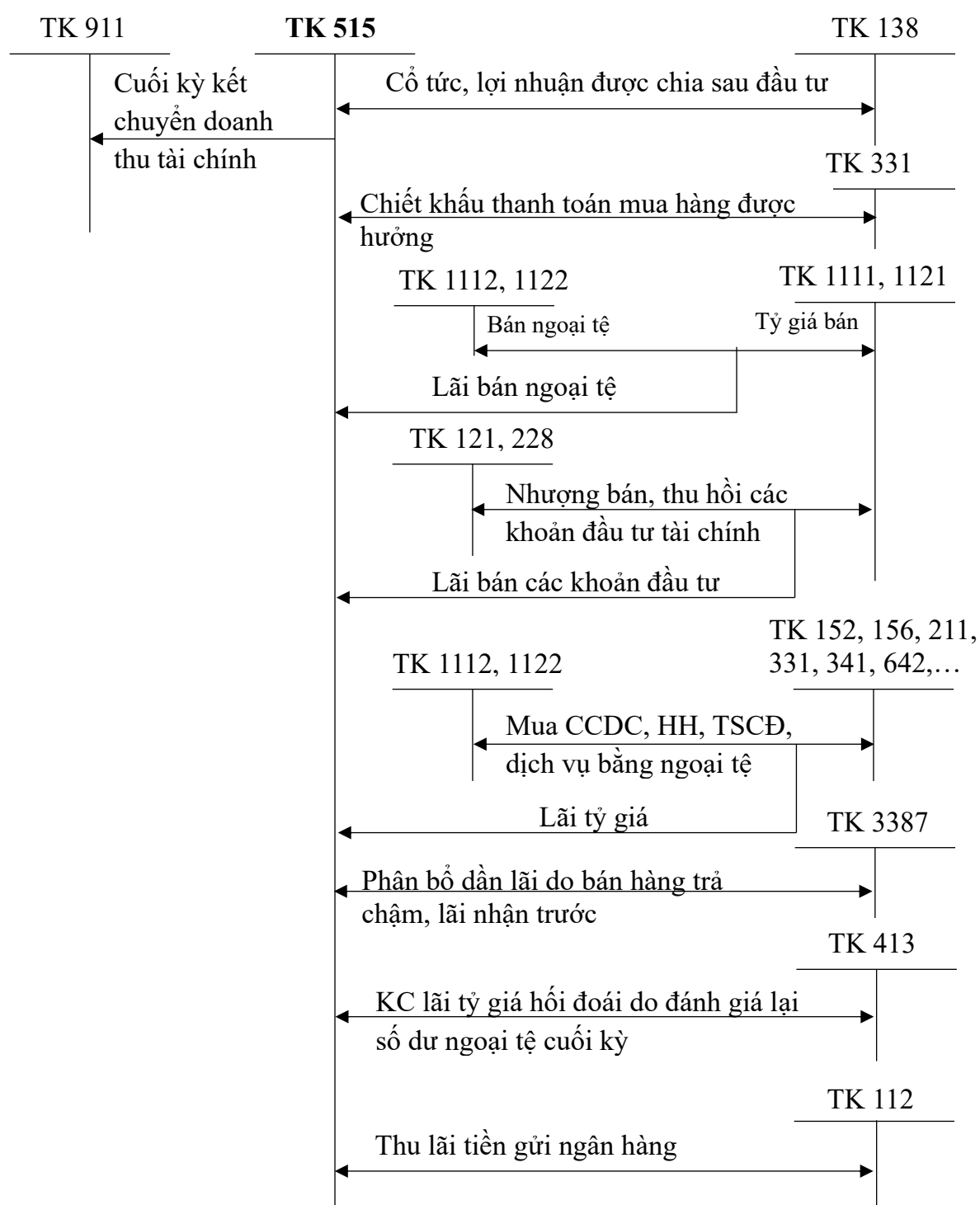
Theo quy định tại điều 58 của thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016, kế toán sử dụng **tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính**: Dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

❖ Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 515

Nợ	TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính	Có
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có). - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.		- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán TK 511 – Doanh thu hoạt động tài chính

1.2.1.4. Kế toán thu nhập khác

a. Nội dung thu nhập khác

Thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, gồm: Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ; Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ

BCC cao hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát; Chênh lệch lãi do đánh giá lại tài sản, vật tư, hàng hóa khi góp vốn đầu tư; Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn; Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; Tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ; Các khoản tiền thưởng của khách hàng không tính trong doanh thu (nếu có); Thu nhập quà biếu, quà tặng; Giá trị số hàng khuyến mại không phải trả lại nhà sản xuất; Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

b. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT; Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ; Biên bản vi phạm hợp đồng.
- Các chứng có liên quan: Phiếu thu/Giấy báo có, phiếu kế toán, hợp đồng kinh tế, ...

c. Tài khoản sử dụng

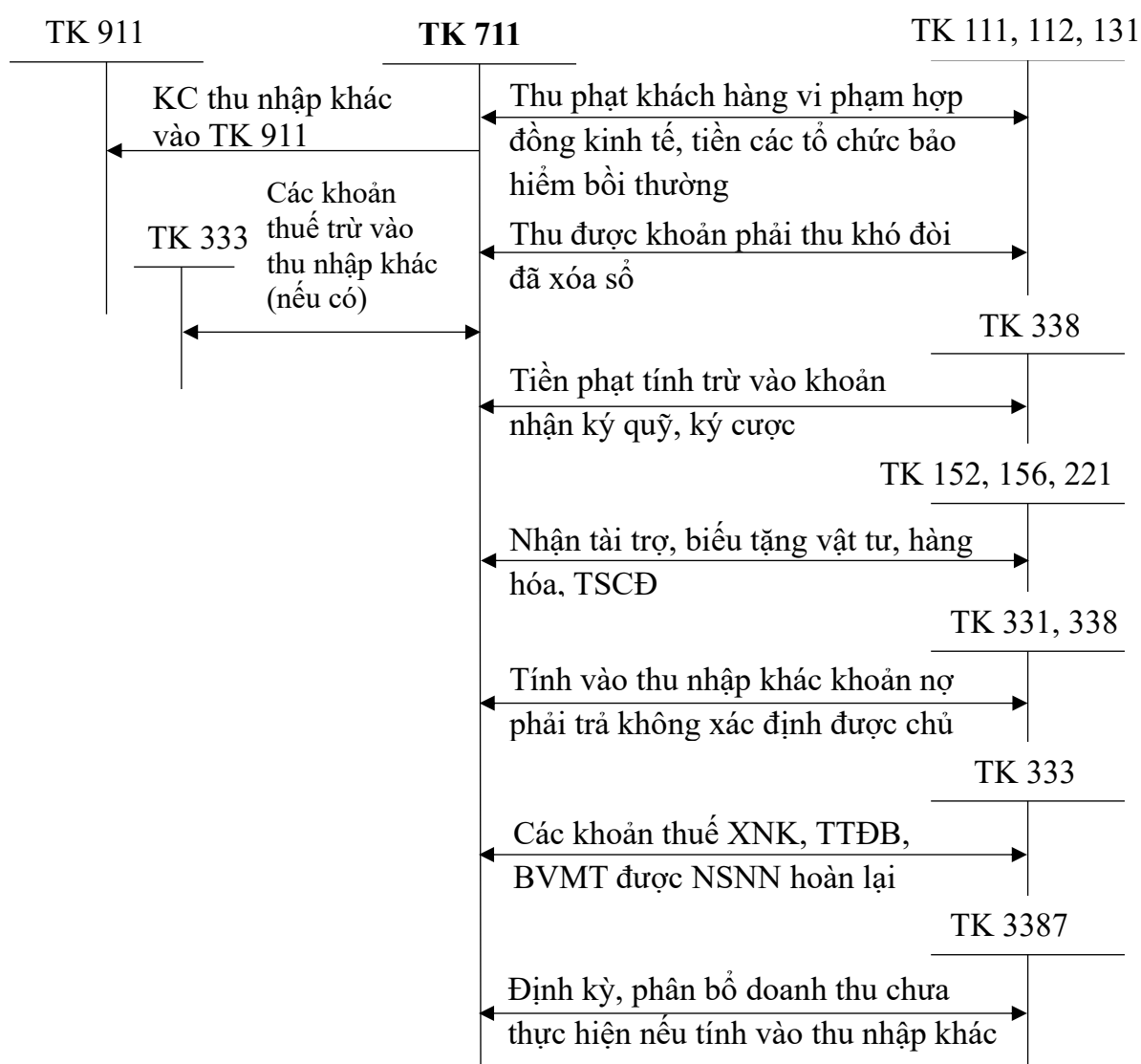
Theo quy định tại điều 65 của thông tư 133/2016/TT-BTC, kế toán sử dụng **tài khoản 711 – Thu nhập khác**: Dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

❖ Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 711

Nợ	TK 711 – Thu nhập khác	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở DN nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.		- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán TK 711 – Thu nhập khác

1.2.2. Kế toán chi phí

1.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

a. Nội dung giá vốn hàng bán, nguyên tắc ghi nhận và các phương pháp tính giá xuất kho

❖ Nội dung

Giá vốn hàng bán là giá trị phản ánh lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp đã bán được của doanh nghiệp trong một khoảng thời gian. Nó phản ánh mức tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ,... cũng như tham gia xác định lợi nhuận của doanh nghiệp trong một chu kỳ kinh doanh.

Giá vốn hàng bán bao gồm chi phí của tất cả các mặt hàng có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến việc sản xuất hoặc mua hàng hóa, dịch vụ đã được bán.

Giá vốn hàng bán phải được ghi nhận cùng một thời kỳ với doanh thu liên quan. Do đó, doanh thu và chi phí liên quan luôn được ghi nhận phù hợp với nhau (theo nguyên tắc phù hợp).

❖ ***Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán:***

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư và giá thành sản xuất sản phẩm xây lắp bán trong kỳ. Ngoài ra, còn phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như khấu hao, sửa chữa, cho thuê, nhượng bán và thanh lý bất động sản đầu tư.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán căn cứ vào số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được với giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định hàng tồn kho giảm giá để trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ hàng tồn kho đã ký hợp đồng tiêu thụ nhưng chưa chuyển giao và hàng tồn kho dùng cho xây dựng cơ bản, sản xuất sản phẩm có giá bán bằng hoặc cao hơn giá thành.

Đối với giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán sau khi trừ các khoản bồi thường (nếu có). Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu được hoàn lại khi xuất bán hàng hóa thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí không được trừ theo quy định của Luật thuế TNDN nhưng có đầy đủ hóa đơn, chứng từ và được hạch toán đúng chế độ kế toán thì không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh khi quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế phải nộp.

❖ ***Các phương pháp tính giá xuất kho***

Mỗi phương pháp tính giá trị hàng tồn kho có ưu, nhược điểm riêng; Độ chính xác phụ thuộc vào yêu cầu quản lý, năng lực doanh nghiệp và đặc điểm vật tư, hàng hóa.

- ***Phương pháp bình quân gia quyền***

Theo phương pháp bình quân gia quyền, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo từng kỳ hoặc sau từng lô hàng nhập về, phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của mỗi doanh nghiệp.

- ***Phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ:***

Khi sử dụng cách tính này, cuối kỳ kế toán căn cứ trên số lượng và giá trị hàng hóa tồn đầu kỳ và tổng số lượng và tổng giá trị các lần nhập hàng trong kỳ để tính giá hàng hóa xuất kho trong kỳ.

+ Công thức bình quân gia quyền cuối kỳ:

Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho i	=	$\frac{\text{Trị giá thực tế hàng i tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế hàng i nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng i tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng i nhập trong kỳ}}$
---	----------	---

Trị giá hàng xuất trong kỳ = Số lượng xuất trong kỳ x Đơn giá bình quân

Ưu điểm của phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ là đơn giản, dễ thực hiện và chỉ tính một lần vào cuối kỳ. Nhược điểm là độ chính xác không cao, gây áp lực cuối kỳ và không cung cấp thông tin kịp thời khi phát sinh nghiệp vụ.

- *Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (Bình quân thời điểm, tức thời):*

Khi sử dụng cách tính này, sau mỗi lần nhập hàng hóa, kế toán căn cứ trên số lượng và giá trị hàng hóa còn tồn tới thời điểm xuất hàng gần nhất, số lượng và giá trị trong lần nhập hàng gần nhất trong kỳ để tính giá hàng hóa xuất kho trong kỳ. Giá trị hàng hóa xuất kho trong kỳ được tính ngay sau mỗi lần nhập hàng.

+ Công thức bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập:

Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho i sau lần nhập thứ n	=	$\frac{\text{Trị giá thực tế hàng i tồn kho trước lần nhập thứ n} + \text{Trị giá thực tế hàng i nhập kho ở lần thứ n}}{\text{Số lượng hàng i tồn kho trước lần nhập thứ n} + \text{Số lượng hàng i nhập kho ở lần thứ n}}$
--	----------	---

Giá thực tế hàng i sau lần nhập thứ n	=	$\text{Số lượng xuất kho i sau xuất dùng} \times \text{Đơn giá thực tế hàng i sau lần nhập thứ n}$
--	----------	--

Phương pháp này khắc phục hạn chế của phương pháp trên nhưng tính toán phức tạp, tốn nhiều công sức nên thường áp dụng ở doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho và lưu lượng nhập xuất ít.

- **Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO)**

Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO) áp dụng dựa trên giả định hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này, giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, còn giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo giá của hàng nhập cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho. Hàng hóa nhập trước sẽ xuất trước, xuất hết số nhập trước rồi mới đến số nhập sau theo giá thực tế từng lần nhập. Vì vậy hàng tồn kho cuối kỳ phản ánh giá thực tế của hàng mua vào trong kỳ. Phương pháp này thích hợp khi giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm, thường áp dụng ở doanh nghiệp kinh doanh thuốc, mỹ phẩm,...

Ưu điểm của phương pháp FIFO là tính được ngay trị giá vốn hàng xuất kho, cung cấp số liệu kịp thời và giá trị hàng tồn kho sát với giá thị trường. Nhược điểm là doanh thu hiện tại không phù hợp với chi phí hiện tại và khối lượng hạch toán tăng khi hàng hóa nhiều, nhập xuất liên tục

- ***Phương pháp đích danh***

Phương pháp tính theo đích danh được áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng hàng hóa mua vào, từng sản phẩm sản xuất ra nên chỉ áp dụng cho doanh nghiệp có ít mặt hàng, mặt hàng ổn định và nhận diện được chi tiết giá nhập kho của từng lô hàng tồn kho. Theo phương pháp này, hàng hóa, vật tư, sản phẩm xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương pháp tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế, giá trị hàng xuất kho phù hợp với doanh thu tạo ra và giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế.

Ưu điểm của phương pháp đích danh là phản ánh chính xác giá trị hàng xuất kho và hàng tồn kho, đảm bảo phù hợp giữa chi phí và doanh thu thực tế. Nhược điểm là chỉ phù hợp với doanh nghiệp có ít loại hàng, giá trị lớn và nhận diện được từng lô hàng tồn kho.

- ***Phương pháp giá bán lẻ***

Theo Thông tư 133/2016/TT-BTC, doanh nghiệp được áp dụng ba phương pháp xác định giá xuất kho gồm: bình quân gia quyền, nhập trước – xuất trước (FIFO) và thực tế đích danh, riêng đối với hàng hóa thì có thêm 1 phương pháp nữa đó là phương pháp **Giá bán lẻ**.

Dành cho một số đơn vị có đặc thù (ví dụ như các đơn vị kinh doanh siêu thị hoặc tương tự) có thể áp dụng kỹ thuật xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ theo phương pháp Giá bán lẻ. Phương pháp này thường dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị hàng tồn kho với số lượng lớn mặt hàng thay đổi nhanh và có lợi nhuận biên tương tự, khi không thể áp dụng các phương pháp tính giá gốc khác. Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý, có xét đến các mặt hàng bị hạ giá so với giá bán ban đầu. Thông thường, mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng.

b. Chứng từ sử dụng

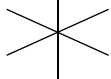
- Phiếu xuất kho

- Các chứng từ có liên quan: Phiếu giao hàng, bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn, biên bản giao nhận hàng hóa, ...

c. Tài khoản sử dụng

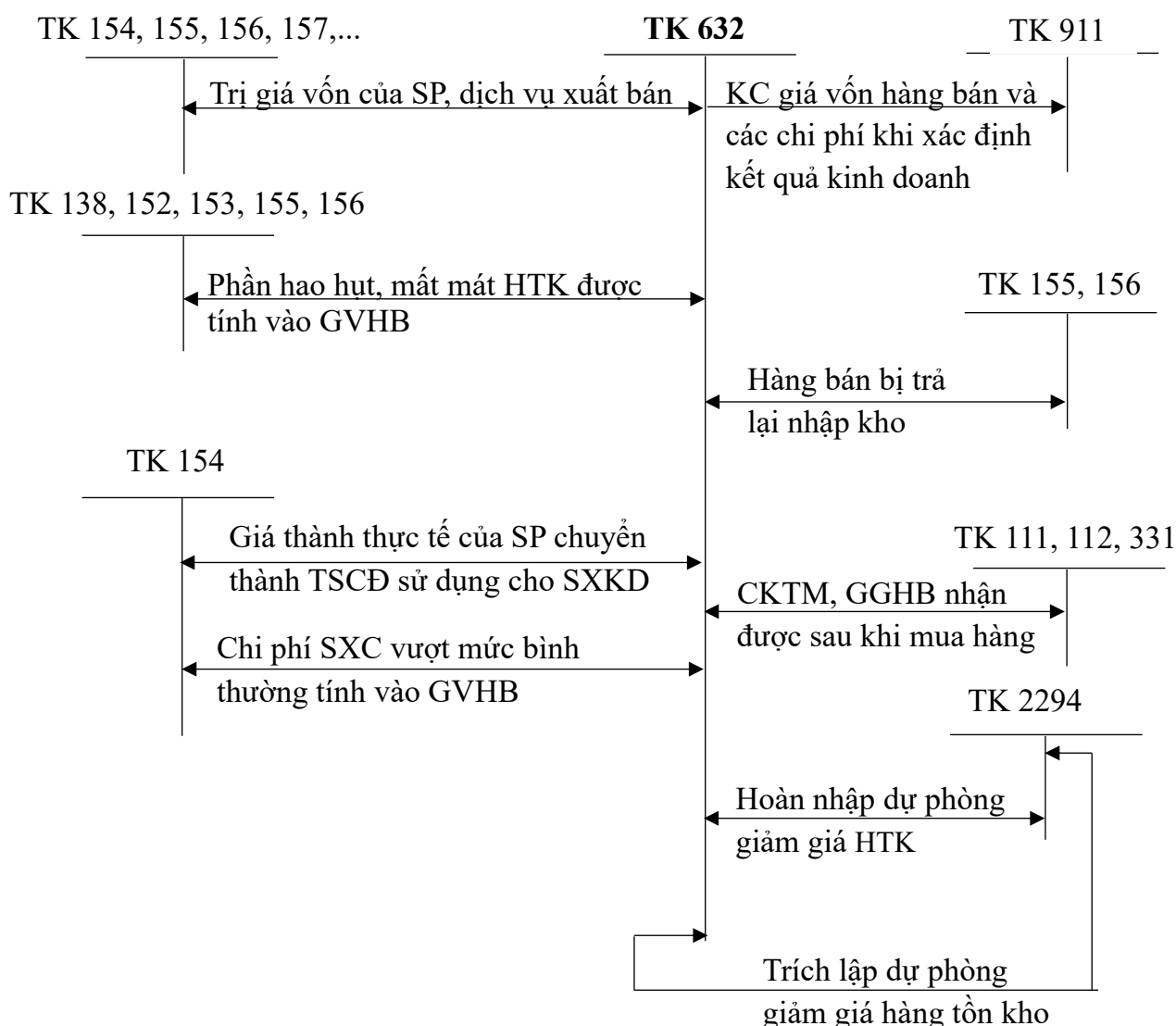
Theo Điều 62 Thông tư 133/2016/TT-BTC, kế toán sử dụng **tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán**: Dùng để phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí cho thuê BĐSĐT theo phương thức cho thuê hoạt động; chi phí nhượng bán, thanh lý BĐSĐT.

❖ **Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 632** (Theo phương pháp kê khai thường xuyên).

Nợ	TK 632 – Giá vốn hàng bán	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ; - Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ; - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra; - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).		- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”; - Trị giá hàng bán bị trả lại; - Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ; - Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại.
		
Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ		

d. Phương pháp hạch toán

Theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán TK 632 – Giá vốn hàng bán

1.2.2.2. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

a. Nội dung chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí quản lý kinh doanh là toàn bộ các chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động quản lý và điều hành chung của doanh nghiệp. Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí bán hàng bao gồm các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...), BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN, bảo hiểm tai nạn lao động của nhân viên bán hàng; chi phí vật liệu, công cụ

lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

❖ **Chi phí quản lý kinh doanh gồm các khoản sau:**

✓ **Đối với chi phí bán hàng:**

Chi phí nhân viên phản ánh các khoản phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, vận chuyển, bảo quản sản phẩm, hàng hóa,... gồm tiền lương, tiền ăn giữa ca, tiền công và các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN,...; *Chi phí vật liệu, bao bì* dùng cho bảo quản, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ như vật liệu đóng gói, nhiên liệu bảo quản, bốc vác, vận chuyển, sửa chữa TSCĐ phục vụ bộ phận bán hàng; *Chi phí dụng cụ, đồ dùng* phục vụ tiêu thụ như dụng cụ đo lường, phương tiện tính toán, làm việc,...; *Chi phí khấu hao TSCĐ* phản ánh khấu hao TSCĐ ở bộ phận bán hàng như kho, cửa hàng, bến bãi, phương tiện bốc dỡ, vận chuyển,...; *Chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa* (trừ bảo hành công trình xây lắp hạch toán TK 154); *Chi phí dịch vụ mua ngoài* gồm thuê ngoài sửa chữa TSCĐ, thuê kho bãi, bốc vác, vận chuyển, hoa hồng đại lý, ủy thác xuất khẩu,...; *Chi phí bằng tiền khác* gồm tiếp khách, quảng cáo, khuyến mại, hội nghị khách hàng, giới thiệu sản phẩm,...

✓ **Đối với chi phí quản lý doanh nghiệp:**

Chi phí nhân viên quản lý phản ánh các khoản phải trả cho cán bộ nhân viên quản lý doanh nghiệp, như tiền lương, phụ cấp, BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN của Ban Giám đốc và nhân viên các phòng ban; *Chi phí vật liệu quản lý* phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý doanh nghiệp như văn phòng phẩm, vật liệu sửa chữa TSCĐ, công cụ dụng cụ (giá có hoặc chưa có thuế GTGT); *Chi phí đồ dùng văn phòng* gồm chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng phục vụ công tác quản lý (giá có hoặc chưa có thuế GTGT); *Chi phí khấu hao TSCĐ* phản ánh khấu hao TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp như nhà cửa, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện vận tải, máy móc thiết bị quản lý; *Thuế, phí và lệ phí* gồm thuế môn bài, tiền thuê đất và các khoản phí, lệ phí khác; *Chi phí dự phòng* gồm dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí SXKD; *Chi phí dịch vụ mua ngoài* phản ánh dịch vụ thuê ngoài phục vụ quản lý, tài liệu kỹ thuật, bản quyền (phân bổ dần), thuê TSCĐ, nhà

thầu phụ,...; *Chi phí bằng tiền khác* là các chi phí quản lý chung khác như hội nghị, tiếp khách, công tác phí, tàu xe, chi cho lao động nữ,...

b. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng; Hóa đơn mua dịch vụ,...; Giấy báo nợ; Bảng tính lương; Bảng phân bổ CCDC; Bảng tính khấu hao TSCD.

- Các chứng từ có liên quan: Phiếu chi, phiếu xuất kho, hợp đồng thuê văn phòng, xe, bảng kê thanh toán tạm ứng, sao kê ngân hàng, ...

c. Tài khoản sử dụng

Theo Thông tư 133/2016/TT-BTC, kế toán sử dụng **tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh**: Dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Tài khoản 642 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí theo quy định. Tùy theo yêu cầu quản lý của từng ngành, từng doanh nghiệp, tài khoản 642 có thể được mở chi tiết theo từng loại chi phí.

❖ **Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh có 2 tài khoản cấp 2:**

Tài khoản 6421 – Chi phí bán hàng: Dùng để phản ánh chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong kỳ của doanh nghiệp và tình hình kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.

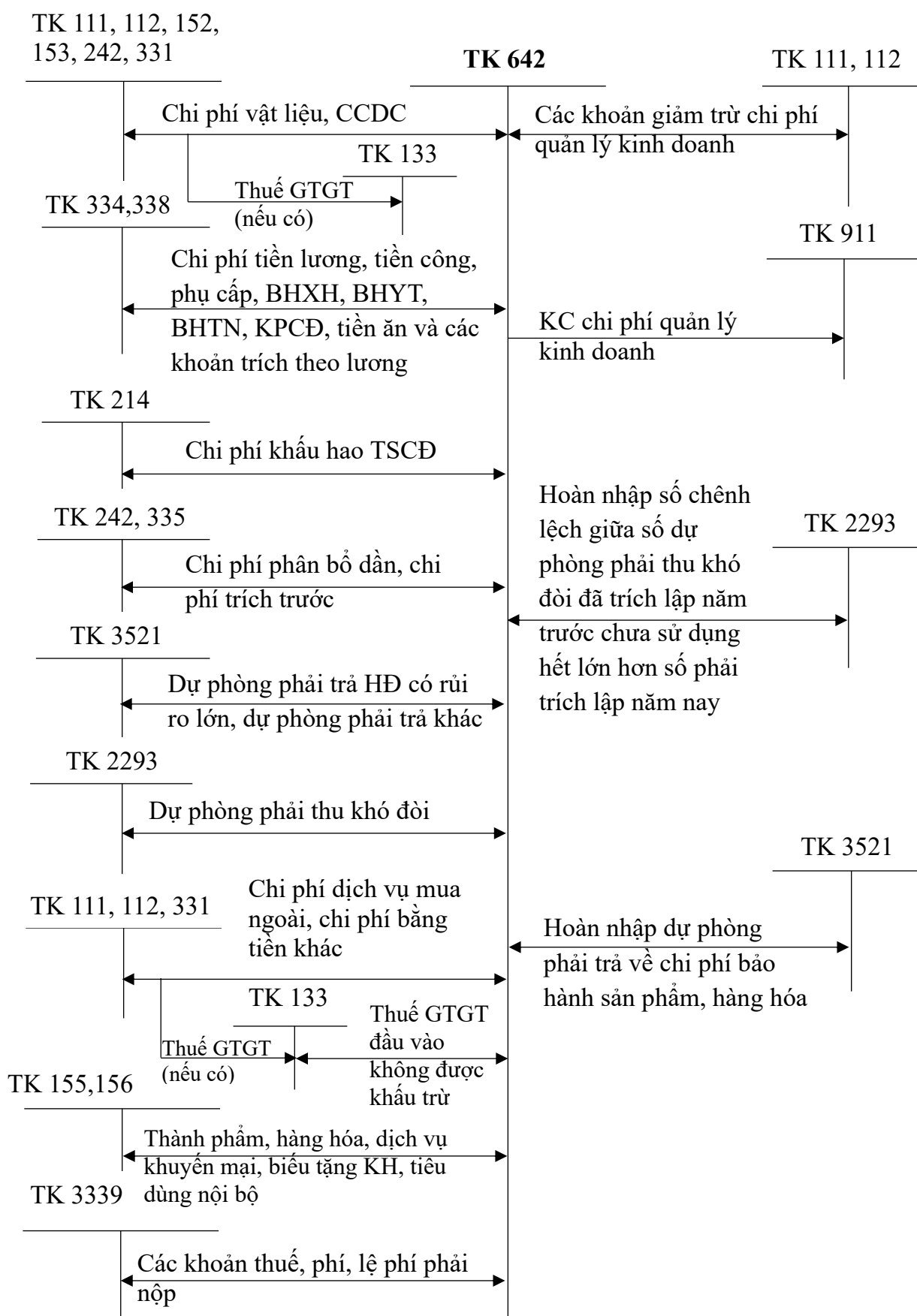
Tài khoản 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp: Dùng để phản ánh chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ và tình hình kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

❖ **Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 642**

Nợ	TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh	Có
- Chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ; - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số phải lập kỳ này lớn hơn số đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).	- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh; - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số phải lập kỳ này nhỏ hơn số đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 “Xác định kết quả hoạt động kinh doanh”.	

Tài khoản 642 không có số cuối kỳ

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

1.2.2.3. Kế toán chi phí tài chính

a. Nội dung chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những khoản chi phí phát sinh từ việc huy động, sử dụng vốn và các hoạt động đầu tư tài chính của doanh nghiệp, gồm: Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính; Chiết khấu thanh toán cho người mua; Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; Chi phí giao dịch bán chứng khoán; Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ; Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; Lỗ bán ngoại tệ; Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác; Các khoản chi phí tài chính khác.

b. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo nợ
- Các chứng có liên quan: Sao kê giao dịch ngân hàng, giấy thông báo trả tiền lãi, bảng tính lãi vay,...

c. Tài khoản sử dụng

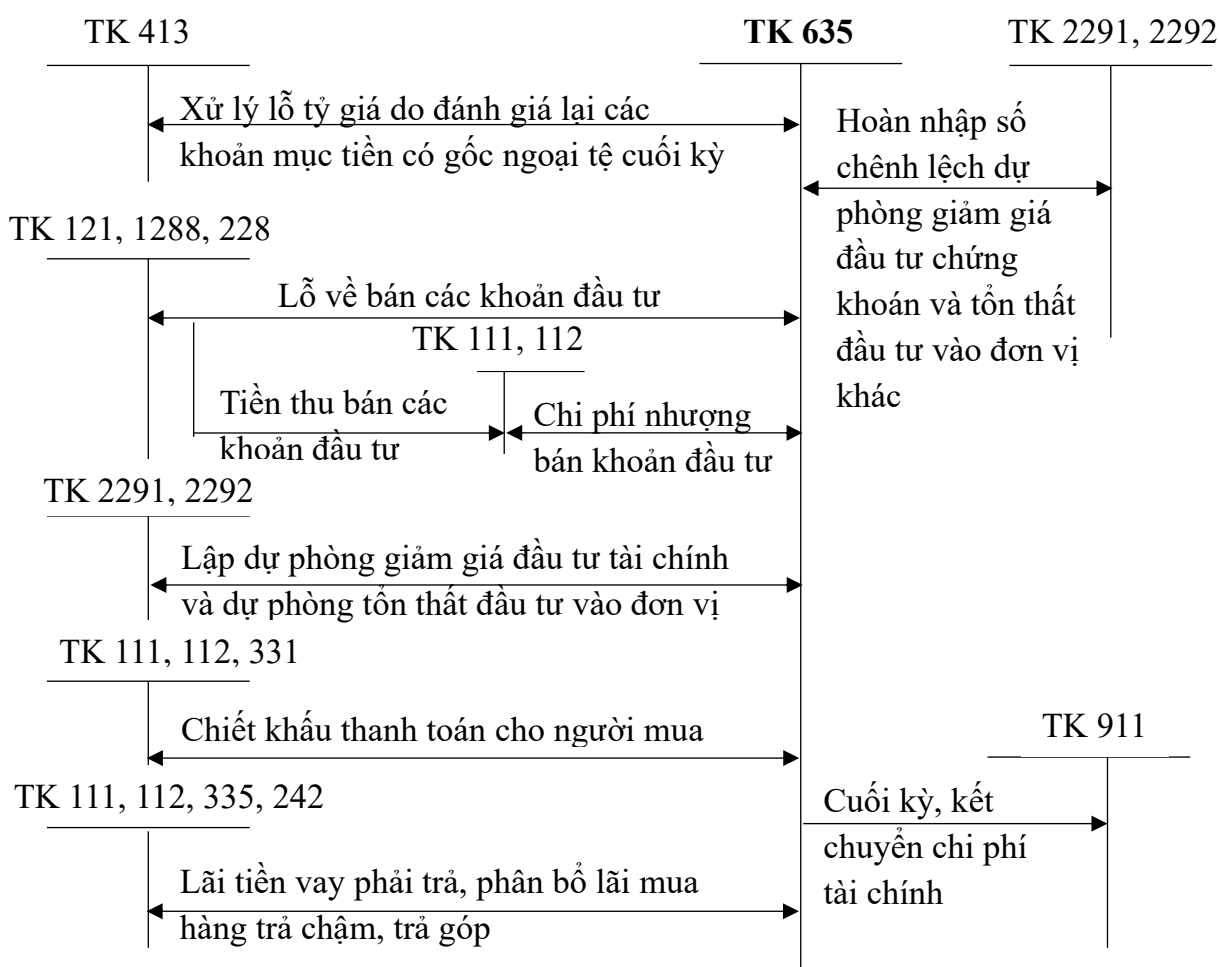
Theo thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016, kế toán sử dụng **tài khoản 635 – Chi phí tài chính**: Dùng để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính.

❖ Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 635

Nợ	TK 635 – Chi phí tài chính	Có
- Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ; - Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước).		- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Các khoản ghi giảm chi phí tài chính; - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán TK 635 – Chi phí tài chính

1.2.2.4. Kế toán chi phí khác

a. Nội dung chi phí khác

Chi phí khác là những khoản chi phí mang tính bất thường, không thường xuyên và phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp, gồm: Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định (kể cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý), trong đó số tiền thu từ bán hồ sơ thầu được ghi giảm chi phí này; Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát; Giá trị còn lại của tài sản cố định bị phá dỡ và thanh lý, nhượng bán (nếu có); Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác; Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, hành chính; Các khoản chi phí khác.

b. Chứng từ sử dụng

- Biên bản đánh giá lại TSCĐ; Biên bản vi phạm hợp đồng, nộp thuế, nộp phạt; Hóa đơn GTGT; Biên bản giao nhận TSCĐ; Biên bản thanh lý TSCĐ; Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ; Hợp đồng kinh tế; Quyết định phạt từ cơ quan nhà nước,...

- Các chứng từ khác có liên quan

c. Tài khoản sử dụng

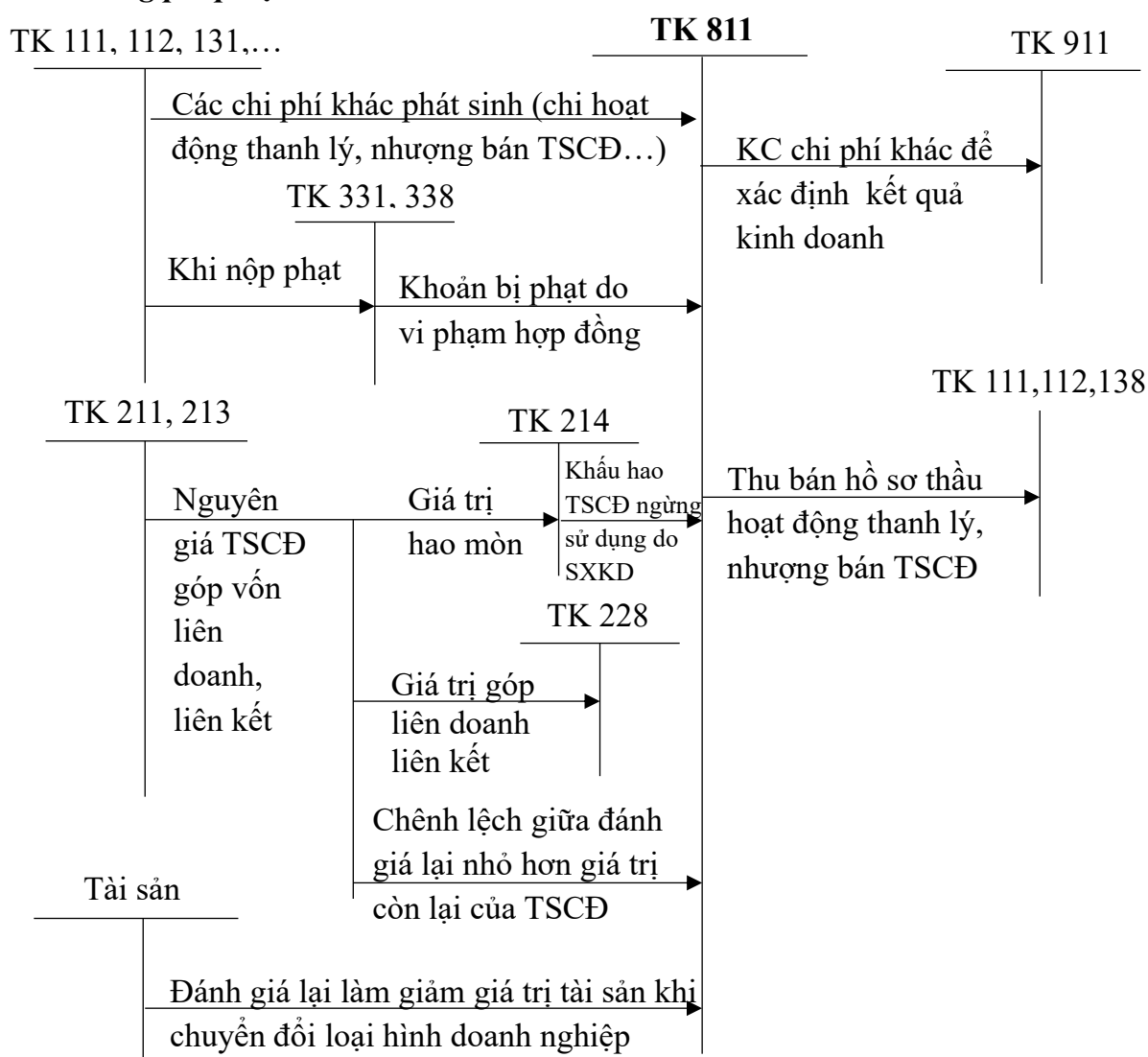
Theo thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 20/08/2016, kế toán sử dụng **tài khoản 811 – Chi phí khác**: Dùng để phản ánh chi phí phát sinh do các sự kiện hay nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

❖ Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 811 – Chi phí khác

Nợ	TK 811 – Chi phí khác	Có
- Các khoản chi phí khác phát sinh	- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.	

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

d. Phương pháp hạch toán



1.2.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Nội dung chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là số thuế TNDN phải nộp tính vào chi phí trong kỳ, phản ánh nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp đối với Nhà nước dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Hàng quý, kế toán căn cứ vào chứng từ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp để ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. Cuối năm tài chính, căn cứ vào tờ khai quyết toán thuế, nếu số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp trong năm nhỏ hơn số phải nộp cho năm đó, kế toán ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp thêm vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. Trường hợp số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp trong năm lớn hơn số phải nộp của năm đó, kế toán phải ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là số chênh lệch giữa số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp trong năm lớn hơn số phải nộp.

b. Phương pháp tính chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Căn cứ theo quy định tại Điều 11, Văn bản hợp nhất (số 14/VBHN-VPQH) Luật Thuế TNDN ban hành ngày 15/7/2020 quy định cách tính thuế TNDN như sau:

“Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ tính thuế được tính bằng thu nhập tính thuế nhân với thuế suất; trường hợp doanh nghiệp đã nộp thuế thu nhập ở ngoài Việt Nam thì được trừ số thuế thu nhập đã nộp nhưng tối đa không quá số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quy định của Luật này”.

$$\text{Thuế TNDN} = \text{Thu nhập tính thuế trong kỳ} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

Cách xác định thu nhập tính thuế:

Căn cứ theo Điều 7, Văn bản hợp nhất (số 14/VBHN-VPQH) Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Thu nhập tính thuế được xác định như sau:

Thu nhập tính thuế trong kỳ tính thuế	=	Thu nhập chịu thuế	-	Thu nhập được miễn thuế	-	Các khoản lỗ được kết chuyển từ các năm trước
--	----------	---------------------------	----------	--------------------------------	----------	--

Thu nhập chịu thuế	=	Doanh thu	-	Các khoản chi được trừ của hoạt động sản xuất, kinh doanh	+	Thu nhập khác (Kể cả thu nhập nhận được ở ngoài Việt Nam)
---------------------------	----------	------------------	----------	--	----------	--

c. Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ *Chứng từ sử dụng:*

- Báo cáo kết quả HĐKD theo mẫu 03-1A/TNDN; Tờ khai quyết toán thuế TNDN (03/TNDN) (TT80/2021); Tờ khai điều chỉnh thuế TNDN.

- Các chứng từ có liên quan: Giấy nộp tiền vào Ngân sách nhà nước, biên lai nộp thuế, phiếu chi, ...

❖ *Tài khoản sử dụng*

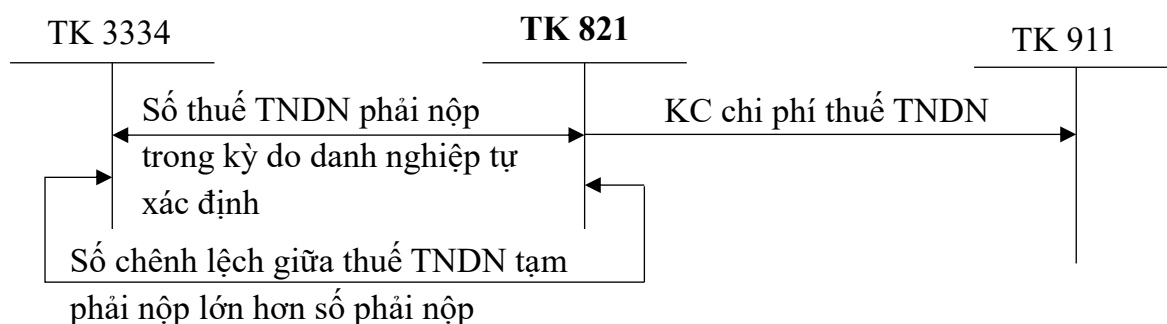
Theo Thông tư 133/2026/TT-BTC ngày 26/08/2016, kế toán sử dụng **tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**: Dùng để phản ánh chi thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

❖ **Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 821**

Nợ	TK 821 – Chi phí thuế TNDN	Có
- Chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm; - Thuế TNDN của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN hiện hành của năm hiện tại.		- Số thuế TNDN thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN đã ghi nhận trong năm; - Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế TNDN trong năm hiện tại; - Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN trong năm vào TK 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán TK 821 – Chi phí thuế TNDN

1.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.3.1. Nội dung xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng về các hoạt động kinh tế đã được thực hiện trong một thời kỳ nhất định, được xác định trên cơ sở tổng hợp tất cả các kết quả của mọi hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động kinh doanh phải được hạch toán chi tiết theo từng loại hoạt động (hoạt động sản xuất, chế biến, hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ, hoạt động tài chính...). Trong từng loại hoạt động kinh doanh có thể cần hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, từng ngành hàng, từng loại dịch vụ.

Các khoản doanh thu và thu nhập được kết chuyển là số doanh thu thuần và thu nhập thuần.

1.2.3.2. Phương pháp xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Theo quy định tại thông tư 133/2016/TT-BTC, Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cần xác định theo công thức sau:

❖ *Kết quả hoạt động kinh doanh được xác định như sau:*

Doanh thu thuần về BH và CCDV	=	Doanh thu BH và CCDV	-	Các khoản giảm trừ doanh thu				
LN gộp về BH và CCDV	=	Doanh thu thuần về BH và CCDV	-	Giá vốn hàng bán				
LN thuần từ hoạt động kinh doanh	=	LN gộp về BH và CCDV	+	Doanh thu hoạt động tài chính	-	Chi phí tài chính	-	Chi phí quản lý kinh doanh

Lợi nhuận khác	=	Doanh thu khác	-	Chi phí khác
-----------------------	----------	-----------------------	----------	---------------------

Tổng LNKT trước thuế	=	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	+	Lợi nhuận khác
-----------------------------	----------	--	----------	-----------------------

Tổng LN sau thuế	=	Tổng LNKT trước thuế	-	Chi phí thuế TNDN
-------------------------	----------	-----------------------------	----------	--------------------------

1.2.3.3. Chứng từ và tài khoản sử dụng

a. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán
- Phiếu kết chuyển

b. Tài khoản sử dụng

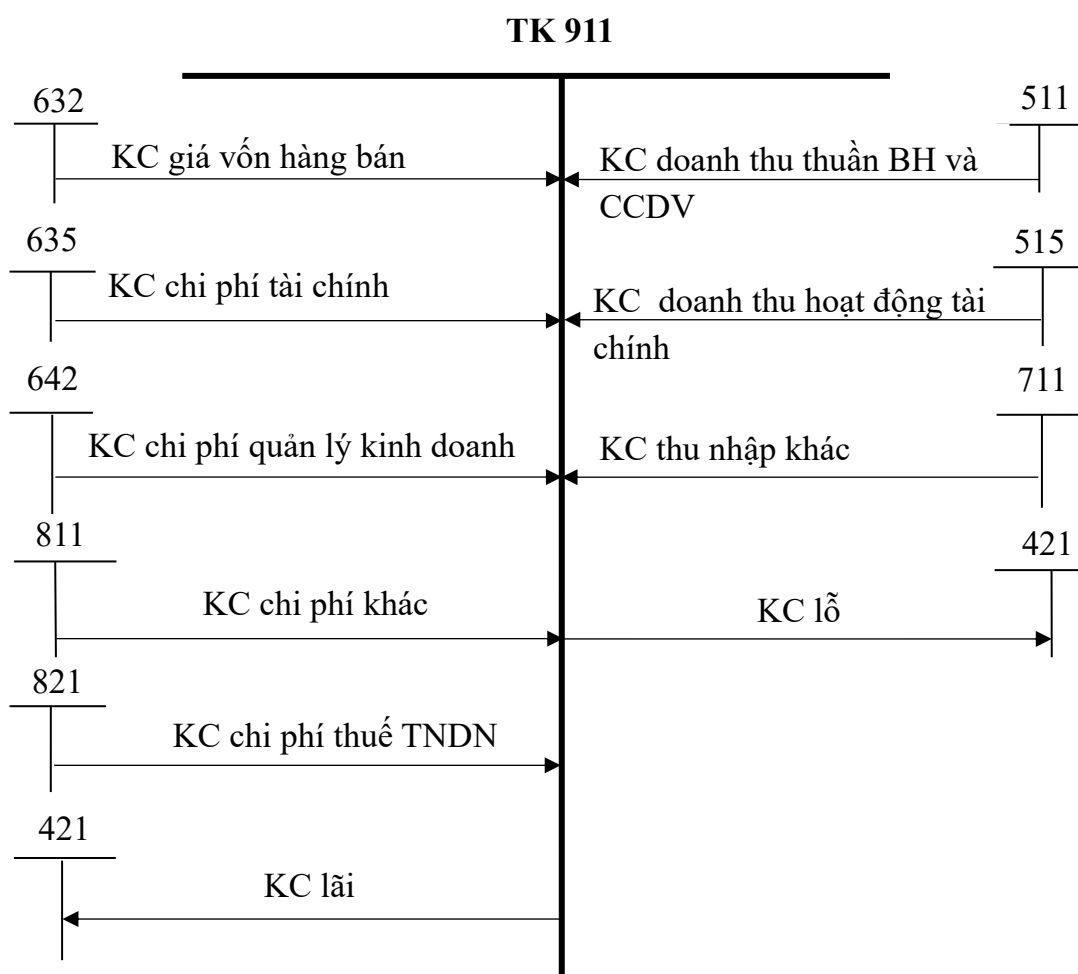
Theo quy định tại Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016, kế toán sử dụng **tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh**: Dùng để xác định, phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán.

❖ Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 911

Nợ	TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán; - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác; - Chi phí quản lý kinh doanh. - Kết chuyển lãi.		- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ; - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN. - Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

1.2.3.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG

2.1. Tổng quan về Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng

2.1.1. Giới thiệu sơ lược về Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng

- Tên Công ty: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG**
- Tên quốc tế: MINH ANH HOANG TRADING AND SERVICES COMPANY LIMITED
- Tên viết tắt: CÔNG TY MINH ANH HOÀNG
- Mã số thuế: 0401887420
- Địa chỉ: 382 Trần Đại Nghĩa, Phường Hoà Hải, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
- Địa chỉ thuế: 382 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
- Điện thoại: 0988532519
- Người đại diện: Phạm Thị Loan
- Ngày thành lập: 28-03-2018
- Vốn điều lệ: 3.000.000.000 đồng
- Quản lý bởi: Thuế cơ sở 3 thành phố Đà Nẵng
- Loại hình DN: Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên ngoài NN.
- Tình trạng: Đang hoạt động (đã được cấp GCN ĐKT)
- Ngành nghề chính: **Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác**

2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng

Trong bối cảnh đời sống ngày càng phát triển, nhu cầu sửa chữa thiết bị gia đình và sử dụng vật liệu xây dựng ngày càng tăng. Hoạt động sửa chữa, kinh doanh đồ gia dụng, nội thất và vật liệu xây dựng không chỉ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt thiết yếu mà còn góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, tối ưu chi phí và mang lại sự tiện lợi cho người tiêu dùng. Nắm bắt được những nhu cầu trên, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng được thành lập vào ngày 28-03-2018, đánh dấu bước khởi đầu trong hành trình phát triển và khẳng định vị thế của mình trong lĩnh vực dịch vụ thương mại.

Ngay từ những ngày đầu, công ty đã định hướng hoạt động dựa trên các giá trị cốt lõi: *uy tín, chất lượng và hiệu quả*. Doanh nghiệp đã có hơn 7 năm hoạt động trong

lĩnh vực kinh tế, với ngành nghề kinh doanh chủ yếu là bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Trải qua quá trình hình thành và phát triển, công ty từng bước khẳng định vị thế của mình trên thị trường thông qua việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.

Công ty có vốn điều lệ 3.000.000.000 đồng, do Bà Phạm Thị Loan giữ chức vụ Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật. Dưới sự điều hành của ban lãnh đạo, công ty không ngừng mở rộng quy mô hoạt động, đa dạng hóa lĩnh vực kinh doanh và tham gia vào nhiều ngành kinh tế tại Việt Nam, góp phần thúc đẩy hoạt động thương mại và phát triển kinh tế địa phương.

Sau hơn 3 năm hoạt động Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng đã phải đối mặt và trải qua nhiều khó khăn, từ bước đầu hình thành công ty, tạo niềm tin đối với người tiêu dùng, đặc biệt là đại dịch covid-19 kéo dài cho tới năm 2022. Song qua đó, đến nay công ty đã đạt được những thành quả nhất định trong hoạt động sửa chữa máy móc, thiết bị điện và đồ dùng gia đình; đồng thời phát triển hiệu quả lĩnh vực bán buôn, bán lẻ đồ dùng gia đình, vật liệu và thiết bị lắp đặt xây dựng, từng bước khẳng định uy tín trên thị trường.

Hơn thế nữa, Công ty cũng đang cố gắng hoàn thiện và xây mới các quy định về quản lý tài chính, quản lý công nợ, cũng như công tác tính toán về tiền lương cũng như vật tư để nâng cao năng suất lao động, cải tiến và hạ giá thành, nâng cao hiệu quả kinh doanh để bảo toàn và phát triển vốn.

Với phương châm hoạt động hướng tới uy tín, chất lượng và hiệu quả, công ty luôn nỗ lực nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ cũng như xây dựng mối quan hệ hợp tác lâu dài với khách hàng và đối tác.

2.1.3. Chức năng và nhiệm vụ của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng

a. Chức năng

Tổ chức mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng; Tổ chức quản lý chặt chẽ về cơ sở vật chất tiền vốn lưu động chấp hành tốt chế độ chính sách về quản lý nền kinh tế, các chế độ tài chính; Nâng cao chất lượng cuộc sống của công nhân viên.

b. Nhiệm vụ

Đăng ký kinh doanh và kinh doanh theo đúng các ngành nghề đã đăng ký trong giấy đăng ký thành lập doanh nghiệp; Tổ chức quản lý tốt hoạt động trong công ty; Chăm lo đời sống sống, đào tạo nâng cao tay nghề, kỹ năng làm việc cho công nhân viên; Thực hiện đầy đủ các cam kết đối với người tiêu dùng về sản phẩm, dịch vụ, giải quyết thỏa đáng các mối quan hệ lợi ích với các chủ thể kinh doanh theo nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi; Bảo toàn và tăng trưởng vốn, mở rộng kinh doanh; Chấp

hành pháp luật, thực hiện chế độ hạch toán thống kê thống nhất và thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng

a. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thương mại với nhiều mặt hàng đa dạng, phục vụ các doanh nghiệp xây dựng, đơn vị sản xuất, cửa hàng vật liệu và hộ gia đình,...

Công ty chuyên kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng phục vụ sản xuất, xây dựng và sửa chữa như máy phát điện, bánh răng,... Đồng thời, công ty còn cung cấp vật liệu xây dựng, thiết bị điện, đèn chiếu sáng, nội thất cơ bản và các đồ dùng gia đình đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trên thị trường.

Ngoài hoạt động thương mại, công ty còn cung cấp dịch vụ sửa chữa máy móc, thiết bị điện và đồ dùng gia đình theo yêu cầu khách hàng. Nhìn chung, các mặt hàng và dịch vụ của công ty có nhu cầu tương đối ổn định, góp phần tạo nguồn doanh thu thường xuyên và ổn định cho doanh nghiệp.

b. Phương thức bán hàng

Bán buôn: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng sử dụng hình thức bán buôn qua kho theo hình thức chuyển hàng.

Bán lẻ: Bán lẻ cũng là phương thức bán hàng chiếm phần lớn của công ty. Với hình thức này số lượng bán mỗi lần ít hơn bán buôn nhưng doanh thu mang lại cao hơn hình thức bán buôn.

c. Hình thức thanh toán

Phương thức thanh toán: thanh toán ngay bằng tiền mặt hay tiền chuyển khoản đối với những khách hàng nhỏ, số lượng mua ít.

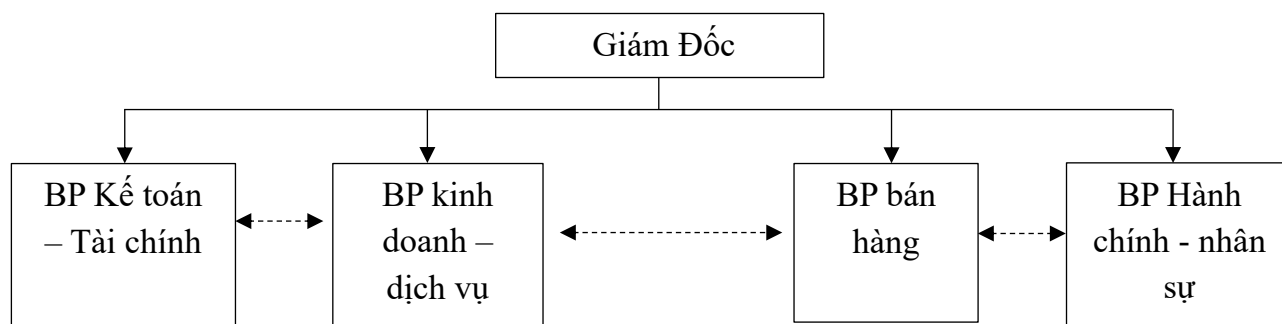
Những khách hàng lớn và khách hàng thường xuyên mua hàng công ty áp dụng hình thức thanh toán trả chậm bằng chuyển khoản (hình thành khoản công nợ phải thu của khách hàng, nợ phải thu cần được hạch toán quản lý chi tiết cho từng đối tượng phải thu và ghi chép theo từng lần thanh toán).

d. Quy trình bán hàng

Đối với khách hàng nhỏ lẻ sẽ trực tiếp đến cửa hàng để mua hàng với số lượng ít nên nhân viên bán hàng chỉ báo giá trực tiếp. Đối với khách hàng lớn, mua với số lượng lớn áp dụng hình thức làm việc qua điện thoại/email/zalo, khi nhận được yêu cầu từ khách hàng nhân viên sẽ kiểm tra số lượng hàng tồn kho đủ để cung cấp cho khách hàng, nếu không đủ liên hệ ngay cho nhà phân phối đặt mua thêm hàng hóa.

2.1.5. Đặc điểm tổ chức quản lý tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng

a. Cơ cấu bộ máy quản lý

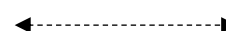


Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại công ty

Chú thích: - Quan hệ chỉ đạo



- Quan hệ phối hợp



❖ Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận

Giám đốc: Là người phụ trách điều hành toàn diện các hoạt động của doanh nghiệp, phân công nhiệm vụ cho các phòng ban chức năng nhằm tối ưu hóa nguồn lực theo đúng chính sách và quy định pháp luật. Giám đốc còn là người đại diện pháp lý, có quyền ra quyết định và chịu trách nhiệm trước pháp luật hoạt động kinh doanh.

Bộ phận kế toán – tài chính: Có chức năng trong việc lập kế hoạch sử dụng và quản lý nguồn tài chính, phân tích các hoạt động kinh tế, hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh; Thu thập, xử lý thông tin tình hình tài chính một cách đầy đủ, chính xác và kịp thời.

Bộ phận kinh doanh – dịch vụ: Có nhiệm vụ đưa sản phẩm đến tay người tiêu dùng, xác định mục tiêu và phương hướng hoạt động kinh doanh. Nghiên cứu các đối thủ cạnh tranh, xây dựng, lập kế hoạch kinh doanh và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Bộ phận bán hàng: Đảm nhận việc xây dựng và phát triển mối quan hệ với khách hàng, thúc đẩy doanh thu, mở rộng thị trường; đồng thời giám sát hiệu quả kinh doanh và thu thập phản hồi khách hàng để cải tiến quy trình bán hàng.

Bộ phận hành chính – nhân sự: Có chức năng tuyển dụng, quản lý, đào tạo nhân sự theo yêu cầu của công ty, lập kế hoạch tuyển dụng và đánh giá tình hình chất lượng, số lượng đội ngũ của công nhân viên trong công ty.

2.1.6. Đặc điểm tổ chức kế toán tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng

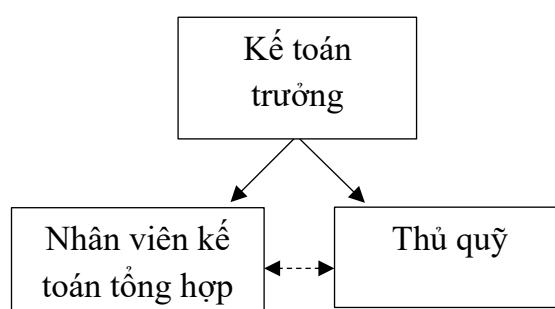
a. Tổ chức bộ máy kế toán

❖ Đặc điểm:

Bộ máy kế toán giữ vai trò quan trọng trong việc quản lý, kiểm tra và giám sát các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty. Việc tổ chức bộ máy kế toán khoa học, hợp lý không chỉ giúp cung cấp thông tin kế toán chính xác mà còn hỗ trợ quản lý tài sản hiệu quả và hạn chế rủi ro trong hoạt động doanh nghiệp.

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng là doanh nghiệp có quy mô nhỏ, áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư 133/2016/TT-BTC. Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung với 03 nhân sự gồm **kế toán trưởng, nhân viên kế toán và thủ quỹ**, có sự phân công và kiểm soát chéo nhằm đảm bảo tính chính xác, hiệu quả trong công tác kế toán.

❖ **Sơ đồ bộ máy kế toán của công ty**



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

Chú thích:

- Quan hệ chỉ đạo —————→
- Quan hệ phối hợp ←-----

Kế toán trưởng: Là người đứng đầu bộ phận kế toán, chịu trách nhiệm chỉ đạo toàn bộ hoạt động kế toán trong công ty; hỗ trợ giám đốc phân tích số liệu kinh doanh, phê duyệt chứng từ, rà soát hợp đồng kinh tế, tổng hợp số liệu và lập báo cáo tài chính trình giám đốc phê duyệt; đồng thời tiếp nhận, truyền đạt thông tin và phân công nhiệm vụ cho kế toán viên.

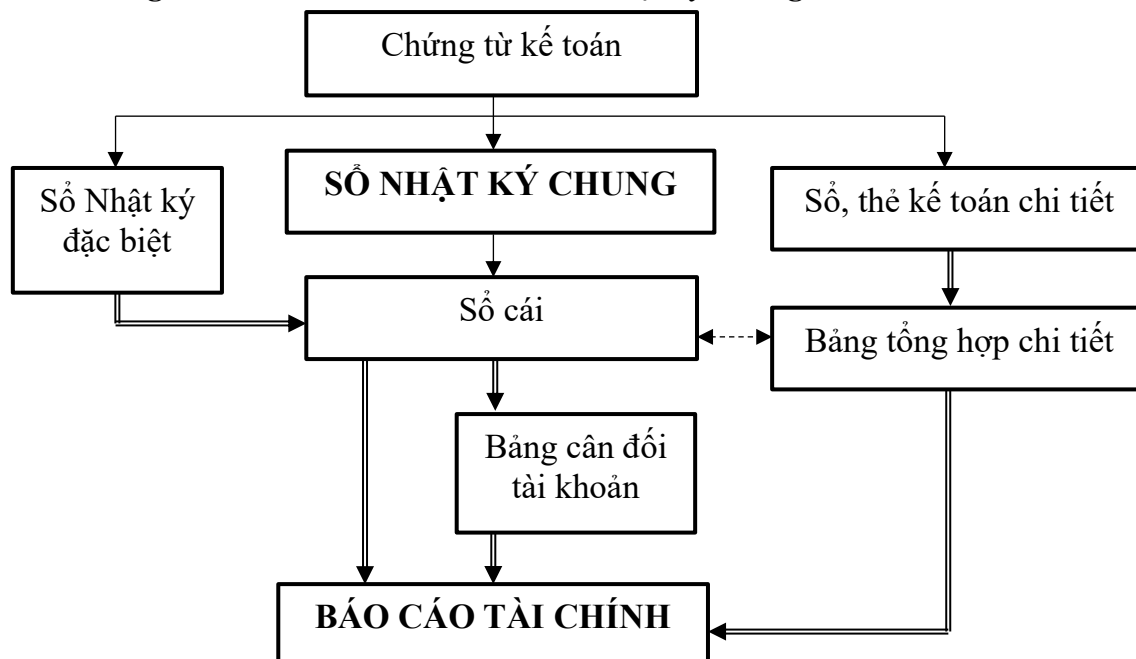
Nhân viên kế toán: Là người đảm nhận việc giám sát và điều phối mọi hoạt động kế toán trong doanh nghiệp. Chịu trách nhiệm thu thập, lưu trữ và nhập liệu các nghiệp vụ phát sinh; lập phiếu thu, phiếu chi, hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho; theo dõi việc thực hiện nghĩa vụ ngân sách Nhà nước và lập báo cáo tài chính, đảm bảo các giao dịch tài chính được xử lý chính xác và đúng quy định.

Thủ quỹ: Là người chịu trách nhiệm quản lý tiền mặt và tài sản tài chính; đảm bảo thu chi minh bạch, đúng quy định; kiểm tra chất lượng tiền để phòng tránh tiền giả; ghi chép đầy đủ, chính xác và lưu trữ chứng từ cẩn thận phục vụ theo dõi, báo cáo.

b. Hình thức kế toán tại Công ty

Căn cứ vào quy mô và đặc điểm hoạt động kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của nhân viên kế toán, điều kiện, công ty đã lựa chọn hình thức sổ kế toán “**Nhật ký chung**”.

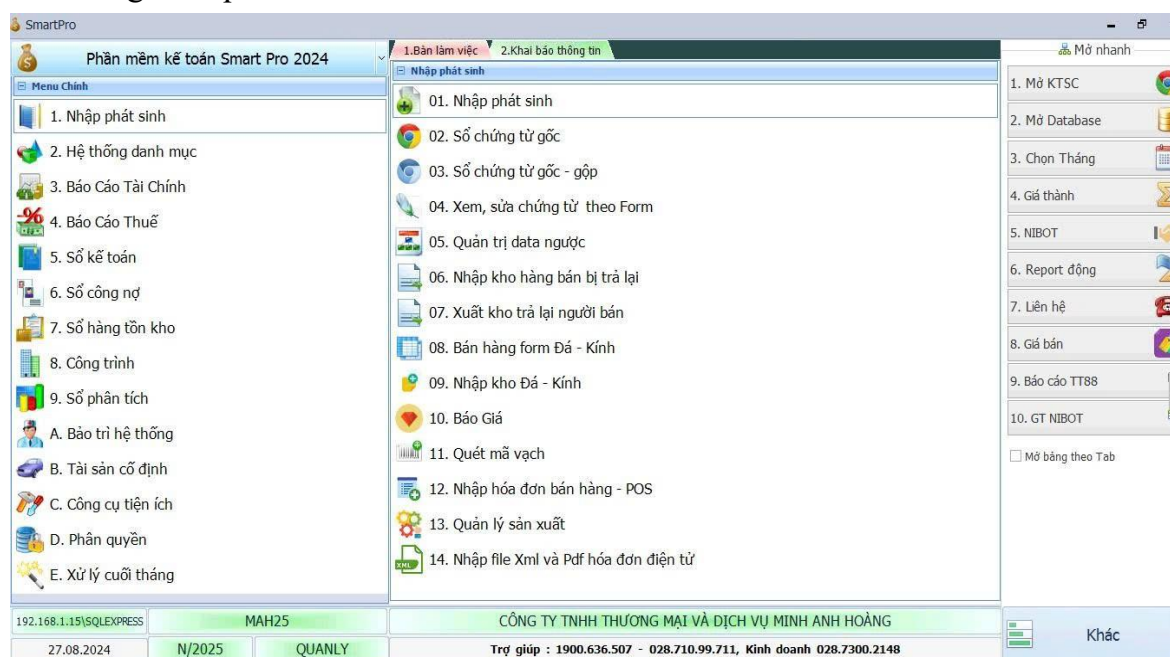
❖ *Sơ đồ ghi sổ kế toán theo hình thức “Nhật ký chung”*



Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức “Nhật ký chung”

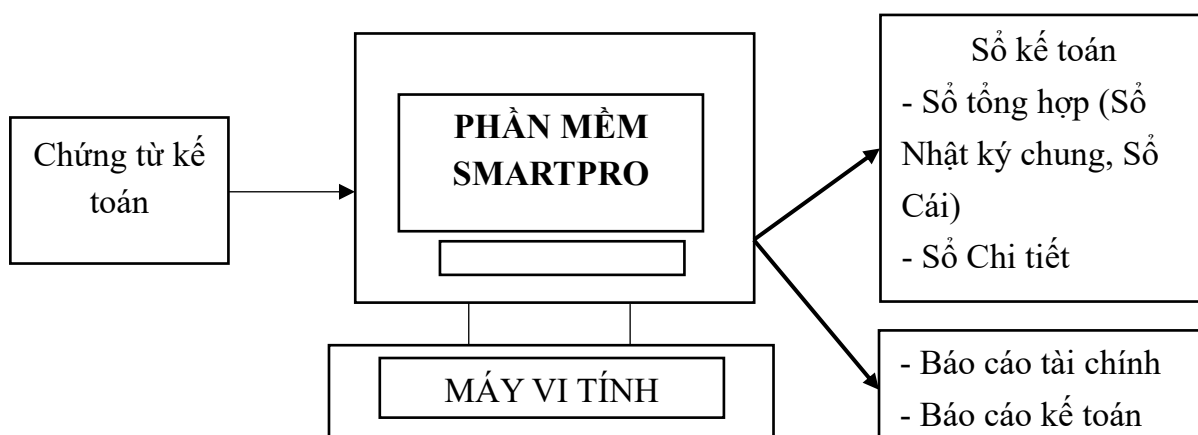
- Chú thích:**
- Ghi hàng ngày →
 - Ghi cuối tháng, cuối quý ⇒
 - Kiểm tra, đối chiếu ↔

Công ty áp dụng phần mềm kế toán SmartPro giúp giảm đáng kể khối lượng công việc cho kế toán và cung cấp thông tin nhanh chóng, kịp thời cho ban lãnh đạo và các đối tượng liên quan.



Hình 2.1: Giao diện chính của phần mềm SmartPro

❖ *Sơ đồ ghi sổ trên phần mềm kế toán theo hình thức “Nhật ký chung”*



Sơ đồ 2.4: Sơ đồ hình thức kế toán trên phần mềm SmartPro

Chú thích:

- Nhập số liệu hằng ngày →
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm →
- Kiểm tra, đối chiếu ↔

✓ **Trình tự ghi sổ kế toán:**

Hàng ngày khi có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, dựa vào các chứng từ gốc (phiếu thu, phiếu chi, hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho, phiếu xuất kho,...) kế toán tiến hành kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của chứng từ.

Sau đó, kế toán viên sẽ dựa trên các chứng từ thu thập được hạch toán vào đúng phần hành trên phần mềm kế toán Smart Pro. Sau khi ghi nhận đầy đủ các nghiệp vụ phát sinh sẽ tự động cập nhập trên sổ sách kế toán (Sổ Nhật ký chung, Sổ chi tiết, Sổ cái) theo trình tự thời gian.

Cuối kỳ thực hiện kiểm tra số liệu trên Sổ chi tiết, Sổ cái (trong quy trình này không in sổ Nhật ký đặc biệt) và các chứng từ gốc nhằm đảm bảo tính chính xác về các số liệu đã nhập. Sau đó tiến hành kết chuyển các khoản doanh thu, chi phí để xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Sau khi đã hoàn tất quy trình kết chuyển, có thể in Bảng cân đối phát sinh tài khoản, Bảng cân đối kế toán, Kết quả kinh doanh, Lưu chuyển tiền tệ (Trực tiếp), Thuyết minh Báo cáo tài chính, Bộ báo cáo tài chính XML theo quy định và theo nhu cầu của Công ty sử dụng.

c. Chế độ kế toán và một số chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

- Niên độ của kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Kỳ kế toán: Năm.
- Đơn vị tiền sử dụng trong kỳ kế toán: Đồng việt nam (VND).
- Chế độ kế toán áp dụng: Báo cáo tài chính Công ty được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty TNHH thương mại

và dịch vụ Minh Anh Hoàng áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính.

- Báo cáo công ty sử dụng: Báo cáo tình hình tài chính; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (theo phương pháp trực tiếp); Bảng cân đối tài khoản; Thuyết minh báo cáo tài chính.

- Hệ thống tài khoản kế toán hiện hành tại Việt Nam theo thông tư 133/2016/TT-BTC của bộ tài chính.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho xuất trong kỳ: Bình quân gia quyền cuối kỳ.

- Phương pháp kế toán hàng tồn kho sử dụng là: Phương pháp kê khai thường xuyên.

- Phương pháp khấu hao tài sản cố định được sử dụng: Phương pháp đường thẳng.

- Công ty áp dụng phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng

2.2.1. Kế toán doanh thu, thu nhập tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng

2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng

a. Nội dung doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty là tổng lợi ích kinh tế mà Công ty thu được trong kỳ kế toán thông qua chủ yếu phát sinh từ việc bán buôn và bán lẻ máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật liệu xây dựng, đồ điện gia dụng và các đồ dùng khác cho gia đình như dây điện, bóng đèn, ống nhựa, ghế, pin sạc, công tắc, bồn,... Doanh thu được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện: Hàng hóa đã được giao cho khách hàng, khách hàng đã chấp nhận thanh toán và công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hay kiểm soát hàng hóa.

Giá trị doanh thu được ghi nhận theo giá bán chưa có thuế GTGT, do công ty áp dụng phương pháp khấu trừ thuế GTGT.

Công ty áp dụng bán hàng theo hai hình thức là bán buôn và bán lẻ. Trong đó hình thức bán hàng chủ yếu là bán lẻ. Hình thức này giúp Công ty tiêu thụ đa dạng các loại hàng hoá, phong phú và tiện lợi, có khả năng nắm bắt được nhanh, chính xác những mong muốn và nguyện vọng của khách hàng. Từ đó có điều kiện để đáp ứng tốt hơn về nhu cầu của khách hàng. Hình thức bán lẻ chủ yếu dựa vào phiếu thu, hóa đơn GTGT. Công ty không sử dụng các hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng, giấy báo giá,... Vì bán lẻ nên khách hàng chủ yếu mua trực tiếp tại Công ty hoặc đặt hàng qua điện thoại.

b. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng

- Chứng từ sử dụng:
 - Hóa đơn giá trị gia tăng
 - Các chứng từ kèm theo: Phiếu thu; Giấy báo có của ngân hàng; Sao kê ngân hàng; Bảng kê hàng hóa bán ra; Các chứng từ có liên quan...
- Sổ sách sử dụng:
 - Sổ Nhật ký chung
 - Sổ Chi tiết tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng
 - Sổ Cái tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Dùng cho hình thức Nhật ký chung)

c. Tài khoản sử dụng

Công ty sử dụng TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ để phản ánh doanh thu phát sinh trong kỳ.

Tuy nhiên ở Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Minh Anh Hoàng chỉ có doanh thu từ việc bán hàng hóa nên công ty chỉ sử dụng TK 5111 – Doanh thu bán hàng hóa.

d. Quy trình ghi sổ

Doanh thu bán hàng hóa

Sau khi khách hàng xem xét và quyết định mua hàng. Kế toán sẽ tiếp nhận đơn mua hàng của khách hàng. Sau khi chuyển giao hàng hóa cho khách hàng, kế toán lập hóa đơn GTGT bằng cách vào phần mềm hóa đơn điện tử Vinvoice để xuất hóa đơn GTGT và gửi hóa đơn GTGT qua cho khách hàng.

Nghiệp vụ 1: Ngày 11/01/2025, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng đã bán cho Công ty TNHH Cơ Điện VSE là 2 bộ Rọ van DN80, đơn giá 1.450.000/bộ; đơn giá chưa bao gồm thuế, thuế GTGT là 8%. Khách hàng đã thanh toán bằng tiền mặt với hóa đơn GTGT số 3.

Công ty vào phần mềm hóa đơn điện tử Vinvoice để lập hóa đơn, các bước tạo hóa đơn: Đầu tiên truy cập vào <https://vinvoice.viettel.vn/account/login>; Sau đó đăng nhập (Nhập tên đăng nhập và mật khẩu) (**Phụ lục 2**); Rồi kích chọn “**Lập hóa đơn**” để lập hóa đơn (**Phụ lục 3**); Điền thông tin và xuất hóa đơn (**Phụ lục 4**).

Khi phát hành cơ quan thuế đã gửi mã và số hóa đơn như hình hóa đơn GTGT bên dưới:

➤ Hóa đơn GTGT số 3

		HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Bản thể hiện của hóa đơn điện tử Ngày 11 tháng 01 năm 2025			Ký hiệu: 1C25TMA Số: 3			
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG Mã số thuế: 0401887420 Địa chỉ: 382 Trần Đại Nghĩa, Phường Hoà Hải, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam Điện thoại: 0972276555 Số tài khoản: 2006201007316 Ngân hàng: Ngân Hàng Agribank - Chi nhánh Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng								
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN VSE Mã số thuế: 0401682582 Địa chỉ: 23 Mẹ Thử, Phường Hòa Xuân, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng, Việt Nam Số tài khoản: Ngân hàng: Hình thức thanh toán: Tiền mặt Ghi chú:								
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất	Tiền thuế	Thành tiền sau thuế
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5	7	8 = 6 x 7	9 = 6 + 8
1	Rọ van DN80	Bộ	2	1.450.000	2.900.000	8%	232.000	3.132.000
Cộng tiền hàng hóa, dịch vụ:					2.900.000		232.000	3.132.000
					Tổng cộng tiền thanh toán:			
Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu một trăm ba mươi hai nghìn đồng Tổng tiền không chịu thuế: Tổng tiền chịu thuế 0%: Tổng tiền chịu thuế 5%: Tổng tiền chịu thuế 8%: 2.900.000 Tổng tiền chịu thuế 10%:								
					Tổng tiền thuế GTGT 5%: Tổng tiền thuế GTGT 8%: 232.000 Tổng tiền thuế GTGT 10%:			
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)					Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên) Signature valid Ký bởi CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG Ký ngày 11/01/2025			
Mã của cơ quan thuế: 00CBE33F15D7FE4E3AB0F68FB2D02BCAFB Đơn vị cung cấp dịch vụ Hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), MST: 0100109106 Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: https://vinvoice.viettel.vn/utilities/invoice-search . Mã số bí mật: GD05M7BJML3C5VG								

Hình 2.2: Hóa đơn GTGT số 3

Sau khi lập hóa đơn giá trị gia tăng, kế toán xuất và giao hóa đơn điện tử cho khách hàng. Chứng từ dùng làm căn cứ ghi sổ: Hóa đơn GTGT số 3 ngày 11/01/2025. Sau đó, kế toán hạch toán nghiệp vụ phát sinh vào phần mềm kế toán SmartPro. Kế toán sử dụng tài khoản 5111 để hạch toán doanh thu bán hàng hóa và các tài khoản liên quan khác như: 1111, 1121, 131, 33311.

Đầu tiên kế toán đăng nhập vào phần mềm Kế toán SmartPro: Điền tên đăng nhập “MAH25” và mật khẩu rồi kích chọn “OK” (Phụ lục 7). Phần mềm sẽ cho ra phân hệ như sau, kế toán dựa vào hóa đơn số 3 hạch toán nghiệp vụ phát sinh: Chọn “**Nhập phát sinh**” → “**Nhập phát sinh**”. (Giao diện nhập phát sinh giống giao diện màn hình chính trang 34).

Cách nhập liệu: Đối với nghiệp vụ tại giao diện phần mềm SmartPro của Công ty, kế toán chọn loại CT là **“HĐBR”** rồi nhấn ENTER; Mã KH là 82582; seri 1C25TMA; Số HĐ 3; ngày HĐ và ngày CT: 11/01/25; HĐ VAT: R. Diễn giải Doanh thu bán hàng TM Rọ van DN80: 11/01/25. Sau đó kế toán nhập các thông tin như sau: TK nợ 1111, TK có 5111; HH Xuất: HH00610; ĐVT; Số lượng; Đơn giá và thuế theo HĐ 3 ấn ENTER tự động phần mềm sẽ ra số tiền. Cuối cùng kiểm tra lại và nhấn **“Lưu”** để lưu.

Lưu ý: Ngày hóa đơn và ngày chứng từ phải đúng và trùng nhau; Định khoản đúng,... → Để khi lên các sổ sẽ không bị sai về ngày, các loại sổ và sổ vật tư hàng hóa giúp công việc cuối kỳ kế toán sẽ gọn nhẹ hơn.

Hình 2.3: Giao diện nhập phần mềm hóa đơn GTGT số 3

Để in được các phiếu (Nghiệp vụ 1 in phiếu thu): Vào phần **“E. Xử lý cuối tháng”** rồi chọn phần **“In chứng từ”** rồi chọn mục **“04. In phiếu thu”** (Phụ lục 8).

Phần mềm sẽ tự động cho ra mẫu phiếu thu theo hóa đơn số 3 thu bằng tiền mặt (Phụ lục 15).

Nghiệp vụ 2: Ngày 25/03/2025, Công ty đã bán cho Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hoàng Ngọc Đà Nẵng là: 60 mét Ống HDPE 100 D200 PN06, đơn giá 211.000/mét; 6 mét Ống HDPE 100 D315 PN6 6m, đơn giá 520.000/mét; 60 mét Ống HDPE 100 D63 PN12.5 100m, đơn giá 39.000/mét. Tất cả đơn giá chưa bao gồm thuế, thuế GTGT là 8%. Khách hàng chưa thanh toán tiền hóa đơn GTGT số 43 (Xem sổ chi tiết công nợ phải thu khách hàng ở phụ lục 21).

Kế toán vào phần mềm hóa đơn điện tử Vinvoice để lập hóa đơn, các bước tạo hóa đơn tương tự nghiệp vụ 1 (Phụ lục 5).

➤ Hóa đơn GTGT số 43

		HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Bản thể hiện của hóa đơn điện tử Ngày 25 tháng 03 năm 2025			Ký hiệu: 1C25TMA Số: 43			
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG Mã số thuế: 0401887420 Địa chỉ: 382 Trần Đại Nghĩa, Phường Hoà Hải, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam Điện thoại: 0972276555 Số tài khoản: 2006201007316 Ngân hàng: Ngân Hàng Agribank - Chi nhánh Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng								
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Hoàng Ngọc Đà Nẵng Mã số thuế: 0401596333 Địa chỉ: 37 Cù Chính Lan, Phường Thanh Khê Đông, Quận Thanh Khê, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam. Số tài khoản: Ngân hàng: Hình thức thanh toán: TM/CK Ghi chú:								
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất	Tiền thuế	Thành tiền sau thuế
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5	7	8 = 6 x 7	9 = 6 + 8
1	Ống HDPE 100 D200 PN06	mét	60	211.000	12.660.000	8%	1.012.800	13.672.800
2	Ống HDPE 100 D315 PN6 6m	mét	6	520.000	3.120.000	8%	249.600	3.369.600
3	Ống HDPE 100 D63 PN12.5 100m	mét	60	39.000	2.340.000	8%	187.200	2.527.200
Cộng tiền hàng hóa, dịch vụ:					18.120.000		1.449.600	19.569.600
Tổng cộng tiền thanh toán:								
Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm đồng								
Tổng tiền không chịu thuế: Tổng tiền chịu thuế 0%: Tổng tiền chịu thuế 5%: Tổng tiền chịu thuế 8%: 18.120.000 Tổng tiền chịu thuế 10%:								
Tổng tiền thuế GTGT 5%: Tổng tiền thuế GTGT 8%: 1.449.600 Tổng tiền thuế GTGT 10%:								
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)					Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên) Signature valid Ký bởi CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG Ký ngày 25/03/2025			
Mã của cơ quan thuế: 002F203D1C0EDE45C5A5FAE302F76F45E2 Đơn vị cung cấp dịch vụ Hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), MST: 0100109106 Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: https://svnvoice.viettel.vn/utilities/invoice-search . Mã số bí mật: B1WMOCWSC97LKES								

Hình 2.4: Hóa đơn GTGT số 43

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 43, kế toán tiến hành hạch toán nghiệp vụ phát sinh vào phần mềm.

Quy trình nhập liệu tương tự với quy trình nhập của **Nghiệp vụ 1**.

Giao diện nhập phần mềm hóa đơn GTGT số 43 xem ở **phụ lục 9**.

Nghiệp vụ 3: Ngày 12/04/2025, Công ty đã bán cho Công ty Cổ phần SODICOM Việt Nam là: 600 mét Ống mềm ruột gà SP9020CM, đơn giá 2.000/mét; 500 mét Ống mềm ruột gà SP9025CM, đơn giá 3.000/mét; 500 cái Đế âm đơn CN, đơn giá 2.500/cái; 150 cái Đế âm đôi S2157/D, đơn giá 6.500/cái; 36 cái Hộp chứa 3-6 át E4FC3/6LA, đơn giá 97.000/cái; 100 cái uPVC Co 21 dày BM, đơn giá 2.600/cái; 60

mét uPVC Ống 21x1,3mm (PN12) BM, đơn giá 6.850/mét. Tất cả đơn giá chưa bao gồm thuế, thuế GTGT là 8%. Khách hàng chưa thanh toán tiền hóa đơn GTGT số 52 (Xem sổ chi tiết công nợ phải thu khách hàng ở phụ lục 21).

Kế toán vào phần mềm hóa đơn điện tử Vinvoice để lập hóa đơn, các bước tạo hóa đơn tương tự nghiệp vụ 1 (Phụ lục 6).

➤ Hóa đơn GTGT số 52

 HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Bản thể hiện của hóa đơn điện tử Ngày 12 tháng 04 năm 2025		Ký hiệu: 1C25TMA Số: 52						
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG Mã số thuế: 0401887420 Địa chỉ: 382 Trần Đại Nghĩa, Phường Hoà Hải, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam Điện thoại: 0972276555 Số tài khoản: 2006201007316 Ngân hàng: Ngân Hàng Agribank - Chi nhánh Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng								
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty Cổ Phần SODICOM VIỆT NAM Mã số thuế: 0105316508 Địa chỉ: Tầng 13, Toà nhà Sudico (HH3), Đường Mỹ Đình 1, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam. Số tài khoản: Ngân hàng: Hình thức thanh toán: TM/CK Ghi chú:								
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất	Tiền thuế	Thành tiền sau thuế
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5	7	8 = 6 x 7	9 = 6 + 8
1	Ông mềm ruột gà SP9020CM	mét	600	2.000	1.200.000	8%	96.000	1.296.000
2	Ông mềm ruột gà SP9025CM	mét	500	3.000	1.500.000	8%	120.000	1.620.000
3	Dế âm đơn CN	cái	500	2.500	1.250.000	8%	100.000	1.350.000
4	Đế âm đôi S2157/D	cái	150	6.500	975.000	8%	78.000	1.053.000
5	Hộp chứa 3-6 át E4FC3/6LA	Cái	36	97.000	3.492.000	8%	279.360	3.771.360
6	uPVC Co 21 dày BM	Cái	100	2.600	260.000	8%	20.800	280.800
7	uPVC Ống 21x1,3mm (PN12) BM	Mét	60	6.850	411.000	8%	32.880	443.880
Cộng tiền hàng hóa, dịch vụ:					9.088.000		727.040	9.815.040
Tổng cộng tiền thanh toán:								
Số tiền viết bằng chữ: Chín triệu tám trăm mười lăm nghìn không trăm bốn mươi đồng Tổng tiền không chịu thuế: Tổng tiền chịu thuế 0%: Tổng tiền chịu thuế 5%: Tổng tiền chịu thuế 8%: 9.088.000 Tổng tiền chịu thuế 10%:								
Tổng tiền thuế GTGT 5%: Tổng tiền thuế GTGT 8%: 727.040 Tổng tiền thuế GTGT 10%:								
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)					Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên) Signature valid Ký bởi CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG Ký ngày 12/04/2025			
Mã của cơ quan thuế: 00AB45AF63D71C44C7B8593518176AF515 Đơn vị cung cấp dịch vụ Hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), MST: 0100109106 Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: https://vinvoice.viettel.vn/utilities/invoice-search . Mã số bí mật: HQKSDGE1M7DB0FR								

Hình 2.5: Hóa đơn GTGT số 52

Quy trình nhập liệu tương tự với quy trình nhập của Nghiệp vụ 1.

Giao diện nhập phần mềm hóa đơn GTGT số 52 xem ở phụ lục 10.

Số liệu được nhập đồng thời phần mềm sẽ tự động cập nhật lên sổ chi tiết TK 131 được thể hiện ở phần phụ lục 21.

→ Sau khi nhập tất cả dữ liệu vào phần mềm sẽ tự động cập nhật lên sổ sách: Sổ Nhật ký chung, Sổ Chi tiết tài khoản 5111, Sổ Cái tài khoản 511.

Giao diện phần mềm để mở cái loại sổ xem **Phụ lục 20**.

❖ Sổ Nhật ký chung (Phụ lục 1)

Để mở được sổ Nhật ký chung: Vào phần mềm, chọn mục “05. Sổ kế toán”. Sau đó chọn mục “01. Sổ nhật ký chung” rồi nhấn “In” (Phụ lục 22).

Tương tự như trên, để mở được Sổ Chi tiết Tài khoản: Chọn mục “06. Sổ Chi tiết Tài khoản” => Chọn năm 2025, điền “5111” rồi nhấn “In” (Phụ lục 23).

❖ Sổ Chi tiết TK 5111

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG
382 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế : 0401887420

Mẫu số S19-DNN
Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Mã hiệu : 5111-Doanh thu bán hàng hóa
Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
03/01/25	HDBR.1	03/01/25	Bán hàng NPL-H4-Bộ 4 tại gần âm trần cho đèn Panel tấm Ngày: 03/01/2025	131		84.000
03/01/25	HDBR.1	03/01/25	Bán hàng Hộp đầu 2X Ngày: 03/01/2025	131		728.000
...	...	...	...	...	...	...
11/01/25	HDBR.3	11/01/25	Doanh thu bán hàng vụ TM Rọ van DN80 Ngày: 11/01/2025 - CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN VSE	1111		2.900.000
11/01/25	HDBR.4	11/01/25	Bán hàng hóa Công nợ Chốt Pittong M12 Ngày: 11/01/2025 - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHAI THÁC NHÀ GA QUỐC TẾ ĐÀ NẴNG	131		3.870.000
...	...	...	...	...	...	...
25/03/25	HDBR.42	25/03/25	Bán hàng Ngày: 25/03/2025 - CÔNG TY TNHH XD -TM -DV GIA NGUYỄN	1111		424.000
...	...	...	...	...	...	...
25/03/25	HDBR.43	25/03/25	Bán hàng Ngày: 25/03/2025 - CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HOÀNG NGỌC ĐÀ NẴNG	131		12.660.000
25/03/25	HDBR.43	25/03/25	Bán hàng Ngày: 25/03/2025 - CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HOÀNG NGỌC ĐÀ NẴNG	131		3.120.000
25/03/25	HDBR.43	25/03/25	Bán hàng Ngày: 25/03/2025 - CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HOÀNG NGỌC ĐÀ NẴNG	131		2.340.000
...	...	...	...	...	...	...
11/04/25	HDBR.51	11/04/25	Bán hàng HĐ số: 51	131		75.000
...	...	...	...	...	...	...
12/04/25	HDBR.52	12/04/25	Bán hàng HĐ số: 52	131		1.200.000
12/04/25	HDBR.52	12/04/25	Bán hàng HĐ số: 52	131		1.500.000
12/04/25	HDBR.52	12/04/25	Bán hàng HĐ số: 52	131		1.250.000
12/04/25	HDBR.52	12/04/25	Bán hàng HĐ số: 52	131		975.000
12/04/25	HDBR.52	12/04/25	Bán hàng HĐ số: 52	131		3.492.000
12/04/25	HDBR.52	12/04/25	Bán hàng HĐ số: 52	131		260.000
12/04/25	HDBR.52	12/04/25	Bán hàng HĐ số: 52	131		411.000
...	...	...	...	...	...	...
31/12/25	HDBR.265	31/12/25	Đền báo XB7EV04MP Ngày: 31/12/2025	131		1.150.000
31/12/25	HDBR.265	31/12/25	Đền báo XB7EV05MP Ngày: 31/12/2025	131		1.150.000
31/12/25	HDBR.265	31/12/25	Băng dính chống trơn trượt 50mm x 18.3m Ngày: 31/12/2025	131		1.450.000
31/12/25	KC.02	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	911	1.618.694.559	
			Cộng phát sinh		9.603.948.622	9.603.948.622
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc
Phạm Thị Loan

Bảng 2.1: Sổ Chi tiết tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa

Đề mở Sổ Cái TK 511 và xem thông tin kế toán thực hiện thao tác: Vào “**05. Sổ kế toán**” → Chọn “**07. Sổ cái tài khoản**” sau đó điền “**511**” kích chọn “**In**” (Phụ lục 24).

❖ **Sổ Cái TK 511:**

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG
382 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế : 0401887420

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Mã hiệu :511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
03/01/25	HDBR.1	03/01/25	Bán hàng uPVC Ống 90x2,6mm (PN6) BM Ngày: 03/01/2025	131		54.452.200
11/01/25	HDBR.3	11/01/25	Doanh thu bán hàng vụ TM Rơ van DN80 Ngày: 11/01/2025 - CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN VSE	1111		2.900.000
11/01/25	HDBR.4	11/01/25	Bán hàng hóa Công nợ Chốt Pittong M12 Ngày: 11/01/2025 - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHAI THÁC NHÀ GA QUỐC TẾ ĐÀ NẴNG	131		3.870.000
...	...	...	...	...	...	...
19/03/25	HDBR.38	19/03/25	Bán hàng - CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y KHOA PHAN CHÂU TRINH	1111		6.665.232
24/03/25	HDBR.39	24/03/25	Bán hàng - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHAI THÁC NHÀ GA QUỐC TẾ ĐÀ NẴNG	131		155.000.000
25/03/25	HDBR.43	25/03/25	Bán hàng Ngày: 25/03/2025 - CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HOÀNG NGỌC ĐÀ NẴNG	131		18.120.000
25/03/25	HDBR.40	25/03/25	Bán hàng Ngày: 25/03/2025 - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHAI THÁC NHÀ GA QUỐC TẾ ĐÀ NẴNG	131		63.965.000
...	...	...	...	...	...	...
11/04/25	HDBR.50	11/04/25	Bán hàng HĐ số: 50 Ngày: 11/04/2025	131		77.686.140
12/04/25	HDBR.52	12/04/25	Bán hàng HĐ số: 52	131		9.088.000
...	...	...	...	...	...	...
31/12/25	KC.02	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	911	1.618.694.559	
31/12/25	HDBR.264	31/12/25	Thùng nước T1125APW Ngày: 31/12/2025	131		31.312.000
31/12/25	HDBR.263	31/12/25	SƠN TOUGH SHIELD PRIMER 17L Ngày: 31/12/2025	131		24.283.000
31/12/25	HDBR.265	31/12/25	Rơ le nhiệt LRD35 Ngày: 31/12/2025	131		21.277.000
31/12/25	HDBR.262	31/12/25	WEV1582SW- Ổ cắm đôi 3 chấu màu trắng tuyết Ngày: 31/12/2025	131		51.525.000
			CỘNG PHÁT SINH		9.603.948.622	9.603.948.622
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		9.603.948.622	9.603.948.622

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc
Phạm Thị Loan

Bảng 2.2: Sổ Cái tài khoản 511 – DTBH và CCDV

2.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng

Trong năm 2025, Công ty không có phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến các khoản giảm trừ doanh thu.

2.2.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng

a. Nội dung doanh thu hoạt động tài chính tại công ty

Doanh thu từ hoạt động tài chính của Công ty tạo ra chủ yếu là khoản doanh thu thu được từ khoản lãi tiền gửi tài khoản ngân hàng... Tuy nhiên, khoản tiền thu từ tiền lãi rất nhỏ, không đáng kể. Cho nên phần doanh thu từ hoạt động tài chính chiếm rất ít trong tổng doanh thu của Công ty. Công ty sử dụng ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng (Agribank).

b. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng

- Chứng từ sử dụng
- Sổ phụ ngân hàng; Phiếu kết chuyển
 - Sổ sách sử dụng
- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Chi tiết TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
- Sổ Cái TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính (Dành cho hình thức nhật Ký chung)

c. Tài khoản sử dụng

- Công ty sử dụng tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

d. Quy trình ghi sổ

Nghiệp vụ 4: Ngày 30/11/2025, Công ty nhận được sổ phụ kèm giấy báo Có từ ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng (Agribank), trong đó có phát sinh khoản lãi tiền gửi tài khoản được ngân hàng chuyển khoản thanh toán với số tiền lãi Công ty nhận được là 147.551 đồng.

➤ Sổ phụ ngân hàng

27/11/2025	cty minh anh hoang ck cty anh anh tu gia dung tan a dai thanh				
28/11/2025	cty minh anh hoang ck cty potech	10,482,600		1,264,348,731	64959886
28/11/2025	cty minh anh hoang ck cty ga lup	9,521,400		1,254,827,331	64970725
28/11/2025	ADC TT MINH ANH HOANG		43,845,315	1,298,672,646	5091168
28/11/2025	cty minh anh hoang ck cty daphaco	17,959,926		1,280,712,720	66019808
30/11/2025	Lãi tiền gửi		147,551	1,280,860,271	
01/12/2025	cty minh anh hoang ck cty an lan	9,506,600		1,271,353,671	62167784
01/12/2025	cty minh anh hoang ck cty thuan luc	400,066,000		871,287,671	62174884
01/12/2025	cty minh anh hoang ck cty an lan	46,400,656		824,887,015	64448572
01/12/2025	BV PCT TT TIEN MUA VAT TU CSHT T9 VA T10 HD 182.188.205 -		14,832,840	839,719,855	94615179

Hình 2.6: Trích sổ phụ ngân hàng ngày 30 tháng 11 năm 2025

Căn cứ vào sổ phụ Ngân hàng, kế toán tiến hành nhập liệu. Vào phần mềm “**Nhập phát sinh**” chọn “**Nhập phát sinh**” như hướng dẫn.

Bước 1: Loại chứng từ: CTNH (AGR)

Bước 2: Nhập liệu những chứng từ thông tin trên sổ phụ ngân hàng (ngày, diễn giải, số tiền,...)

Bước 3: Chọn “Lưu” để lưu nghiệp vụ.

Hình 2.7: Màn hình nhập liệu lãi tiền gửi ngân hàng

Phần mềm sẽ tự động cho ra mẫu chứng từ ngân hàng theo nghiệp vụ ngày 30/11/2025 **(Phụ lục 16)**.

→ Sau khi nhập liệu vào phần mềm dữ liệu sẽ tự động cập nhật vào Sổ Nhật ký chung, Sổ Chi tiết TK 515, Sổ Cái TK 515.

Để mở được sổ Nhật ký chung, kế toán thực hiện các thao tác tương tự như **trang 42 (Xem sổ Nhật ký chung ở phụ lục 1)**.

Để mở sổ Chi tiết tài khoản 515 và xem thông tin kế toán thực hiện thao tác: Vào “**Sổ kế toán**” chọn “**Sổ chi tiết tài khoản**” điền tài khoản “**515**” sau đó kích chọn “**In**” **(Phụ lục 25)**.

❖ **Sổ Chi tiết TK 515**

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG
382 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế : 0401887420

Mẫu số S19-DNN
Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Mã hiệu : 515-Doanh thu hoạt động tài chính
Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/01/25	CTNH.000073/01	31/01/25	Lãi tiền gửi	1121AGR		83.633
31/01/25	KC.02	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	83.633	
...	...	...	...	...	...	...
30/11/25	CTNH.000496/01	30/11/25	Thu lãi tiền gửi	1121AGR		147.551
30/11/25	KC.02	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	147.551	
31/12/25	CTNH.000552/01	31/12/25	Thu lãi tiền gửi	1121AGR		86.377
31/12/25	KC.03	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	86.377	
			Cộng phát sinh		902.154	902.154
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thị Loan

Bảng 2.3: Sổ chi tiết TK 515

Để mở Sổ Cái TK 515 và xem thông tin kế toán thực hiện thao tác: Vào “**05. Sổ kế toán**”. Chọn “**07. Sổ cái tài khoản**” sau đó điền “**515**” kích chọn “**In**” (Phụ lục 26).

❖ Sổ Cái TK 515

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG
382 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế : 0401887420

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI
Mã hiệu : 515 - Doanh thu hoạt động tài chính
Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
31/01/25	CTNH.000073/01	31/01/25	Lãi tiền gửi	1121AGR		83.633
31/01/25	KC.02	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	83.633	
28/02/25	CTNH.000013/01	28/02/25	Lãi tiền gửi	1121AGR		82.418
28/02/25	KC.02	28/02/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	82.418	
...	...	...	...	...	...	...
30/11/25	CTNH.000496/01	30/11/25	Thu lãi tiền gửi	1121AGR		147.551
30/11/25	KC.02	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	147.551	
31/12/25	CTNH.000552/01	31/12/25	Thu lãi tiền gửi	1121AGR		86.377
31/12/25	KC.03	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	86.377	
			CỘNG PHÁT SINH		902.154	902.154
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		902.154	902.154

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Bảng 2.4: Sổ Cái tài khoản 515

2.2.1.4. Kế toán thu nhập khác tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng

a. Nội dung thu nhập khác tại công ty

Mỗi tháng sẽ được nhận chiết khấu thương mại do mua hàng với số lượng nhiều và số tiền sẽ bù vào công nợ của lần mua tiếp theo.

b. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng

- Chứng từ sử dụng
 - Hóa đơn GTGT
 - Phiếu kế toán
 - Phiếu kết chuyển
- Sổ sách sử dụng
 - Sổ Nhật ký chung
 - Sổ Chi tiết TK 711 – Thu nhập khác
 - Sổ Cái TK 711 – Thu nhập khác (Dùng cho hình thức nhật ký chung)

c. Tài khoản sử dụng

- Công ty sử dụng tài khoản 711 – Thu nhập khác

d. Quy trình ghi sổ

Nghiệp vụ 5: Ngày 25/01/2025, Công ty Cổ phần Nhựa Tân Á Đại Thành đã chiết khấu cho Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng với số tiền chưa thuế là 20.261.792 đồng, thuế GTGT 8% là 1.620.943 đồng theo hóa đơn số 63.



Mẫu số 1
Ký hiệu: C25TPM
Số: 63

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 25 tháng 01 năm 2025

MCCQT: 0071B7BC6FFC9F49E5920169E0626349E0

Tên người bán: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN Á ĐẠI THÀNH TẠI ĐÀ NẴNG

Mã số thuế: 0315661606-019

Địa chỉ: Lô 32, khu B2-31, khu đô thị Phước Lý, Phường Hoà Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại:

Số tài khoản:

Tên người mua: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG

Họ tên người mua hàng:

Mã số thuế: 0401887420

Địa chỉ: 382 Trần Đại Nghĩa, Phường Hoà Hải, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Hình thức thanh toán: TM/CK/BTCN

Số tài khoản:

Đơn vị tiền tệ: VND

Số bảng kê:

Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Chiết khấu thương mại		Chiết khấu thương mại tháng 01/2025	VND	1	20.261.792	0	8%	20.261.792

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế	Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	20.261.792
8%	20.261.792	1.620.943	Tổng giảm trừ không chịu thuế	
			Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	1.620.943
			Tổng tiền phí	
			Tổng tiền chiết khấu thương mại	20.261.792
			Tổng giảm trừ khác	
			Tổng tiền thanh toán bằng số	21.882.735
			Tổng tiền thanh toán bằng chữ	Hai mươi một triệu tám trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm ba mươi lăm đồng

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid
Ký bởi CHI NHÁNH CÔNG TY
CỔ PHẦN NHỰA TÂN Á ĐẠI
THÀNH TẠI ĐÀ NẴNG
Ký ngày: 2025-01-25 12:12:00

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)

Hình 2.8: Hóa đơn GTGT số 63

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 63, kế toán tiến hành nhập liệu. Vào phần mềm “Nhập phát sinh” chọn “Nhập phát sinh” như hướng dẫn.

Bước 1: Loại chứng từ: PKT

Bước 2: Nhập liệu những chứng từ thông tin trên hóa đơn số 63 (ngày, diễn giải, số tiền,...)

Bước 3: Chọn “Lưu” để lưu nghiệp vụ.

Hình 2.9: Giao diện chiết khấu thương mại theo hóa đơn số 63

Phần mềm sẽ tự động cho ra mẫu phiếu kế toán theo hóa đơn số 63 như sau:

➤ Phiếu kế toán

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG

Địa chỉ :382 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0401887420

Số : 000001/01

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 25 tháng 1 năm 2025

Số TT	TK Nợ	ĐTPN Nợ	TK Có	ĐTPN Có	Diễn Giải	Thành Tiền
1	331	61606019	711	61606019	Chiết khấu thương mại	20.261.792
2	331	61606019	1331	61606019	Thuế GTGT mua vào HĐ số	1.620.943
Tổng cộng						21.882.735

Ngày 25 tháng 1 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Hình 2.10: Phiếu kế toán theo hóa đơn số 63

→ Sau khi nhập liệu vào phần mềm dữ liệu sẽ tự động cập nhật vào Sổ Nhật ký chung, Sổ Chi tiết TK 711, Sổ Cái TK 711.

Để mở được sổ Nhật ký chung, kế toán thực hiện các thao tác tương tự như **trang 42 (Xem sổ Nhật ký chung ở phụ lục 1).**

Để mở sổ chi tiết tài khoản 711 – Thu nhập khác và xem thông tin kế toán thực hiện thao tác: Vào “**Sổ kế toán**” chọn “**Sổ chi tiết tài khoản**” điền tài khoản “**711**” sau đó kích chọn “**In**” (Phụ lục 27).

❖ **Sổ Chi tiết TK 711**

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG
382 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế : 0401887420

Mẫu số S19-DNN
Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Mã hiệu : 711-Thu nhập khác
Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
25/01/25	PKT.000001/01	25/01/25	Chiết khấu thương mại	331		20.261.792
...	...	...	...	...	...	...
31/10/25	PNK.1222	31/10/25	Chiết khấu HD số: 1222, Ngày 31/10/2025	331		1.237.420
31/10/25	KC.06	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 711	911	1.237.420	
30/11/25	PC.21304	30/11/25	Chiết khấu HD số: 21304, Ngày 30/11/2025	331		388.889
30/11/25	PC.1350	30/11/25	Chiết khấu HD số: 1350, Ngày 30/11/2025	331		371.745
30/11/25	KC.06	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 711	911	760.634	
31/12/25	PC.1501	31/12/25	Chiết khấu HD số: 1501, Ngày 31/12/2025	331		11.285.900
31/12/25	KC.07	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 711	911	11.285.900	
			Cộng phát sinh		75.141.220	75.141.220
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thị Loan

Bảng 2.5: Sổ chi tiết tài khoản 711 – Thu nhập khác

Để mở sổ cái tài khoản 711 – Thu nhập khác và xem thông tin kế toán thực hiện thao tác: Vào “**Sổ kế toán**” chọn “**Sổ cái tài khoản**” điền tài khoản “**711**” sau đó kích chọn “**In**”. (Phụ lục 28).

❖ **Sổ Cái TK 711**

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG
382 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế : 0401887420

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Mã hiệu :711 - Thu nhập khác
Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
25/01/25	PKT.000001/01	25/01/25	Chiết khấu thương mại	331		20.261.792
...	...	...	...	...	...	...
31/10/25	PNK.1222	31/10/25	Chiết khấu HD số: 1222, Ngày 31/10/2025	331		1.237.420
31/10/25	KC.06	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 711	911	1.237.420	
30/11/25	PC.21304	30/11/25	Chiết khấu HD số: 21304, Ngày 30/11/2025	331		388.889
30/11/25	PC.1350	30/11/25	Chiết khấu HD số: 1350, Ngày 30/11/2025	331		371.745
30/11/25	KC.06	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 711	911	760.634	
31/12/25	PC.1501	31/12/25	Chiết khấu HD số: 1501, Ngày 31/12/2025	331		11.285.900
31/12/25	KC.07	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 711	911	11.285.900	
			CỘNG PHÁT SINH		75.141.220	75.141.220
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		75.141.220	75.141.220

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thị Loan

Bảng 2.6: Sổ Cái tài khoản 711 – Thu nhập khác

2.2.2. Kế toán chi phí tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng

2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng

a. Nội dung giá vốn hàng bán tại công ty

Giá vốn hàng bán là khoản chi phí chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong tổng chi phí của công ty. Giá vốn hàng bán của công ty là trị giá mua thực tế của hàng hóa xuất bán tại công ty.

Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và sử dụng phương pháp giá bình quân gia quyền tại thời điểm xuất kho (thời điểm được tính đến cuối ngày ghi sổ) để xác định giá xuất kho hàng hóa. Theo phương pháp này sau mỗi lần nhập hàng phần mềm sẽ tự động tính và chạy lại giá xuất kho.

b. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng

- Chứng từ sử dụng:
 - Phiếu xuất kho
 - Phiếu kết chuyển
- Sổ sách sử dụng:
 - Sổ Nhật ký chung
 - Sổ Chi tiết tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán
 - Sổ Cái tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán (Dùng cho hình thức nhật ký chung)

c. Tài khoản sử dụng

- Công ty sử dụng tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

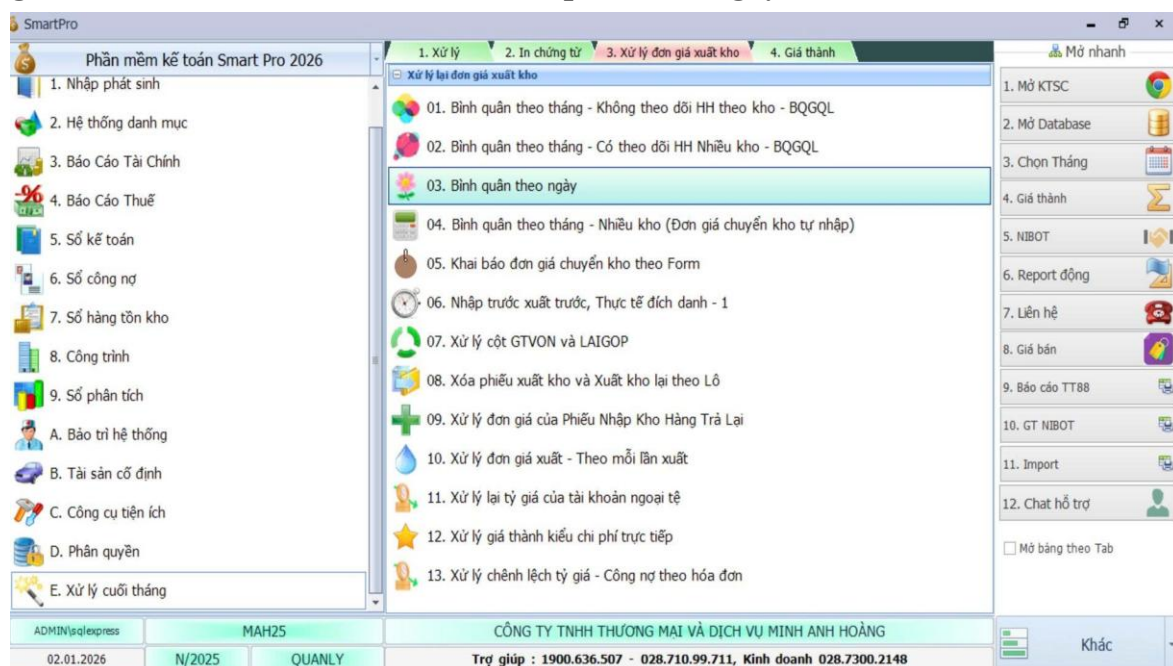
d. Quy trình ghi sổ

Giá vốn hàng bán

Sau khi nhận được đề nghị mua hàng từ khách hàng, nhân viên bán hàng sẽ báo cho kế toán lập phiếu xuất kho để chuyển sang thủ kho xuất hàng hóa cho khách. Sau đó chuyển về lại phòng kế toán lưu trữ tệp.

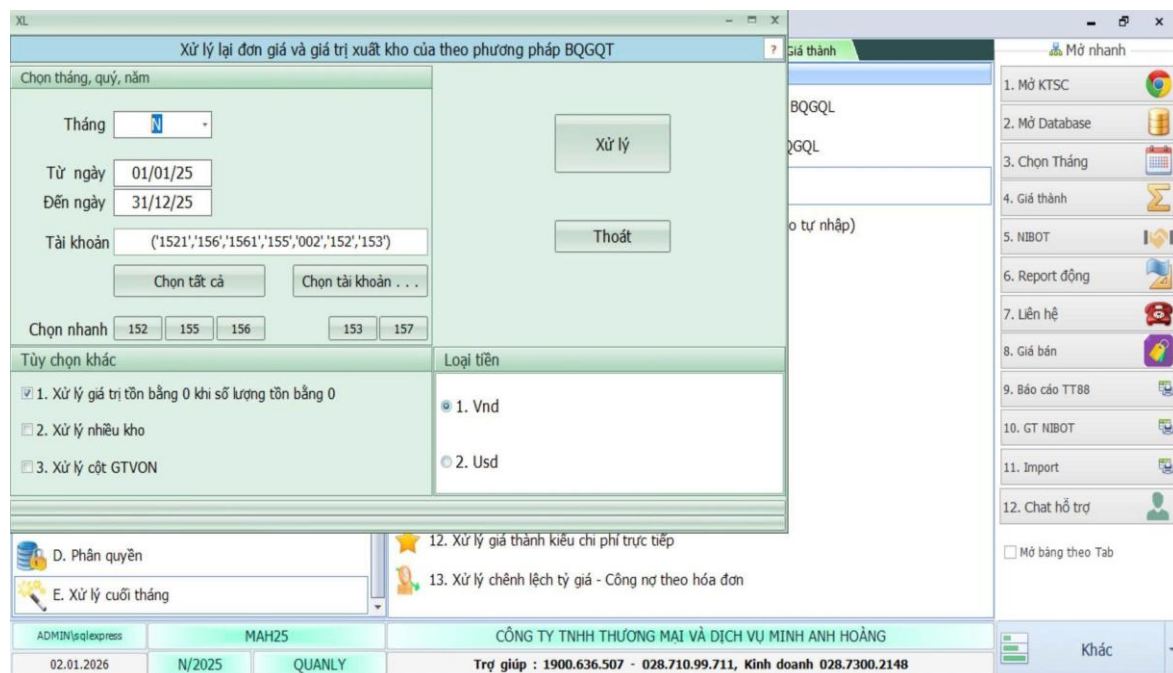
Căn cứ theo hóa đơn GTGT được lập, kế toán tiến hành xuất phiếu xuất kho theo hóa đơn GTGT đã được hạch toán vào phần mềm. Phần mềm sẽ tự động cập nhật đơn giá. Phiếu xuất kho được lập dựa trên cơ sở hóa đơn GTGT đã được nhập và tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền, cụ thể là bình quân theo ngày.

Theo nghiệp vụ 1, 2 và 3 khi nhập liệu doanh thu vào phần mềm xong, để thực hiện xuất kho giá vốn bấm vào phần **“E. Xử lý cuối tháng”**, sau đó chọn **“Xử lý đơn giá xuất kho”** và chọn mục **“03. Bình quân theo ngày”**.



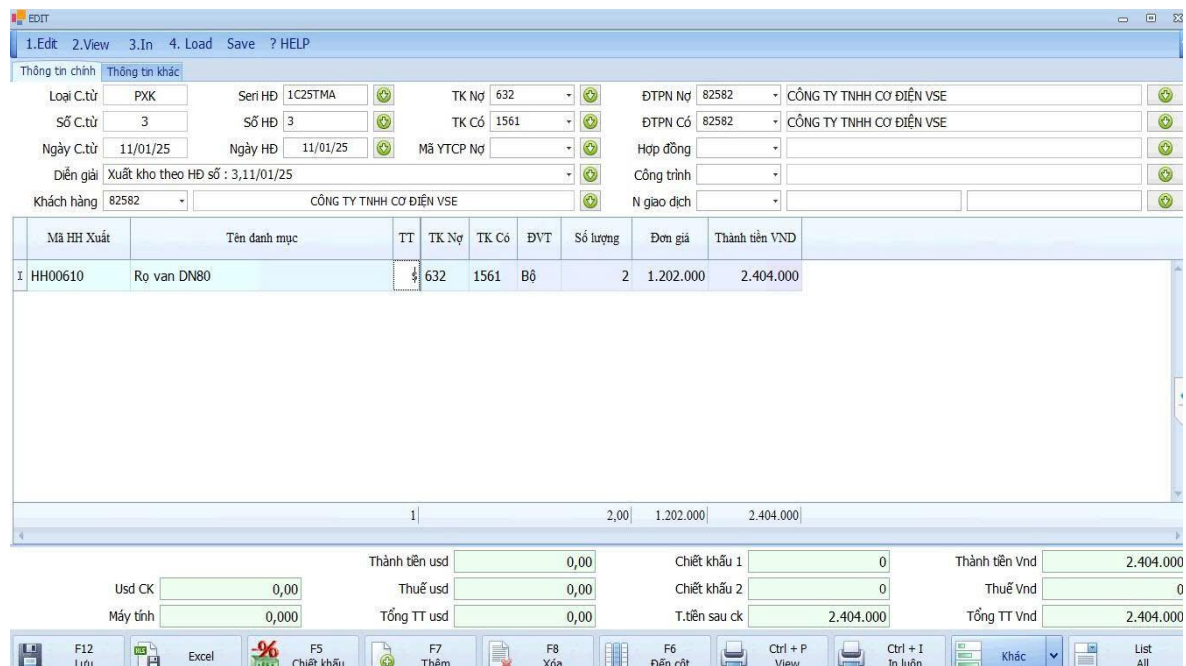
Hình 2.11: Màn hình xử lý đơn giá xuất kho

- Sau đó chọn Xuất kho giá vốn cho các hóa đơn bán hàng và nhấn “Xử lý” phần mềm sẽ tự động cập nhật giá vốn của mặt hàng đã bán ra trong tháng.



Hình 2.12: Giao diện tính giá xuất kho

- Kế toán sử dụng tài khoản 632 để hạch toán giá vốn hàng bán và các tài khoản liên quan khác như tài khoản 1561,...



Hình 2.13: Giao diện phiếu xuất kho theo hóa số 3

Sau khi thực hiện thao tác tính giá xuất kho, giá xuất kho cập nhật vào phiếu xuất kho.

➤ Phiếu xuất kho:

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG
382 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
MST : 0401887420

Mẫu số : 02 - TT
 (Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
 Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 11 tháng 1 năm 2025

Số : 3

Nợ : 632

Có : 1561

Người nhận hàng : CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN VSE

Theo hóa đơn số : 3 Ngày : 11/01/25

Xuất tại kho : CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN VSE

Lý do xuất : Xuất kho theo HĐ số : 3,11/01/25

STT	Tên vật tư hàng hóa	Mã VTHH	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Rọ van DN80	HH00610	Bộ	2,00	1.202.000	2.404.000	
Tiền hàng						2.404.000	

Số chứng từ gốc kèm theo :

Ngày 11 tháng 1 năm 2025

Người lập phiếu
 (Ký, họ tên)

Người nhận hàng
 (Ký, họ tên)

Thủ kho

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Hình 2.14: Phiếu xuất kho theo hóa đơn số 3

Giao diện phiếu xuất kho đã tính giá xuất kho theo hóa đơn số 43 trên phần mềm
(Phụ lục 38).

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG
382 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
MST : 0401887420

Mẫu số : 02 - TT
 (Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
 Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 25 tháng 3 năm 2025

Số : 43

Nợ : 632

Có : 1561

Người nhận hàng : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HOÀNG NGỌC ĐÀ NẴNG

Theo hóa đơn số : 43 Ngày : 25/03/25

Xuất tại kho : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HOÀNG NGỌC ĐÀ NẴNG

Lý do xuất : Xuất kho theo HĐ số : 43,25/03/25

STT	Tên vật tư hàng hóa	Mã VTHH	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Ống HDPE 100 D200 PN06	HH00863	mét	60,00	210.660	12.639.600	
2	Ống HDPE 100 D315 PN6 6m	HH00867	mét	6,00	519.900	3.119.400	
3	Ống HDPE 100 D63 PN12.5 100m	HH00862	mét	60,00	38.940	2.336.400	
Tiền hàng						18.095.400	

Số chứng từ gốc kèm theo :

Ngày 25 tháng 3 năm 2025

Người lập phiếu
 (Ký, họ tên)

Người nhận hàng
 (Ký, họ tên)

Thủ kho

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Hình 2.15: Phiếu xuất kho theo hóa đơn số 43

Giao diện phiếu xuất kho đã tính giá xuất kho theo hóa đơn số 52 trên phần mềm
(Phụ lục 39).

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG
382 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
MST : 0401887420

Mẫu số : 02 - TT
 (Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
 Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU XUẤT KHO
 Ngày 12 tháng 4 năm 2025

Số : 52
 Nợ : 632
 Có : 1561

Người nhận hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SODICOM VIỆT NAM

Theo hóa đơn số : 52 Ngày : 12/04/25

Xuất tại kho : CÔNG TY CỔ PHẦN SODICOM VIỆT NAM

Lý do xuất : Xuất kho theo HĐ số : 52,12/04/25

STT	Tên vật tư hàng hóa	Mã VTHH	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Ông mềm ruột gà SP9020CM	HH00368	m	600,00	1.953	1.171.523	
2	Ông mềm ruột gà SP9025CM	HH00369	m	500,00	2.778	1.389.000	
3	Đề âm đơn CN	D1CN	Cái	500,00	2.462	1.230.885	
4	Đề âm đôi S2157/D	D2S2157	Cái	150,00	5.882	882.292	
5	Hộp chứa 3-6 át E4FC3/6LA	HC36	Cái	36,00	87.037	3.133.332	
6	uPVC Co 21 dày BM	BMC21	Cái	100,00	2.536	253.617	
7	uPVC Ống 21x1,3mm (PN12) BM	BM1221	Mét	60,00	6.578	394.699	
Tiền hàng						8.455.348	

Số chứng từ gốc kèm theo :

Người lập phiếu
 (Ký, họ tên)

Người nhận hàng
 (Ký, họ tên)

Thủ kho

Ngày 12 tháng 4 năm 2025
 Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Hình 2.16: Phiếu xuất kho theo hóa đơn số 52

→ Sau khi thực hiện các thao tác tính giá xuất kho, phần mềm sẽ tự động cập nhật vào Sổ Nhật ký chung, sổ Chi tiết TK 632, sổ Cái TK 632. Kế toán thực hiện in và xem sổ sách để đối chiếu kiểm tra.

Để mở được sổ Nhật ký chung, kế toán thực hiện các thao tác tương tự như **trang 42 (Xem sổ Nhật ký chung ở phụ lục 1)**.

Để mở sổ chi tiết tài khoản 632 và xem thông tin kế toán thực hiện thao tác: Vào “**Sổ kế toán**” chọn “**Sổ chi tiết tài khoản**” điền tài khoản “**632**” sau đó kích chọn “**In**” (**Phụ lục 29**).

❖ **Sổ chi tiết TK 632**

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG
382 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế : 0401887420

Mẫu số S19-DNN
Ban hành theo TT số
133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài
Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Mã hiệu : 632-Giá vốn hàng bán
Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
...	...	...	...	...	...	...
11/01/25	PXK.3	11/01/25	Xuất kho theo HĐ số : 3,11/01/25	1561	2.404.000	
...	...	...	...	...	...	...
25/03/25	PXK.43	25/03/25	Xuất kho theo HĐ số : 43,25/03/25	1561	12.639.600	
25/03/25	PXK.43	25/03/25	Xuất kho theo HĐ số : 43,25/03/25	1561	3.119.400	
25/03/25	PXK.43	25/03/25	Xuất kho theo HĐ số : 43,25/03/25	1561	2.336.400	
...	...	...	...	...	...	...
12/04/25	PXK.52	12/04/25	Xuất kho theo HĐ số : 52,12/04/25	1561	1.171.523	
12/04/25	PXK.52	12/04/25	Xuất kho theo HĐ số : 52,12/04/25	1561	1.389.000	
12/04/25	PXK.52	12/04/25	Xuất kho theo HĐ số : 52,12/04/25	1561	1.230.885	
12/04/25	PXK.52	12/04/25	Xuất kho theo HĐ số : 52,12/04/25	1561	882.292	
12/04/25	PXK.52	12/04/25	Xuất kho theo HĐ số : 52,12/04/25	1561	3.133.332	
12/04/25	PXK.52	12/04/25	Xuất kho theo HĐ số : 52,12/04/25	1561	253.617	
12/04/25	PXK.52	12/04/25	Xuất kho theo HĐ số : 52,12/04/25	1561	394.699	
...	...	...	...	...	...	...
31/12/25	PXK.265	31/12/25	Xuất kho theo HĐ số : 265,31/12/25	1561	650.000	
31/12/25	PXK.265	31/12/25	Xuất kho theo HĐ số : 265,31/12/25	1561	650.000	
31/12/25	PXK.265	31/12/25	Xuất kho theo HĐ số : 265,31/12/25	1561	650.000	
31/12/25	PXK.265	31/12/25	Xuất kho theo HĐ số : 265,31/12/25	1561	1.400.000	
31/12/25	KC.01	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 154 sang 632	154	941.579	
31/12/25	KC.04	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	911		1.396.083.084
			Cộng phát sinh		8.273.547.782	8.273.547.782
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thị Loan

Bảng 2.7: Sổ Chi tiết TK 632

Để mở Sổ Cái TK 632 và xem thông tin kế toán thực hiện thao tác: Vào “**05. Sổ kế toán**” → Chọn “**07. Sổ cái tài khoản**” sau đó điền “**632**” kích chọn “**In**” (Phụ lục 30).

❖ **Sổ cái TK 632:**

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG
382 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế : 0401887420

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Mã hiệu :632 - Giá vốn hàng bán
Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
03/01/25	PXK.1	03/01/25	Xuất kho theo HĐ số : 1,03/01/25	1561	53.992.168	
11/01/25	PXK.3	11/01/25	Xuất kho theo HĐ số : 3,11/01/25	1561	2.404.000	
...	...	...	...	...	...	...
25/03/25	PXK.43	25/03/25	Xuất kho theo HĐ số : 43,25/03/25	1561	18.095.400	
...	...	...	...	...	...	...
12/04/25	PXK.52	12/04/25	Xuất kho theo HĐ số : 52,12/04/25	1561	8.455.348	
30/12/25	...	...	...	...	...	...
30/12/25	PXK.261	30/12/25	Xuất kho theo HĐ số : 261,30/12/25	1561	157.607.355	
31/12/25	PXK.262	31/12/25	Xuất kho theo HĐ số : 262,31/12/25	242		
31/12/25	KC.01	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 154 sang 632	154	941.579	
31/12/25	KC.04	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	911		1.396.083.084
			CỘNG PHÁT SINH		8.273.547.782	8.273.547.782
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		8.273.547.782	8.273.547.782

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thị Loan

Bảng 2.8: Sổ Cái tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

2.2.2.2. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng

a. Nội dung chi phí quản lý kinh doanh tại công ty

Chi phí quản lý kinh doanh ở công ty gồm: Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Chi phí bán hàng gồm: Chi phí vận chuyển hàng hóa và khấu hao tài sản cố định.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp gồm: Chi phí lương nhân viên, các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, các khoản phụ cấp người lao động, chi phí phân bổ CCDC theo tháng, chi phí khấu hao tài sản cố định, thuế môn bài, chi phí xăng dầu, phí chuyển khoản, quản lý tài khoản và các chi phí mua ngoài khác,...

b. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng

- Chứng từ sử dụng: Hóa đơn GTGT; Phiếu chi; Bảng tính khấu hao; Bảng chấm công; Bảng tính và thanh toán tiền lương; Bảng phân bổ CCDC; Sổ phụ ngân hàng; Phiếu kế toán; Phiếu kết chuyển.
- Sổ sách sử dụng
 - Sổ Nhật ký chung
 - Sổ chi tiết TK 6421 – Chi phí bán hàng
 - Sổ chi tiết TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp
 - Sổ Cái TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh (Dùng cho hình thức nhật ký chung)

c. Tài khoản sử dụng

Công ty sử dụng TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh, và theo dõi chi phí theo từng tài khoản chi tiết cấp 2.

- Sử dụng tài khoản 6421 – Chi phí bán hàng
- Sử dụng tài khoản 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

d. Quy trình ghi sổ

✓ Chi phí bán hàng (TK 6421)

Nghiệp vụ 6: Ngày 20/01/2025, Công ty chi tiền 3 chuyến vận chuyển ống nhựa từ Đà Nẵng đi Đông Giang – Quảng Nam theo hóa đơn số 2 với số tiền chưa thuế là 13.888.889 đồng, thuế GTGT 8% là 1.111.111 đồng. Công ty thanh toán bằng tiền mặt.

➤ Hóa đơn GTGT



Mẫu số 1
Ký hiệu: C25TBD
Số: 2

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 20 tháng 01 năm 2025

MCCQT: 00C3F2BF9CA76D48BEA7C0F383FAEDB675

Tên người bán: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI LIÊM BÁCH ĐẠT

Mã số thuế: 0402166365

Địa chỉ: Thôn Cồn Mong, Xã Hoà Phước, Huyện Hoà Vang, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: 0905262900

Số tài khoản: 15183968 Tại Ngân hàng ACB - Đà Nẵng

Tên người mua: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG

Họ tên người mua hàng:

Mã số thuế: 0401887420

Địa chỉ: 382 Trần Đại Nghĩa, Phường Hoà Hải, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Hình thức thanh toán: Tiền mặt/Chuyển khoản

Số tài khoản:

Đơn vị tiền tệ: VND

Số bảng kê:

Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ		Vận chuyển ống nhựa từ Đà Nẵng đi Đồng Giang - Quảng Nam	Chuyến	3	4.629.629,63		8%	13.888.889

STT	Tên loại phí	Tiền phí
1		
Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế
8%	13.888.889	1.111.111

Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	13.888.889
Tổng giảm trừ không chịu thuế	
Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	1.111.111
Tổng tiền phí	
Tổng tiền chiết khấu thương mại	0
Tổng giảm trừ khác	
Tổng tiền thanh toán bằng số	15.000.000
Tổng tiền thanh toán bằng chữ	Mười lăm triệu đồng

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid
Ký bởi CÔNG TY TNHH MỘT
THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN
TẢI LIÊM BÁCH ĐẠT
Ký ngày: 2025-01-20 20:42:58

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)

Hình 2.17: Hóa đơn GTGT số 2

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 2, kế toán tiến hành nhập liệu. Vào phần mềm “**Nhập phát sinh**” chọn “**Nhập phát sinh**” như hướng dẫn.

Bước 1: Loại chứng từ: PC

Bước 2: Nhập liệu những chứng từ thông tin trên hóa đơn số 2 (ngày, diễn giải,...)

Bước 3: Chọn “**Lưu**” để lưu nghiệp vụ.

Giao diện màn hình nhập liệu trên phần mềm theo hóa đơn số 2 xem **phụ lục 11**.

Phần mềm sẽ tự động cho ra mẫu phiếu chi theo hóa đơn số 2 chi bằng tiền mặt (**Phụ lục 17**)

Nghiệp vụ 7: Ngày 30/11/2025 kế toán lập bảng tính khấu hao cho xe mô tô phục vụ cho bộ phận bán hàng và căn cứ vào giá trị được tính toán trên bảng để hạch toán vào chi phí bán hàng.

➤ **Bảng khấu hao tài sản cố định tháng 11**

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG

Địa chỉ : 382 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0401887420

BẢNG KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tháng 11 năm 2025

Mã	Tên tài sản	Đối tượng sử dụng	TK CP	Nguyên giá	Ngày mua	Ngày khấu hao	Thời gian khấu hao	Khấu hao kỳ này	Lũy kế khấu hao	Giá trị còn lại cuối kỳ
2024TS0002	Xe mô tô 02 bánh HONDA JK034 VISION mới 100%; SK:RLHJK0341RZ132609; SM:JK03E-5567747 (Số HD:3326)		6421	30.462.962	11/09/24	11/09/24	36	846.193	12.692.895	17.770.067
	Tổng cộng			30.462.962				846.193	12.692.895	17.770.067

Ngày 30 tháng 11 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thị Loan

Bảng 2.9: Bảng khấu hao tài cố định tháng 11

✓ **Chi phí quản lý doanh nghiệp (TK 6422)**

Nghiệp vụ 8: Ngày 25/11/2025, Ngân hàng Agribank thu phí quản lý tài khoản với số tiền là 11.000 đồng, được trừ thẳng vào tài khoản ngân hàng Agribank của Công ty.

➤ **Sổ phụ ngân hàng**

24/11/2025	TOAN TIEN MUA VAT TU DIEN									
	cty minh anh hoang ck cty vu tien minh theo hd so 2730	25,978,670				1,317,209,016	63945034			
24/11/2025	cty minh anh hoang ck cty kim thinh cuong theo hd2716	3,570,600				1,313,638,416	63955942			
24/11/2025	cty minh anh hoang ck cty 3t	23,698,600				1,289,939,816	63965914			
24/11/2025	cty minh anh hoang ck cty tap doan	10,541,049				1,279,398,767	63976679			
	đúc tượng									
25/11/2025	Thu phí quản lý tài khoản tháng 11 quy 4 nam 2025	11,000				1,279,387,767				
25/11/2025	TRUONG DINH TAT CHI PHU MUA VAT TU SUA CHUA CO SO HA TANG THEO HD 203 NGÀY 27.10.25					1,294,870,107	96591191			
26/11/2025	cty minh anh hoang ck cty lim kim hai	5,835,576				1,289,034,531	63214852			
26/11/2025	cty minh anh hoang ck cty tan a dai thanh cn son tra	5,746,600				1,283,287,931	63221596			
27/11/2025	cty minh anh hoang ck cty kim khi va	8,456,600				1,274,831,331	61368457			

Hình 2.18: Trích sổ phụ ngân hàng (AGR) ngày 25 tháng 11 năm 2025

Căn cứ vào sổ phụ Ngân hàng, kế toán tiến hành nhập liệu. Vào phần mềm “**Nhập phát sinh**” chọn “**Nhập phát sinh**” như hướng dẫn.

Bước 1: Loại chứng từ: CTNH

Bước 2: Nhập liệu những chứng từ thông tin trên sổ phụ ngân hàng (ngày, diễn giải, số tiền,...)

Bước 3: Chọn “**Lưu**” để lưu nghiệp vụ.

Giao diện nhập phần mềm phí dịch vụ quản lý tài khoản xem **phụ lục 12**.

Phần mềm sẽ tự động cho ra mẫu chứng từ ngân hàng theo nghiệp vụ ngày 25/11/2025 (**Phụ lục 18**).

Nghiệp vụ 9: Ngày 31/01/2025, Công ty nộp lệ phí môn bài cho Nhà Nước là 2.000.000 đồng, kế toán hạch toán vào phần mềm.

Vào phân hệ “**Nhập phát sinh**” chọn “**Nhập phát sinh**” như hướng dẫn sau đó nhập “**PKT**” sẽ được giao diện như hình bên dưới, kế toán điền thông tin đầy đủ chính xác, sau đó kế toán bấm “**Lưu**” để lưu.

Giao diện nhập phần mềm lệ phí môn bài xem **phụ lục 13**.

Phần mềm sẽ tự động cho ra mẫu phiếu kế toán theo nghiệp vụ ngày 31/01/2025 như sau:

➤ **Phiếu kế toán**

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG

Địa chỉ :382 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0401887420

Số : 000012/01

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 1 năm 2025

Số TT	TK Nợ	ĐTPN Nợ	TK Có	ĐTPN Có	Diễn Giải	Thành Tiền
1	6422		3339		Hạch toán thuê môn bài	2.000.000
Tổng cộng						2.000.000

Ngày 31 tháng 1 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Hình 2.19: Phiếu kế toán nộp lệ phí môn bài năm 2025

Nghiệp vụ 10: Ngày 31/08/2025, Công ty thanh toán lương tháng 08/2025 cho nhân viên văn phòng với số tiền 49.851.111 đồng, Công ty thanh toán bằng tiền mặt.

Kế toán lập bảng tính và thanh toán tiền lương ở trên phần mềm EXCEL dựa trên bảng chấm công hằng ngày của nhân viên văn phòng trong tháng 08/2025.

Dựa vào bảng chấm công (**Phụ lục 40**) xác định được “Số ngày công làm việc của công nhân viên và được ký duyệt” kế toán tiến hành tính lương và tính các khoản trích nộp BHXH, BHYT, BHTN.

➤ **Bảng lương tháng 08/2025**

CÔNG TY TNHH TM-DV MINH ANH HOÀNG
Mã số thuế: 0401887420

BẢNG TÍNH - THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG
Tháng 8 năm 2025

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương cơ bản	Phụ cấp					Ngày công thực tế	Lương ngày công	Thưởng	Tổng lương	Lương đóng BHXH	Các khoản trích tính vào chi phí DN				Các khoản trừ vào lương				Các khoản giảm trừ					Thu nhập tính thuế TCNCN	Thuế TCNCN	Tạm ứng	Thực lĩnh	Ký nhận	
				Ăn ca	Phụ cấp trang phục	Điện thoại	Xăng xe	Hỗ trợ nuôi con						BHXH	BHYT	BHTN	Cộng	BHXH	BHYT	BHTN	Cộng	Giảm trừ bản thân	Số người PT	Giảm trừ NPT	Giảm trừ BHXH	Phụ cấp						Tổng giảm trừ
														17.5%	3,00%	1,00%		8,00%	1,50%	1,00%											23.495.000	
1	Phạm Thị Loan	GD	5.000.000	700.000	410.000	400.000	1.500.000	5.500.000	27	13.510.000		13.510.000	5.000.000	875.000	150.000	50.000	1.075.000	400.000	75.000	50.000	525.000	11.000.000	1	4.400.000	525.000	700.000	16.625.000		0		12.985.000	
2	Hoàng Thanh	NVVP	5.000.000	700.000	410.000	400.000	1.000.000	3.000.000	27	10.510.000	0	10.510.000		0	0	0	0	0	0	0	0	11.000.000			0	700.000	11.700.000		0		10.510.000	
3	Hoàng Mỹ Hoa	NVVP	9.000.000	700.000	410.000	400.000	200.000		27	10.710.000		10.710.000	4.500.000	787.500	135.000	45.000	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	11.000.000			472.500	700.000	12.172.500				10.237.500	
4	Trần Văn Hậu	NVVP	4.500.000	700.000	410.000	400.000	200.000		27	6.210.000		6.210.000									11.000.000			0	700.000	11.700.000				6.210.000		
5	Võ Hoàng Kinh	BH	4.500.000	700.000	410.000	400.000	200.000		27	6.210.000		6.210.000									11.000.000			0	700.000	11.700.000				6.210.000		
6	Nguyễn Thị Kim Huệ	BH	4.500.000	700.000	410.000				13	2.701.111		2.701.111									11.000.000			0	700.000	11.700.000				2.701.111		
	Tổng		32.500.000	4.200.000	2.460.000	2.000.000	3.100.000	8.500.000	148	49.851.111	0	49.851.111	9.500.000	1.662.500	285.000	95.000	2.042.500	760.000	142.500	95.000	997.500	66.000.000	1	4.400.000	997.500	4.200.000	75.597.500	0	0	0	48.853.611	-

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Bảng 2.10: Bảng lương nhân viên văn phòng tháng 08/2025

Dựa vào bảng lương tháng 08/2025, kế toán tiến hành nhập liệu. Vào phần mềm “**Nhập phát sinh**” chọn “**Nhập phát sinh**” như hướng dẫn.

Bước 1: Loại chứng từ: PKT

Bước 2: Nhập liệu những chứng từ thông tin trên bảng lương (ngày, diễn giải, số tiền,...)

Bước 3: Chọn “Lưu” để lưu nghiệp vụ.

- Hạch toán lương

Hình 2.20: Màn hình nhập liệu hạch toán lương T08/2025

Nghiệp vụ 11: Cuối tháng 01 kế toán lập bảng phân bổ công cụ dụng cụ và căn cứ vào giá trị được tính toán trên bảng để hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

➤ Bảng phân bổ CCDC tháng 01

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG

Địa chỉ : 382 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0401887420

BẢNG TRÍCH CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ

Tháng 01 năm 2025

Mã	Tên tài sản	Đối tượng sử dụng	Tài khoản chi phí	Nguyên giá	Ngày mua	Ngày khấu hao	Thời gian khấu hao	Khấu hao kỳ này	Lũy kế khấu hao	Giá trị còn lại cuối kỳ
2024CC0009	Chứng thư số gói ONECA4Y (bao gồm thiết bị ONE-CA USB Token) (Số HD: 4455)	QLDN	6422	328.182	03/05/24	03/05/24	12	27.348	328.182	0
2024CC0010	Phần mềm token manager ONECA4Y (Số HD: 4455)	QLDN	6422	1.949.000	03/05/24	03/05/24	12	162.417	1.949.000	0
2024CC0012	Máy năng lượng mặt trời Go 58-30 HTĐ Tân Á (Số HD: 2580)	QLDN	6422	16.685.186	27/03/24	03/05/24	12	1.390.432	16.685.186	0
	Tổng cộng			18.962.368				1.580.197	18.962.368	-
								0		
			6422					0		

Ngày 31 tháng 01 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thị Loan

Bảng 2.11: Bảng phân bổ CCDC tháng 01

Nghiệp vụ 12: Ngày 19/01/2025, Công ty chi tiền mua 25,278 lít xăng DO 0.05S-II của Công ty Xăng Dầu Khu Vực V - TNHH Một Thành Viên, đơn giá 17.981,82/lít; đơn giá chưa bao gồm thuế, thuế GTGT là 10%. Công ty đã thanh toán bằng tiền mặt với hóa đơn GTGT số **50478**.



Mẫu số 1
Ký hiệu: K25TTC
Số: 50478

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 19 tháng 01 năm 2025

Tên người bán: CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC V - TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Mã số thuế: 0400101683
Địa chỉ: Số 122 Đường 2/9, P. Bình Thuận, Q. Hải Châu, TP Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại: 0236 3551350
Số tài khoản:

Tên người mua: CÔNG TY TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ MINH ANH HOÀNG
Họ tên người mua hàng:
Mã số thuế: 0401887420
Địa chỉ: 382 Trần Đại Nghĩa, Phường Hoà Hải, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Hình thức thanh toán: Tiền mặt
Số tài khoản:
Đơn vị tiền tệ: VND
Số bảng kê: Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ		DO 0.05S-II	Lit	25,278	17.981,82	0	10%	454.545

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế
10%	454.545	45.455

Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	454.545
Tổng giảm trừ không chịu thuế	
Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	45.455
Tổng tiền phí	
Tổng tiền chiết khấu thương mại	
Tổng giảm trừ khác	
Tổng tiền thanh toán bằng số	500.000
Tổng tiền thanh toán bằng chữ	Năm trăm nghìn đồng

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi Công Ty Xăng Dầu Khu Vực V - TNHH Một Thành Viên

Ký ngày: 2025-01-19 17:01:23

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)

Hình 2.21: Hóa đơn GTGT số 50478

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 50478 kế toán tiến hành nhập liệu. Vào phần mềm “Nhập phát sinh” chọn “Nhập phát sinh” như hướng dẫn.

Bước 1: Loại chứng từ: PC

Bước 2: Nhập liệu những chứng từ thông tin trên hóa đơn số 50478 (Số chứng từ, ngày ghi sổ, tên khách hàng, diễn giải, số lượng, đơn giá, thuế GTGT,...)

Bước 3: Chọn “**Lưu**” để lưu nghiệp vụ.

Màn hình nhập liệu chi phí xăng dầu theo hóa đơn số 50478 xem **phụ lục 14**.

Phần mềm sẽ tự động cho ra mẫu phiếu chi theo hóa đơn số 50478 chi bằng tiền mặt (**Phụ lục 19**).

→ Sau khi nhập liệu vào phần mềm sẽ tự động cập nhật số liệu vào Sổ Nhật ký chung, Sổ Chi tiết TK 6421 và 6422, Sổ Cái TK 642.

Để mở được sổ Nhật ký chung, kế toán thực hiện các thao tác tương tự như **trang 42 (Xem sổ Nhật ký chung ở phụ lục 1)**.

Để mở sổ chi tiết tài khoản 6421, 6422 và xem thông tin kế toán thực hiện thao tác: Vào “**Sổ kế toán**” chọn “**Sổ chi tiết tài khoản**” điền tài khoản “**6421**”; “**6422**” sau đó kích chọn “**In**” (**Phụ lục 31 và 32**).

❖ **Sổ Chi tiết TK 6421**

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG
382 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế : 0401887420

Mẫu số S19-DNN
Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Mã hiệu : 6421-Chi phí bán hàng
Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
17/01/25	PC.1	17/01/25	Chi phí bán hàng Vận chuyển ổng nhựa từ Đà Nẵng đi Duy Xuyên - Quảng Nam Ngày: 17/01/2025 - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI LIÊM BÁCH ĐẠT	1111	5.000.000	
20/01/25	PC.2	20/01/25	Chi phí bán hàng Vận chuyển ổng nhựa từ Đà Nẵng đi Đông Giang - Quảng Nam Ngày: 20/01/2025 - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI LIÊM BÁCH ĐẠT	1111	13.888.889	
...	...	...	...	...	...	...
30/11/25	KHTS.001/1	30/11/25	Khấu hao Xe mô tô 02 bánh HONDA JK034 VISION mới 100%; SK:RLHJK0341RZ132609; SM:JK03E-5567747 (Số HD:3326) Tháng 11	2141	846.193	
30/11/25	KC.04	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	911		846.193
31/12/25	KHTS.001/1	31/12/25	Khấu hao Xe mô tô 02 bánh HONDA JK034 VISION mới 100%; SK:RLHJK0341RZ132609; SM:JK03E-5567747 (Số HD:3326) Tháng 12	2141	846.193	
31/12/25	KC.05	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	911		846.193
			Cộng phát sinh		40.309.289	40.309.289
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thị Loan

Bảng 2.12: Sổ Chi tiết TK 6421

❖ Sổ Chi tiết TK 6422

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG
382 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế : 0401887420

Mẫu số S19-DNN
Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 6422-Chi phí quản lý doanh nghiệp

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
02/01/25	PC.3594	02/01/25	Chi Tiền DO 0.05S-II Ngày: 02/01/2025	1111	545.455	
...	...	...	...	...	...	...
19/01/25	PC.50478	19/01/25	Chi tiền xăng DO 0.05S-II Ngày: 19/01/2025 - CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC V - TNHH MỘT THÀNH VIÊN	1111	454.545	
...	...	...	...	...	...	...
31/01/25	CPCPB.001/1	31/01/25	Hạch toán CP CPB : Chứng thư số gói ONECA4Y (bao gồm thiết bị ONE-CA USB Token) (Số HĐ: 4455) Tháng 1	242	27.348	
31/01/25	CPCPB.002/1	31/01/25	Hạch toán CP CPB : Phần mềm token manager ONECA4Y (Số HĐ: 4455) Tháng 1	242	162.417	
31/01/25	CPCPB.003/1	31/01/25	Hạch toán CP CPB : Máy năng lượng mặt trời Go 58-30 HTĐ Tân Á (Số HĐ: 2580) Tháng 1	242	1.390.432	
31/01/25	PKT.000012/01	31/01/25	Hạch toán thuê môn bài	3339	2.000.000	
...	...	...	...	...	...	...
31/08/25	PKT.000016/01	31/08/25	Ch phí tiền lương tháng 08/2025	334	49.851.111	
...	...	...	...	...	...	...
31/08/25	PKT.008689/08	31/08/25	BHXX phải nộp người lao động tháng 08/2025	3383	1.662.500	
31/08/25	PKT.008690/08	31/08/25	BHYT phải nộp người lao động tháng 08/2025	3384	285.000	
31/08/25	PKT.008691/08	31/08/25	BHTN phải nộp người lao động tháng 08/2025	3385	95.000	
...	...	...	...	...	...	...
25/11/25	CTNH.167260	25/11/25	Phí Quản lý tài khoản VND (Tổ chức) Ngày: 25/11/2025	1121 AGR	10.000	
...	...	...	...	...	...	...
31/12/25	PKT.000020/01	31/12/25	Chi phí tiền lương tháng 12/2025	334	30.920.000	
...	...	...	...	...	...	...
31/12/25	PC.000002/01	31/12/25	Tiền thuê xe 2 chiếc	1111	14.000.000	
31/12/25	KC.06	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	911		35.342.698
			Cộng phát sinh		1.568.223.977	1.568.223.977
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thị Loan

Bảng 2.13: Sổ Chi tiết TK 6422

Để mở Sổ Cái TK 642 và xem thông tin kế toán thực hiện thao tác: Vào “05. Sổ kế toán” → Chọn “07. Sổ cái tài khoản” sau đó điền “642” kích chọn “In” (Phụ lục 33).

❖ Sổ Cái TK 642

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG
382 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế : 0401887420

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI
Mã hiệu : 642 - Chi phí quản lý kinh doanh
Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
02/01/25	PC.3594	02/01/25	Chi Tiền DO 0.05S-II Ngày: 02/01/2025	1111	545.455	
...	...	...	...	...	...	...
19/01/25	PC.50478	19/01/25	Chi tiền xăng DO 0.05S-II Ngày: 19/01/2025 - CÔNG TY XĂNG ĐẦU KHU VỰC V - TNHH MỘT THÀNH VIÊN	1111	454.545	
19/01/25	PC.24526	19/01/25	Chi tiền xăng DO 0.05S-II Ngày: 19/01/2025 - CÔNG TY TNHH MTV XĂNG ĐẦU QUẢNG NAM	1111	709.091	
20/01/25	PC.7	20/01/25	Chi phí khác Dịch vụ hỗ trợ về kế toán Ngày: 20/01/2025 - CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ ĐÀO TẠO KẾ TOÁN LỘC PHÁT	1111	5.000.000	
20/01/25	PC.2	20/01/25	Chi phí bán hàng Vận chuyển ống nhựa từ Đà Nẵng đi Đồng Giang - Quảng Nam Ngày: 20/01/2025 - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI LIÊM BÁCH ĐẠT	1111	13.888.889	
...	...	...	...	...	...	...
31/01/25	CPCPB.001/1	31/01/25	Hạch toán CP CPB : Chứng thư số gói ONECA4Y (bao gồm thiết bị ONE-CA USB Token) (Số HĐ: 4455) Tháng 1	242	27.348	
31/01/25	CPCPB.002/1	31/01/25	H a c h t o á n C P C P B : P h â n m ề m t o k e n m a n a g e r ONECA4Y (Số HĐ: 4455) Tháng 1	242	162.417	
31/01/25	CPCPB.003/1	31/01/25	Hạch toán CP CPB : Máy năng lượng mặt trời Go 58-30 HTĐ Tân Á (Số HĐ: 2580) Tháng 1	242	1.390.432	
31/01/25	KT.000012/0	31/01/25	Hạch toán thuê môn bài	3339	2.000.000	
...	...	...	...	...	...	...
31/08/24	KT.000016/0	31/08/25	Ch phí tiền lương tháng 08/2025	334	49.851.111	
...	...	...	...	...	...	...
31/08/25	KT.008689/0	31/08/25	BHXX phải nộp người lao động tháng 08/2025	3383	1.662.500	
31/08/25	KT.008690/0	31/08/25	BHYT phải nộp người lao động tháng 08/2025	3384	285.000	
31/08/25	KT.008691/0	31/08/25	BHTN phải nộp người lao động tháng 08/2025	3385	95.000	
...	...	...	...	...	...	...
25/11/25	TNHH.16726	25/11/25	Phí Quản lý tài khoản VND (Tổ chức) Ngày: 25/11/2025	121AGF	10.000	
...	...	...	...	...	...	...
30/11/25	KHTS.001/1	30/11/25	Khấu hao Xe mô tô 02 bánh HONDA JK034 VISION mới 100%; SK:RLHJK0341RZ132609; SM:JK03E-5567747 (Số HD:3326) Tháng 11	2141	846.193	
...	...	...	...	...	...	...
31/12/25	KC.05	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	911		846.193
31/12/25	KC.06	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	911		35.342.698
			CỘNG PHÁT SINH		1.608.533.266	1.608.533.266
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		1.608.533.266	1.608.533.266

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng 2.14: Sổ Cái TK 642

2.2.2.3. Kế toán chi phí tài chính tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng

a. Nội dung chi phí tài chính tại công ty

Chi phí tài chính của Công ty chủ yếu là chi phí lãi hàng tháng của ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng (Agribank).

b. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng

- Chứng từ sử dụng
- Sổ phụ ngân hàng; Phiếu kết chuyển
- Sổ sách sử dụng

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Chi tiết TK 635 – Chi phí tài chính
- Sổ cái TK 635 – Chi phí tài chính (Dùng cho hình thức nhật ký chung)

c. Tài khoản sử dụng

- Công ty sử dụng tài khoản 635 – Chi phí tài chính

d. Quy trình ghi sổ

Nghiệp vụ 13: Ngày 03/04/2025, Công ty được nhận thông báo trả lãi vay cho ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng (Agribank) là 2.262.070 đồng.

02/04/2025	Thành toán giá trị còn lại hợp đồng số 149/2024/HDKT/AHT-MAH về việc cung cấp phụ kiện thiết bị vệ sinh Toto theo HD số 17	114,480,000	367,636,585	3985821
03/04/2025	Thanh toán tiền mua vật tư theo HD số 88	69,869,200	437,505,785	7875668
03/04/2025	2006LDS202402066	1,357,242	436,148,543	2006LDS202402066
03/04/2025	2006LDS202402100	904,828	435,243,715	2006LDS202402100
03/04/2025	ADC TT VAT TU NUOC DOT 1	17,234,324	482,478,239	9047412
09/04/2025	AHOANG- TT TIEN MUA VAT LIEU	41,033,602	523,511,841	970964
11/04/2025	ADC TT VAT TU NUOC DOT 2	41,392,360	564,904,201	9449441
14/04/2025	Cty TNHH TM&DV Minh Anh Hoang THANH TOAN CONG NO PHUONG HOANG	172,916,300	391,987,901	API003745996

Hình 2.22: Trích sổ phụ ngân hàng 03 tháng 04 năm 2025

Căn cứ vào sổ giao dịch tiền vay của ngày 03/04/2025 chứng từ kế toán trên, kế toán viên ghi nhận chi phí tài chính vào phần mềm kế toán.

Vào phân hệ “**Nhập phát sinh**” chọn “**Nhập phát sinh**” như hướng dẫn sau đó chọn loại chứng từ “**CTNH**”, kế toán sẽ điền đầy đủ thông tin của sổ giao dịch tiền vay. Sau khi nhập đầy đủ thông tin cần thiết, kiểm tra chính xác số liệu và chọn “**Lưu**” để lưu.

NHẬP PHÁT SINH

Loại ctừ: CTNH Mã KH: Seri HD: 47920 Số HD: 03/04/25 HD VAT: V STT: 3

Số ctừ: 000035/01 Ngày ctừ: 03/04/25

Diễn giải: Lãi tiền vay 2006LAV202401035-2006LDS202402100 CT:

TK Nợ	Chi phí tài chính	Số dư cuối Ngày	Số dư cuối Tháng
ĐTPN Nợ			0.00
YTCP Nợ			
TK Có	Ngân hàng Agribank		
ĐTPN Có			0.00

Tỷ giá: 0.00 Tiền USD: 0.00

Tiền VND	TS	TK Thuế	Thuế VND	Tổng tiền
904,828	KCT	1331	0	904,110

TT	Seri HD	Số HD	Ngày HD	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền VND	% TS	Tiền thuế VND	Tổng Tiền	Tiền thuế
3	47920	03/04/25	14/04/25	Lãi tiền vay 2006LAV202401035-2006LDS202402100	635	11218	1,357,242	VCT	0	1,357,242	0
3							2,262,070		0	2,260,274	0
Tổng T. toán											2,262,070

Record 2 of 2

Buttons: Tiếp, Mở KTSC, Mở, Sửa đồng, Lưu đồng, List, Phóng to, Khác, View (Ctrl+F), In (Ctrl+I), Lưu (F12)

Hình 2.23: Màn hình nhập liệu trả lãi vay cho ngân hàng Agribank

→ Sau khi nhập liệu vào phần mềm sẽ tự động cập nhật số liệu vào Sổ Nhật ký chung, Sổ Chi tiết TK 635 và Sổ Cái TK 635.

Để mở được sổ Nhật ký chung, kế toán thực hiện các thao tác tương tự như **trang 42 (Xem sổ Nhật ký chung ở phụ lục 1).**

Để mở sổ chi tiết tài khoản 635 và xem thông tin kế toán thực hiện thao tác: Vào “**Sổ kế toán**” chọn “**Sổ chi tiết tài khoản**” điền tài khoản “**635**” sau đó kích chọn “**In**” (**Phụ lục 34**).

❖ Sổ chi tiết TK 635

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG
382 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế : 0401887420

Mẫu số S19-DNN
Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Mã hiệu : 635-Chi phí tài chính
Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
03/01/25	CTNH.000055/01	03/01/25	Phí duy trì SMS	1121AGR	55.000	
24/01/25	CTNH.000082/01	24/01/25	Lãi tiền vay 2006LAV202401035-2006LDS202402100	1121AGR	738.356	
24/01/25	CTNH.000082/01	24/01/25	Lãi tiền vay 2006LAV202401035-2006LDS202402066	1121AGR	1.197.945	
31/01/25	KC.04	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 635	911		1.991.301
03/04/25	CTNH.000035/01	03/04/25	Lãi tiền vay 2006LAV202401035-2006LDS202402100	1121AGR	904.828	
03/04/25	CTNH.000035/01	03/04/25	Lãi tiền vay 2006LAV202401035-2006LDS202402066	1121AGR	1.357.242	
30/04/25	KC.04	30/04/25	Kết chuyển số dư tài khoản 635	911		2.262.070
19/05/25	CTNH.000112/01	19/05/25	Lãi tiền vay	1121AGR	768.493	
19/05/25	CTNH.000112/01	19/05/25	Lãi tiền vay	1121AGR	1.040	
31/05/25	KC.04	31/05/25	Kết chuyển số dư tài khoản 635	911		769.533
			Cộng phát sinh		5.022.904	5.022.904
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thị Loan

Bảng 2.15: Sổ Chi tiết tài khoản 635

Để mở Sổ Cái TK 635 và xem thông tin kế toán thực hiện thao tác: Vào “**05. Sổ kế toán**” → Chọn “**07. Sổ cái tài khoản**” sau đó điền “**635**” kích chọn “**In**” (**Phụ lục 35**).

➤ Sổ cái TK 635

SỔ CÁI

Mã hiệu : 635 - Chi phí tài chính
Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
03/01/25	CTNH.000055/01	03/01/25	Phí duy trì SMS	1121AGR	55.000	
24/01/25	CTNH.000082/01	24/01/25	Lãi tiền vay 2006LAV202401035-2006LDS202402100	1121AGR	1.936.301	
31/01/25	KC.04	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 635	911		1.991.301
03/04/25	CTNH.000035/01	03/04/25	Lãi tiền vay 2006LAV202401035-2006LDS202402100	1121AGR	2.262.070	
30/04/25	KC.04	30/04/25	Kết chuyển số dư tài khoản 635	911		2.262.070
19/05/25	CTNH.000112/01	19/05/25	Lãi tiền vay	1121AGR	769.533	
31/05/25	KC.04	31/05/25	Kết chuyển số dư tài khoản 635	911		769.533
			CỘNG PHÁT SINH		5.022.904	5.022.904
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		5.022.904	5.022.904

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc
Phạm Thị Loan

Bảng 2.16: Sổ Cái tài khoản 635

Chi phí lãi tiền vay chỉ ghi nhận đến tháng 5 vì sau thời điểm này khoản vay đã không phát sinh do đã kết thúc kỳ tính lãi.

2.2.2.4. Kế toán chi phí khác tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng

Trong năm 2025, Công ty không có phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến các khoản chi phí khác.

2.2.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng

a. Nội dung chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty

Cuối kỳ, kế toán tiến hành tổng hợp doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ để xác định số thuế TNDN phải nộp.

Doanh thu thuần về BH và CCDV	=	Doanh thu BH và CCDV	-	Các khoản giảm trừ doanh thu
9.603.948.622	=	9.603.948.622	-	0
LN gộp về BH và CCDV	=	Doanh thu thuần về BH và CCDV	-	Giá vốn hàng bán
1.330.400.840	=	9.603.948.622	-	8.273.547.782

LN thuần từ hoạt động kinh doanh	= LN gộp về BH và CCDV	Doanh thu hoạt động tài chính	Chi phí - tài chính	Chi phí - quản lý kinh doanh
- 282.253.176	= 1.330.400.840	+ 902.154	- 5.022.904	- 1.608.533.266
Lợi nhuận khác	=	Doanh thu khác	-	Chi phí khác
75.141.220	=	75.141.220	-	0
Tổng LNKT trước thuế	=	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	+	Lợi nhuận khác
- 207.111.956	=	- 282.253.176	+	75.141.220
Tổng LN sau thuế	=	Tổng LNKT trước thuế	-	Chi phí thuế TNDN
- 207.111.956	=	- 207.111.956	-	0

Do trong năm 2025 Công ty kinh doanh lỗ 207.111.956 đồng nên Công ty không phải hạch toán và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

b. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng

- Tờ khai Quyết toán TNDN (03/TNDN) (TT80/2021)
- Kèm theo tờ phụ lục kết quả hoạt động kinh doanh (Tờ 03-1A/TNDN)

c. Tài khoản sử dụng

- Công ty sử dụng TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

d. Quy trình ghi sổ

Cuối kỳ kế toán, sau khi kiểm tra dữ liệu và hoàn thành báo cáo tài chính kế toán tiến hành lập tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp.

Sau khi kiểm tra đúng kế toán vào phần mềm hỗ trợ kê khai thuế đăng nhập (**Phụ lục 41**).

Sau đó chọn “**Thuế thu nhập Doanh nghiệp**”, chọn “**Tờ khai quyết toán TNDN (03/TNDN) (TT80/2021)**” để kê khai (**Phụ lục 42**), và kích chọn “**03-1A/TNDN**” (**Phụ lục 43**). Sau khi các số liệu được nhập trên HTKK chọn “**Ghi**” để lưu lại thông tin đã nhập tại tờ khai, sau đó “**Kết xuất XML**” để lưu file vào máy với định dạng XML. Kế toán nộp “**Tờ khai quyết toán TNDN (03/TNDN) (TT80/2021)**” (kèm theo Bộ báo cáo tài chính (B01a – DNN)(TT133/2016/TT-BTC và TMBCTC)) lên “**Cổng dịch vụ công của Tổng cục Thuế**” (**Phụ lục 44**).

Xem **Tờ khai quyết toán TNDN (03/TNDN) (TT80/2021)** ở **Phụ lục 46**.

Sau khi tổng hợp số liệu kế toán năm 2025, lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty là (207.111.956) đồng, cho thấy hoạt động kinh doanh trong kỳ bị lỗ. Do đó, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cũng là (207.111.956) đồng. Với kết quả này, trong năm 2025 Công ty không phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng

2.2.3.1. Nội dung xác định kết quả kinh doanh tại công ty

Cuối kỳ, kế toán tiến hành kết chuyển các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, chi phí giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh, chi phí tài chính, chi phí khác sang tài khoản 911 để xác định lãi lỗ trong quá trình hoạt động kinh doanh.

2.2.3.2. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng

- Chứng từ sử dụng
 - Phiếu kết chuyển
 - Sổ sách sử dụng
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ chi tiết TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh
 - Sổ cái TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh (Dùng cho hình thức nhật ký chung)

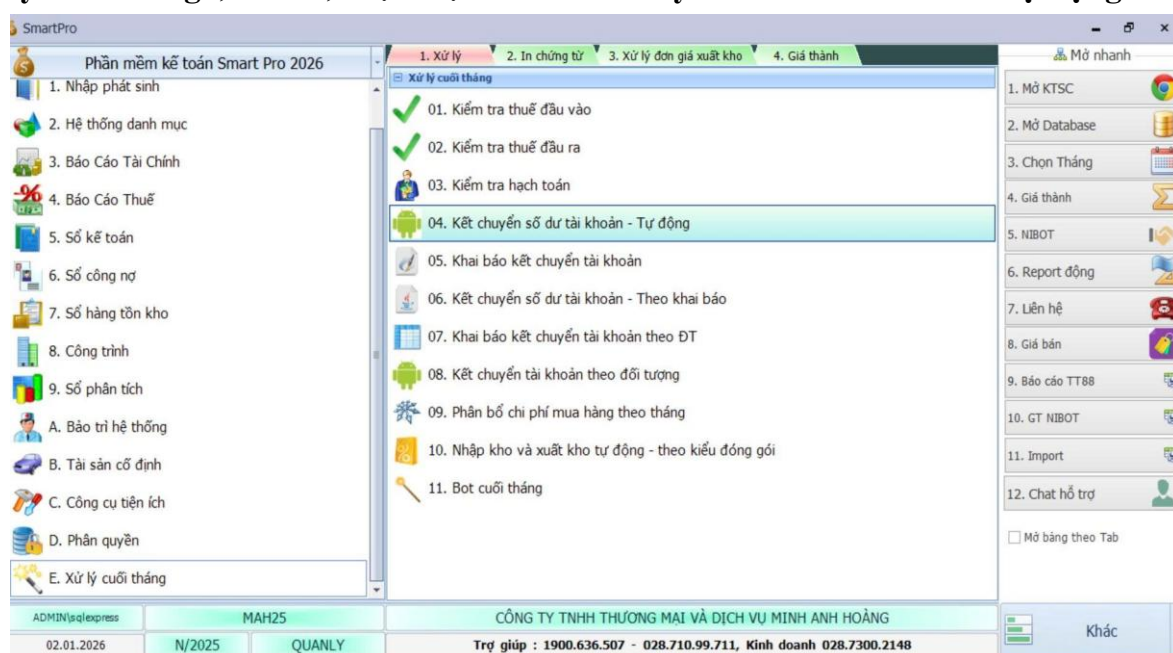
2.2.3.3. Tài khoản sử dụng

- Công ty sử dụng tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

2.2.3.4. Quy trình ghi sổ

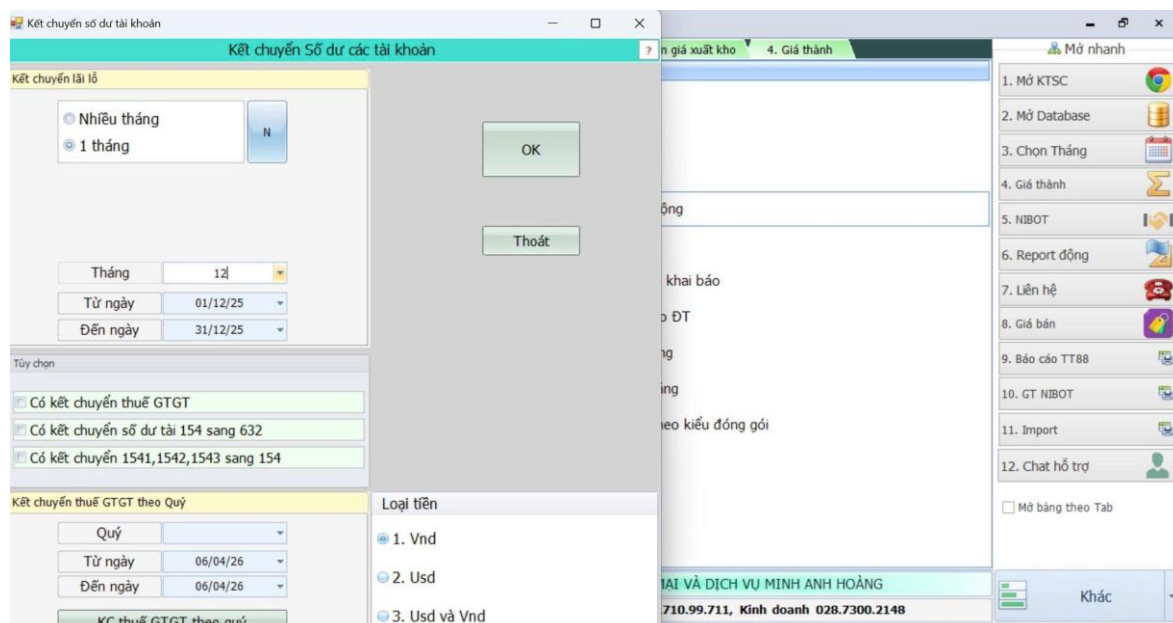
Tháng 12, kế toán tiến hành thực hiện bút toán kết chuyển các tài khoản doanh thu, chi phí phát sinh từ hoạt động kinh doanh vào TK 911.

Cách kết chuyển trên phần mềm SmartPro: Vào phần mềm và chọn phần “E. Xử lý cuối tháng”, sau đó, chọn mục “04. Kết chuyển số dư tài khoản – Tự động”.



Hình 2.24: Giao diện khi kết chuyển số dư cuối kỳ

Tiếp theo, chọn “**1 tháng**” và điền “**12**”. Kích chọn “**OK**” và phần mềm sẽ tự động kết chuyển Số dư các tài khoản sang tháng 12.



Hình 2.25: Màn hình thực hiện các bút toán kết chuyển

Căn cứ vào số hiệu của định khoản theo sơ đồ trên, kế toán bắt đầu thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh. Sau khi thực hiện kết chuyển các loại doanh thu sang Nợ TK 911 và các loại chi phí sang có TK 911, kế toán thực hiện kết chuyển 911 sang 4212 để xác định lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp.

→ Sau khi hoàn thành việc kết chuyển, các dữ liệu sẽ được tự động cập nhật vào phiếu kết chuyển ở phần mềm SmartPro vào sổ Nhật ký chung, sổ chi tiết và sổ cái của tài khoản 911.

Để mở được sổ Nhật ký chung, kế toán thực hiện các thao tác tương tự như **trang 42 (Xem sổ Nhật ký chung ở phụ lục 1)**.

Để mở sổ chi tiết tài khoản 911 và xem thông tin kế toán thực hiện thao tác: Vào “**Sổ kế toán**” chọn “**Sổ chi tiết tài khoản**” điền tài khoản “**911**” sau đó kích chọn “**In**” (**Phụ lục 36**).

❖ **Sổ chi tiết TK 911**

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG
382 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế : 0401887420

Mẫu số S19-DNN
Ban hành theo TT số
133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 911-Xác định kết quả kinh doanh
Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
31/01/25	KC.01	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	5111		513.973.104
31/01/25	KC.02	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	515		83.633
31/01/25	KC.03	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	632	437.859.577	
31/01/25	KC.04	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 635	635	1.991.301	
31/01/25	KC.05	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	6421	19.779.082	
31/01/25	KC.06	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	6422	1.141.507.742	
31/01/25	KC.07	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 711	711		20.261.792
31/01/25	KC.08	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212	4212		1.066.819.173
...	...	...	...	...	...	...
31/12/25	KC.02	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	5111		1.618.694.559
31/12/25	KC.03	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	515		86.377
31/12/25	KC.04	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	632	1.396.083.084	
31/12/25	KC.05	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	6421	846.193	
31/12/25	KC.06	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	6422	35.342.698	
31/12/25	KC.07	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 711	711		11.285.900
31/12/25	KC.08	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212	4212	197.794.861	
			Cộng phát sinh		10.746.811.169	10.746.811.169
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thị Loan

Bảng 2.17: Sổ chi tiết tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Để mở Sổ Cái TK 911 và xem thông tin kế toán thực hiện thao tác: Vào **“05. Sổ kế toán”** → Chọn **“07. Sổ cái tài khoản”** sau đó điền **“911”** kích chọn **“In”** (Phụ lục 37).

❖ **Sổ Cái TK 911**

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG
382 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế : 0401887420

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Mã hiệu :911 - Xác định kết quả kinh doanh
Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
31/01/25	KC.01	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	5111		513.973.104
31/01/25	KC.02	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	515		83.633
31/01/25	KC.03	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	632	437.859.577	
31/01/25	KC.04	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 635	635	1.991.301	
31/01/25	KC.05	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	6421	19.779.082	
31/01/25	KC.06	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	6422	1.141.507.742	
31/01/25	KC.07	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 711	711		20.261.792
31/01/25	KC.08	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212	4212		1.066.819.173
...	...	...	...	...	...	...
31/12/25	KC.02	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	5111		1.618.694.559
31/12/25	KC.03	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	515		86.377
31/12/25	KC.04	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	632	1.396.083.084	
31/12/25	KC.05	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	6421	846.193	
31/12/25	KC.06	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	6422	35.342.698	
31/12/25	KC.07	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 711	711		11.285.900
31/12/25	KC.08	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212	4212	197.794.861	
			CỘNG PHÁT SINH		10.746.811.169	10.746.811.169
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		10.746.811.169	10.746.811.169

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thị Loan

Bảng 2.18: Sổ cái tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Sau khi việc kết chuyển hoàn thành và hoàn tất cập nhật vào sổ sách, phần mềm SmartPro sẽ tự động lập báo cáo tài chính. Để xem được báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, kế toán kích chọn **“3. Báo cáo tài chính”** tiếp theo kích vào **“3. Kết quả kinh doanh” (Phụ lục 45).**

“Báo cáo này được doanh nghiệp lập nội bộ, sử dụng làm tài liệu phân tích cho mục đích nghiên cứu trong khóa luận tốt nghiệp, không sử dụng cho mục đích pháp lý hay nộp cơ quan chức năng” (**Phụ lục 47**).

Từ mẫu báo cáo trên, kế toán kiểm tra lại hoàn thành và xuất dữ liệu trên HTKK, sau đó nộp lên “**Cổng dịch vụ công của Tổng cục Thuế**” tương tự theo quy trình **trang 71**.

Xem **Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 ở phụ lục 48**.

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG

3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng

3.1.1. Những ưu điểm nổi bật

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng em đã nhận thấy được những ưu điểm và học hỏi được nhiều điểm qua công tác kế toán tại công ty.

Trải qua hơn 8 năm xây dựng và phát triển, công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng đã ngày càng khẳng định được vị trí và chỗ đứng nhất định của mình trên thị trường kinh tế. Công ty từng bước phát triển, triển khai các giải pháp có hiệu quả, thiết lập được mối quan hệ với khách hàng trong và ngoài thành phố Đà Nẵng.

❖ Về tổ chức công tác tiêu thụ

Công ty đã xây dựng được mối quan hệ tốt với khách hàng và không ngừng mở rộng các mối quan hệ. Bằng các chính sách trong bán hàng, giá bán và chất lượng sản phẩm tốt, tinh thần phục vụ khách hàng nhiệt tình đã tạo nên hệ thống khách hàng gắn bó lâu dài với công ty.

❖ Về tổ chức bộ máy quản lý

Lãnh đạo công ty là người có trình độ chuyên môn cao nên công tác quản lý và điều hành công ty tương đối tốt. Đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, có kinh nghiệm, đủ năng lực, đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao trong môi trường kinh doanh khốc liệt. Nhân viên và cán bộ kế toán là những người được tuyển dụng kỹ càng, có trình độ chuyên môn kế toán, được đào tạo và làm việc theo đúng quy định của nhà nước về pháp luật kế toán và quy chế của công ty, nắm vững chế độ và thường xuyên cập nhật những thay đổi của chế độ kế toán hiện hành. Nhân sự kế toán được tổ chức tập trung, mỗi nhân viên được giao công việc cụ thể theo từng phần hành kế toán tạo ra sự chuyên môn hóa trong công tác kế toán, tránh chồng chéo công việc, nâng cao hiệu quả của công tác kế toán. Đội ngũ nhân viên kế toán công ty nhiệt tình chính vì vậy tạo nên phong cách làm việc có trách nhiệm, tinh thần học hỏi và trao đổi kỹ năng cao, tạo môi trường làm việc thân thiện, thoải mái.

❖ Về tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán được thiết kế gọn nhẹ, linh hoạt phù hợp với quy mô, đặc điểm kinh doanh của công ty. Bộ máy kế toán của công ty được chia thành các bộ phận với các chức năng cụ thể và chuyên môn hóa giúp cho việc ghi chép các thông tin trong

doanh nghiệp được nhịp nhàng và thống nhất. Cùng với đó là đội ngũ cán bộ nhân viên kế toán có năng lực, nhiệt tình được bố trí và phân công nhiệm vụ rõ ràng, phù hợp với khả năng để tạo điều kiện nâng cao trách nhiệm, hiệu quả trong công việc.

Các nhân viên đã hoàn thành tốt công việc được giao. Công tác hạch toán kế toán của công ty đã thu nhập, xử lý, cung cấp thông tin cần thiết, chính xác, đầy đủ, phục vụ cho công tác quản lý của công ty. Kế toán đã ghi chép đầy đủ các nghiệp vụ, đồng thời phản ánh đúng doanh thu, chi phí nhằm xác định đúng đắn kết quả kinh doanh của công ty. Sau mỗi lần xuất hàng tiêu thụ, kế toán căn cứ vào phiếu xuất kho, hóa đơn GTGT,... phản ánh đầy đủ vào sổ chi tiết chi phí kinh doanh dở dang, sổ theo dõi công nợ khách hàng, sổ cái tài khoản liên quan. Điều này thuận tiện trong công tác kiểm tra, đối chiếu số liệu, từ đó giúp cho nhân viên kế toán hạch toán chính xác kết quả hoạt động xuất hàng tại công ty.

❖ Về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Công ty đã vận dụng linh hoạt hệ thống kế toán theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính, đồng thời thực hiện đầy đủ các quy định về thuế giá trị gia tăng và nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước. Trong đó, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được đặc biệt chú trọng nhằm phản ánh chính xác hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Công ty áp dụng hình thức kế toán máy trên phần mềm Smart Pro, giúp việc ghi nhận doanh thu, tập hợp chi phí và kết chuyển xác định kết quả kinh doanh được thực hiện nhanh chóng. Việc sử dụng phần mềm hỗ trợ tự động hóa các bút toán kết chuyển cuối kỳ, từ đó giúp xác định lợi nhuận hoặc lỗ của từng kỳ kế toán một cách rõ ràng, giảm thiểu sai sót và tiết kiệm thời gian cho kế toán viên.

Quy trình luân chuyển chứng từ liên quan đến doanh thu và chi phí được tổ chức hợp lý theo hình thức “Nhật ký chung”, đảm bảo việc ghi nhận doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh được thực hiện đầy đủ, kịp thời và có hệ thống. Các chứng từ phát sinh được lập đúng quy định, phản ánh chính xác các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến doanh thu và chi phí, đồng thời được lưu trữ khoa học phục vụ công tác kiểm tra, đối chiếu và báo cáo.

Việc theo dõi doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo từng kỳ giúp công ty đánh giá chính xác hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, hỗ trợ ban lãnh đạo trong việc phân tích tình hình tài chính, kiểm soát chi phí và đưa ra các quyết định kinh doanh phù hợp nhằm nâng cao lợi nhuận.

Công ty luôn tuân thủ nghiêm túc các quy định về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán và các quy định pháp luật liên quan. Nhờ đó, công tác kế toán doanh thu, chi phí

và xác định kết quả kinh doanh được tổ chức chặt chẽ, khoa học, phù hợp với đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp và đáp ứng yêu cầu quản lý tài chính nội bộ cũng như bên ngoài.

3.1.2. Những hạn chế còn tồn tại

Bên cạnh những ưu điểm nổi bật mà công ty đã đạt được trong quá trình hoạt động kinh doanh và tổ chức công tác kế toán, vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định cần được xem xét và khắc phục nhằm nâng cao hiệu quả quản lý tài chính cũng như hiệu quả hoạt động chung của doanh nghiệp, cụ thể như sau:

❖ Về tình hình theo dõi công nợ

Công ty hiện đang duy trì quan hệ kinh doanh với nhiều khách hàng khác nhau, trong đó có nhiều khách hàng truyền thống và đối tác lâu năm. Do đặc thù hoạt động thương mại, việc bán hàng theo hình thức khách hàng nhận hàng trước và thanh toán sau diễn ra khá phổ biến. Điều này tuy giúp công ty duy trì và mở rộng thị trường tiêu thụ, tăng khả năng cạnh tranh, nhưng đồng thời cũng làm phát sinh tình trạng công nợ kéo dài.

Trong thực tế, việc theo dõi và quản lý các khoản phải thu khách hàng trở nên khá phức tạp, đòi hỏi bộ phận kế toán phải thường xuyên kiểm tra, đối chiếu và cập nhật số liệu công nợ. Nếu không có biện pháp quản lý chặt chẽ, công ty có thể gặp rủi ro về dòng tiền, đặc biệt là tình trạng chiếm dụng vốn từ phía khách hàng, ảnh hưởng đến khả năng thanh toán và quay vòng vốn kinh doanh.

Ngoài ra, việc công nợ tồn đọng kéo dài cũng có thể làm tăng nguy cơ phát sinh nợ khó đòi, gây ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh và hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp. Do đó, công ty cần xây dựng các chính sách quản lý công nợ chặt chẽ hơn như quy định thời hạn thanh toán rõ ràng, thường xuyên nhắc nợ, phân loại khách hàng theo mức độ tín nhiệm và áp dụng các biện pháp thu hồi nợ phù hợp nhưng vẫn đảm bảo duy trì mối quan hệ tốt với khách hàng.

❖ Về chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán

Hiện nay, công ty chưa xây dựng được một chính sách chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán mang tính hệ thống và rõ ràng. Việc thiếu chính sách cụ thể trong lĩnh vực này dẫn đến việc chưa tạo được động lực mạnh mẽ để khuyến khích khách hàng thanh toán nhanh hoặc mua hàng với số lượng lớn.

Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt, chính sách giá bán và các hình thức ưu đãi đóng vai trò quan trọng trong việc thu hút và giữ chân khách hàng. Tuy nhiên, do chưa có kế hoạch chiết khấu hợp lý theo từng nhóm khách hàng, từng thời điểm hoặc theo giá trị đơn hàng, công ty có thể đang bỏ lỡ cơ hội thúc đẩy doanh thu cũng như tối ưu hóa dòng tiền.

Bên cạnh đó, việc thiếu chính sách giảm giá hợp lý cũng có thể khiến công ty khó linh hoạt trong việc xử lý hàng tồn kho hoặc kích cầu tiêu dùng vào những giai đoạn thấp điểm. Không chỉ ảnh hưởng đến tốc độ luân chuyển hàng hóa mà còn làm hạn chế khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường.

Vì vậy, công ty cần sớm xây dựng một chính sách chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán cụ thể, linh hoạt theo từng đối tượng khách hàng, từng mức doanh số và từng thời điểm kinh doanh, nhằm vừa đảm bảo mục tiêu lợi nhuận, vừa tăng khả năng cạnh tranh và thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm.

❖ ***Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh***

Việc sử dụng và hạch toán một số tài khoản các nghiệp vụ phát sinh còn chưa hợp lý làm ảnh hưởng đến nội dung các báo cáo tài chính. Cụ thể như sau:

- Hiện nay, công ty chưa thực hiện khai thác hiệu quả chức năng hạch toán chi tiết doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán và xác định kết quả kinh doanh theo từng loại mặt hàng trên phần mềm kế toán SmartPro. Các khoản doanh thu và chi phí vẫn chủ yếu được tổng hợp chung cho tất cả các mặt hàng nên gây khó khăn trong việc theo dõi hiệu quả kinh doanh của từng nhóm sản phẩm. Làm cho công tác quản lý, đánh giá khả năng sinh lời của từng mặt hàng chưa đạt hiệu quả cao, đồng thời mất nhiều thời gian trong quá trình phân tích số liệu phục vụ cho việc ra quyết định kinh doanh.
- Hạch toán tất cả nghiệp vụ chiết khấu thương mại kế toán đưa vào TK 711 chưa hợp lý. Cụ thể là **ng nghiệp vụ 5**, kế toán nhập vào phần mềm định khoản là: **Nợ TK 331**

Có TK 711

Có TK 1331

- Nghiệp vụ hạch toán tiền lương tại ngày 31/08/2025, kế toán hạch toán toàn bộ vào TK 6422 bao gồm cả nhân viên bán hàng. Cụ thể là **ng nghiệp vụ 9**, kế toán nhập vào phần mềm định khoản là: **Nợ TK 6422**

Có TK 334.

- Nghiệp vụ ngày 03/01/2025 “**Phí duy trì SMS**” kế toán định khoản sai tài khoản nên nghiệp vụ này được thể hiện trên Sổ Chi tiết, Sổ Cái, Sổ Nhật ký chung của tài khoản 635.
- Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu B02 – DNN), chỉ tiêu mã số 23 – “Chi phí lãi vay” đang được thể hiện bằng 0 là chưa phản ánh đúng thực tế hoạt động của công ty, bởi trong kỳ doanh nghiệp có phát sinh các khoản trả lãi vay ngân hàng.

❖ *Về công tác phân tích doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh*

Trong quá trình hoạt động, công ty đã thực hiện đầy đủ việc ghi nhận doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo đúng quy định hiện hành. Tuy nhiên, việc khai thác thông tin kế toán phục vụ cho công tác phân tích và quản trị còn chưa được chú trọng.

Công ty mới chỉ dừng lại ở việc tổng hợp số liệu doanh thu, chi phí và lợi nhuận để lập báo cáo tài chính định kỳ và kê khai thuế, chưa thực hiện phân tích chi tiết sự biến động của các chỉ tiêu này theo từng kỳ kế toán.

Do đó, khi công ty phát sinh kết quả kinh doanh không đạt hiệu quả (**bị lỗ**), ban lãnh đạo chưa xác định được cụ thể nguyên nhân xuất phát từ đâu. Điều này dẫn đến việc đánh giá tình hình kinh doanh còn mang tính khái quát, chưa hỗ trợ nhiều cho việc đưa ra các quyết định điều chỉnh kịp thời trong hoạt động kinh doanh.

❖ *Về phần mềm kế toán trong doanh nghiệp*

Trong bối cảnh các doanh nghiệp ngày càng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vào công tác kế toán – tài chính, phần mềm vẫn tồn tại một số hạn chế ảnh hưởng đến hiệu quả vận hành thực tế của doanh nghiệp. Một trong những điểm hạn chế rõ rệt là Smart Pro chưa tích hợp đầy đủ các chức năng liên quan đến quản trị nhân sự như quản lý hồ sơ nhân viên, tính lương, bảo hiểm, chấm công hay các chế độ phúc lợi. Điều này khiến doanh nghiệp nếu có quy mô vừa và lớn sẽ phải sử dụng thêm phần mềm khác để xử lý nhân sự, dẫn đến tình trạng dữ liệu bị phân tán, khó đồng bộ và tăng chi phí quản lý. Bên cạnh đó, việc sử dụng phần mềm cài đặt trên máy tính cá nhân hoặc máy chủ nội bộ cũng làm tăng nguy cơ gián đoạn khi gặp sự cố như mất điện, mất mạng, lỗi hệ điều hành hoặc hư hỏng thiết bị, gây ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ công việc kế toán và báo cáo tài chính.

Ngoài ra, một hạn chế quan trọng khác của Smart Pro là khả năng xử lý lỗi và tối ưu trải nghiệm người dùng chưa thực sự linh hoạt. Trong quá trình nhập liệu hoặc hạch toán, nếu người dùng thực hiện sai nghiệp vụ, phần mềm đôi khi không đưa ra cảnh báo chi tiết hoặc hướng dẫn sửa lỗi cụ thể, dẫn đến việc kế toán phải tự kiểm tra lại thủ công, mất nhiều thời gian và dễ xảy ra sai sót dây chuyền trong hệ thống sổ sách. Không những vậy, khi dữ liệu ngày càng lớn, phần mềm có thể hoạt động chậm, bị đơ hoặc phản hồi không ổn định, đặc biệt trên các máy tính có cấu hình trung bình. Điều này gây ảnh hưởng đáng kể đến năng suất làm việc, nhất là trong các kỳ cao điểm như lập báo cáo tài chính, quyết toán thuế. Vì vậy, để khắc phục những hạn chế này, doanh nghiệp cần có những giải pháp mang tính đồng bộ cả về công nghệ lẫn quy trình vận hành, thay vì chỉ phụ thuộc hoàn toàn vào một phần mềm đơn lẻ như hiện nay.

❖ *Về cơ sở vật chất phục vụ công tác kế toán*

Mặc dù công ty đã được trang bị đầy đủ hệ thống máy móc, thiết bị phục vụ cho hoạt động kế toán, tuy nhiên một số máy tính đã sử dụng trong thời gian dài nên đôi lúc xảy ra trục trặc kỹ thuật trong quá trình xử lý dữ liệu. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ cập nhật chứng từ, ghi nhận doanh thu, chi phí cũng như quá trình tổng hợp số liệu kế toán.

Việc gián đoạn trong xử lý thông tin có thể làm chậm quá trình tập hợp chi phí phát sinh, ghi nhận doanh thu, từ đó ảnh hưởng đến độ chính xác và tính thời điểm của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Dù nhân viên kỹ thuật có thể khắc phục sự cố, nhưng thời gian xử lý vẫn gây ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả công tác kế toán và báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng

Trên cơ sở tìm hiểu và nắm vững tình hình thực tế của công ty, với mong muốn tổ chức hợp lý công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, em xin đề xuất một số ý kiến sau:

3.2.1. Hoàn thiện công tác quản lý công nợ

Trong hoạt động của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng, công nợ phải thu từ khách hàng là một trong những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến dòng tiền và khả năng thanh toán của doanh nghiệp. Theo Thông tư 133/2016/TT-BTC, các khoản phải thu khách hàng cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng hợp đồng và có đối chiếu định kỳ nhằm đảm bảo phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính.

a. Thiết lập quy trình quản lý công nợ theo từng giai đoạn bán hàng

Công ty cần xây dựng quy trình quản lý công nợ theo 4 bước rõ ràng, áp dụng thống nhất trong toàn bộ phòng kế toán và kinh doanh.

Thứ nhất, **kiểm soát công nợ trước khi bán hàng**. Khi phát sinh đơn hàng mới, bộ phận kế toán phải kiểm tra hạn mức tín dụng của khách hàng trên phần mềm SmartPro. Mỗi khách hàng cần được thiết lập một “hạn mức công nợ tối đa” dựa trên lịch sử thanh toán. Nếu khách hàng vượt hạn mức, hệ thống phải cảnh báo tự động và yêu cầu phê duyệt của kế toán trưởng hoặc giám đốc trước khi xuất hàng.

Thứ hai, **ghi nhận công nợ ngay khi phát sinh hóa đơn**. Khi xuất hóa đơn bán hàng, kế toán phải hạch toán ngay vào TK 131 – Phải thu khách hàng, đồng thời cập nhật trên SmartPro theo từng mã khách hàng. Việc ghi nhận phải gắn với từng hợp đồng để tránh nhầm lẫn giữa các khoản phải thu.

Thứ ba, **theo dõi và nhắc nợ tự động**. Công ty cần thiết lập chức năng cảnh báo trên SmartPro theo các mốc: 15 ngày trước hạn, đúng hạn và quá hạn. Khi đến hạn thanh toán, hệ thống tự động gửi email hoặc tin nhắn nhắc nợ đến khách hàng, đồng thời thông báo cho nhân viên phụ trách công nợ.

Thứ tư, **đối chiếu công nợ định kỳ hàng tháng**. Kế toán phải lập biên bản đối chiếu công nợ với từng khách hàng vào cuối tháng. Biên bản phải có chữ ký xác nhận của hai bên, giúp hạn chế sai lệch số liệu và tranh chấp sau này.

b. Phân loại và đánh giá nợ phải thu

Để quản lý hiệu quả, công ty cần phân loại công nợ thành 3 nhóm: nợ trong hạn, nợ quá hạn dưới 30 ngày và nợ khó đòi trên 30 – 90 ngày. Việc phân loại này giúp ban lãnh đạo đánh giá đúng chất lượng công nợ và có biện pháp xử lý phù hợp.

Đối với các khoản nợ quá hạn, kế toán cần trích lập dự phòng theo nguyên tắc thận trọng, căn cứ vào khả năng thu hồi thực tế. Việc trích lập được thực hiện theo quy định của Thông tư 133, ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp nhằm phản ánh đúng kết quả kinh doanh.

Nợ TK 6422

Có TK 2293

c. Áp dụng SmartPro trong quản lý công nợ

Công ty Minh Anh Hoàng đang sử dụng phần mềm SmartPro, do đó cần khai thác tối đa các tính năng sau:

- Thiết lập danh mục khách hàng theo mã số riêng, tránh trùng lặp dữ liệu
- Theo dõi công nợ theo từng hóa đơn, từng hợp đồng
- Xuất báo cáo tuổi nợ theo ngày
- Tự động cảnh báo công nợ quá hạn
- Đồng bộ dữ liệu giữa kế toán bán hàng và kế toán công nợ

Việc ứng dụng công nghệ giúp giảm sai sót thủ công, đồng thời nâng cao tính minh bạch trong quản lý tài chính.

d. Tăng cường trách nhiệm của bộ phận kinh doanh

Ngoài bộ phận kế toán, nhân viên kinh doanh phải chịu trách nhiệm trực tiếp về khách hàng mình phụ trách. Công ty cần áp dụng cơ chế thưởng – phạt rõ ràng: nếu khách hàng chậm thanh toán, nhân viên kinh doanh sẽ bị giảm hoa hồng tương ứng; ngược lại, nếu thu hồi công nợ tốt sẽ được thưởng thêm.

3.2.2. Hoàn thiện chính sách chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán

a. Hoàn thiện chính sách chiết khấu thương mại

Chiết khấu thương mại là khoản giảm giá cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn hoặc đạt doanh số theo thỏa thuận. Để áp dụng hiệu quả tại Công ty, cần xây dựng chính sách theo 3 cấp độ:

- Doanh số từ 100 triệu – 300 triệu: chiết khấu 2%
- Doanh số từ 300 triệu – 500 triệu: chiết khấu 4%
- Doanh số trên 500 triệu: chiết khấu 6%

Chính sách này phải được thể hiện rõ trong hợp đồng kinh tế và thông báo công khai cho khách hàng ngay từ đầu để tránh tranh chấp.

Về mặt kế toán, công ty cần hạch toán chiết khấu thương mại theo đúng quy định: ghi giảm doanh thu TK 511.

Trên phần mềm SmartPro, cần thiết lập chức năng tự động tính chiết khấu theo doanh số lũy kế, giúp hạn chế sai sót khi tính toán thủ công.

b. Hoàn thiện chính sách chiết khấu thanh toán

Chiết khấu thanh toán là khoản giảm trừ cho khách hàng thanh toán sớm trước hạn, nhằm thúc đẩy dòng tiền về doanh nghiệp. Công ty nên áp dụng chính sách như sau:

- Thanh toán trong 5 ngày: chiết khấu 3% trên giá trị thanh toán
- Thanh toán từ 6–10 ngày: chiết khấu 2%
- Thanh toán đúng hạn: không chiết khấu
- Thanh toán quá hạn: không được hưởng chiết khấu và tính lãi chậm trả nếu cần

Chính sách này giúp khuyến khích khách hàng thanh toán sớm, giảm áp lực vốn lưu động cho doanh nghiệp.

Về kế toán, chiết khấu thanh toán được ghi nhận vào chi phí tài chính (TK 635). Trên SmartPro, công ty cần thiết lập tự động ghi nhận khi phát sinh phiếu thu sớm hạn, tránh bỏ sót nghiệp vụ.

c. Kiểm soát việc áp dụng chiết khấu

Để tránh lạm dụng chính sách chiết khấu, công ty cần:

- Quy định rõ người có thẩm quyền phê duyệt chiết khấu (kế toán trưởng hoặc giám đốc)
- Thiết lập hạn mức chiết khấu tối đa theo từng khách hàng
- Đối chiếu lại toàn bộ chiết khấu cuối tháng giữa bộ phận bán hàng và kế toán
- Kiểm tra tính hợp lệ của hóa đơn và hợp đồng trước khi áp dụng chiết khấu

d. Liên kết chính sách chiết khấu với quản lý công nợ

Công ty cần kết hợp hai chính sách: chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán để tối ưu hiệu quả tài chính. Cụ thể:

- Khách hàng có doanh số lớn và thanh toán sớm sẽ được hưởng cả hai loại chiết khấu
 - Khách hàng nợ quá hạn sẽ không được hưởng chiết khấu thương mại kỳ sau
- Điều này vừa khuyến khích bán hàng, vừa kiểm soát rủi ro công nợ.

3.2.3. Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

a. Nâng cao hiệu quả hạch toán chi tiết theo từng loại mặt hàng

Công ty cần khai thác hiệu quả hơn các chức năng quản lý chi tiết trên phần mềm kế toán SmartPro nhằm nâng cao chất lượng công tác kế toán và tăng cường khả năng kiểm soát hoạt động kinh doanh, cụ thể như sau:

- Thiết lập và sử dụng đầy đủ mã hàng hóa cho từng mặt hàng.
- Thực hiện hạch toán doanh thu và giá vốn gắn với từng mã hàng cụ thể.
- Thiết kế hoặc tùy chỉnh các sổ chi tiết và báo cáo quản trị để phản ánh riêng doanh thu, giá vốn và lợi nhuận của từng loại mặt hàng.
- Thường xuyên kiểm tra việc nhập liệu nhằm đảm bảo dữ liệu được phân loại chính xác ngay từ đầu.

Việc thực hiện các giải pháp trên sẽ giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả quản lý hàng hóa, dễ dàng đánh giá hiệu quả kinh doanh của từng mặt hàng và hỗ trợ nhà quản lý đưa ra quyết định kinh doanh phù hợp hơn.

b. Hoàn thiện phương pháp hạch toán chiết khấu thương mại nhằm xác định đúng giá vốn hàng bán

Trong **ngành vụ 5**, kế toán hạch toán chiết khấu thương mại vào tài khoản 711 là chưa phù hợp với bản chất ngành vụ. Theo quy định kế toán, chiết khấu thương mại trong trường hợp người bán giảm giá cho doanh nghiệp mua hàng cần được điều chỉnh trực tiếp vào giá vốn hàng bán thông qua tài khoản 632, nhằm phản ánh đúng chi phí thực tế của hàng hóa đã tiêu thụ trong kỳ.

Để hoàn thiện, doanh nghiệp cần điều chỉnh lại phương pháp hạch toán, ghi nhận chiết khấu thương mại trực tiếp giảm trừ vào giá vốn hàng bán TK 632 thay vì phản ánh vào TK 711. Đồng thời, cần rà soát lại cấu hình phần mềm kế toán để đảm bảo mọi thay đổi tài khoản đều tự động cập nhật vào sổ sách liên quan.

NHẬP PHÁT SINH

4. Copy 3. Khác 2. Thông tin khách hàng 1. Nhập

Loại ctừ: PKT Mã KH: 61606019 Seri HD: 63 Số HD: 25/01/25 HD VAT: V STT: 2

Số ctừ: 000001/01 Ngày ctừ: 25/01/25

Diễn giải: Chiết khấu thương mại CT:

TK Nợ	331	Phải trả cho người bán	Số dư cuối Ngày	Số dư cuối Tháng
ĐTPN Nợ	61606019	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN Á ĐẠI THÀNH TA...		
YTCP Nợ				
TK Có	632	Giá vốn hàng bán		0
ĐTPN Có	61606019	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN Á ĐẠI THÀNH TA...		

Tiền Vnd	TS	TK Thuế	Thuế VND	Tổng tiền
20,261,792	8	1,620,943		21,882,735

TT	Seri HD	Số HD	Ngày HD	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền VND	% TS	Tiền thuế VND	Tổng Tiền
1	63	25/01/25	Chiết khấu thương mại	331	632	20,261,792			1,620,943	21,882,735
							20,261,792		1,620,943	21,882,735

Record 1 of 1

Tiền thuế: 1,620,943

Tổng T. toán: 21,882,735

View (Ctrl+P) In (Ctrl+I) Lưu (F12)

Hình 3.1: Hoàn thiện chiết khấu thương mại ngày 25/01/2025 vào TK 632

c. Hoàn thiện hạch toán chi phí quản lý kinh doanh về tiền lương

Trong **nghiệp vụ 9**, để nâng cao chất lượng công tác hạch toán và kiểm soát chi phí, công ty cần thực hiện việc phân loại chi phí tiền lương một cách rõ ràng hơn theo từng bộ phận sử dụng lao động. Hiện tại, toàn bộ tiền lương của nhân viên văn phòng và nhân viên bán hàng đang được hạch toán chung vào TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp, điều này chưa phản ánh đúng bản chất phát sinh chi phí.

Theo nguyên tắc kế toán, chi phí tiền lương cần được ghi nhận theo đúng chức năng hoạt động của từng bộ phận. Cụ thể, lương của nhân viên bán hàng phải được hạch toán vào TK 6421 – Chi phí bán hàng, vì đây là bộ phận trực tiếp liên quan đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm. Trong khi đó, lương của nhân viên văn phòng, sẽ tiếp tục được ghi nhận vào TK 6422.

Dựa vào bảng lương tháng 8 **trang 62**, kế toán hạch toán vào phần mềm:

Nợ TK 6421: 8.911.111
 Nợ TK 6422: 40.940.000
 Có TK 334: 49.851.111
 Nợ TK 6422: 2.042.500
 Có TK 3383: 1.662.500
 Có TK 3384: 285.000
 Có TK 3385: 95.000

d. Hoàn thiện hạch toán chi phí tài chính

Trong nghiệp vụ ngày 03/01/2025, việc kế toán phân loại **“Phí duy trì SMS”** vào TK 635 – Chi phí tài chính là chưa phù hợp với bản chất nghiệp vụ. Theo nguyên tắc

kế toán, TK 635 chỉ phản ánh các khoản chi phí tài chính phát sinh trực tiếp liên quan đến hoạt động vay vốn, lãi vay, chênh lệch tỷ giá hoặc các hoạt động tài chính tương tự.

Trong khi đó, phí duy trì SMS ngân hàng thực chất là khoản phí dịch vụ thanh toán do ngân hàng cung cấp nhằm phục vụ hoạt động giao dịch và quản lý dòng tiền của doanh nghiệp. Đây là chi phí mang tính chất quản lý chung, không phát sinh từ hoạt động tài chính theo nghĩa hẹp.

Vì vậy, khoản chi phí này cần được hạch toán vào TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp để phản ánh đúng bản chất là chi phí dịch vụ ngân hàng phục vụ cho hoạt động quản lý doanh nghiệp.

e. Hoàn thiện lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu B02 – DNN), chỉ tiêu mã số 23 – “Chi phí lãi vay” đang được thể hiện bằng 0 là chưa phản ánh đúng thực tế hoạt động của công ty, bởi trong kỳ doanh nghiệp có phát sinh các khoản trả lãi vay ngân hàng.

Nguyên nhân: Do các nghiệp vụ liên quan đến chi phí tài chính, bao gồm chi phí lãi vay và các khoản chi phí tài chính khác, trong quá trình hạch toán đều được ghi nhận chung vào tài khoản 635. Tuy nhiên, hệ thống phần mềm kế toán chưa thiết lập phân tách chi tiết theo từng nội dung chi phí trong tài khoản này, dẫn đến việc khi kết xuất báo cáo tài chính, phần mềm chỉ tổng hợp số liệu chung trên TK 635 mà không tách riêng chỉ tiêu “Chi phí lãi vay”.

Giải pháp: Kế toán phải căn cứ vào sổ chi tiết tài khoản 635 để thực hiện phân loại, tổng hợp và xác định riêng chi phí lãi vay, nhằm đảm bảo số liệu trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được chính xác, đầy đủ và phù hợp với yêu cầu trình bày báo cáo tài chính.

➤ **Mẫu hoàn thiện BCKQHDDKD**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

ĐVT : Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		9.603.948.622	6.503.977.780
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		9.603.948.622	6.503.977.780
4. Giá vốn hàng bán	11		8.273.547.782	5.049.669.872
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.330.400.840	1.454.307.908
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		902.154	1.450.098
7. Chi phí tài chính	22		5.022.904	4.143.779
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.967.904	
9. Chi phí quản lý kinh doanh	24		1.608.533.266	1.421.677.612
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24)	30		(282.253.176)	29.936.615
11. Thu nhập khác	31		75.141.220	396.252.314
12. Chi phí khác	32			185.530.077
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		75.141.220	210.722.237
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(207.111.956)	240.658.852
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(207.111.956)	240.658.852

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thị Loan

Bảng 3.1: Hoàn thiện báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu B02 TT133 chỉ dùng cho nội bộ)

3.2.4. Hoàn thiện công tác phân tích doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Để khắc phục hạn chế trên, công ty cần tăng cường công tác phân tích doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo hướng đơn giản, dễ thực hiện. Công ty nên thực hiện so sánh số liệu theo từng kỳ kế toán (tháng/quý) để đánh giá sự biến động. Ví dụ: doanh thu tăng do tăng số lượng đơn hàng hay do tăng giá bán; chi phí tăng do chi phí vận chuyển, nhân công hay chi phí quản lý phát sinh bất thường. Việc này giúp tránh chỉ nhìn số liệu mà không hiểu nguyên nhân.

Bên cạnh đó, cần lập bảng phân tích kết quả kinh doanh đơn giản hàng tháng, thể hiện rõ 3 chỉ tiêu chính gồm doanh thu, chi phí và lợi nhuận, đồng thời ghi nhận nguyên nhân chính làm tăng hoặc giảm lợi nhuận trong kỳ.

Cuối cùng, các báo cáo phân tích này cần được cung cấp cho ban lãnh đạo định kỳ để làm cơ sở đưa ra các quyết định quản lý phù hợp như kiểm soát chi phí, điều chỉnh giá bán hoặc tập trung vào các hoạt động kinh doanh mang lại hiệu quả cao hơn, từ đó từng bước cải thiện kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

3.2.5. Hoàn thiện phần mềm kế toán trong doanh nghiệp

Để hoàn thiện và nâng cao hiệu quả sử dụng phần mềm kế toán Smart Pro trong doanh nghiệp, trước hết cần tập trung vào việc nâng cấp hệ thống quản lý và mở rộng tính năng của phần mềm theo hướng tích hợp nhiều chức năng hơn. Doanh nghiệp có thể đề xuất với đơn vị cung cấp phần mềm bổ sung thêm các phân hệ quản lý nhân sự, tính lương, bảo hiểm và phúc lợi ngay trong cùng một hệ thống kế toán. Việc tích hợp này giúp dữ liệu được đồng bộ, hạn chế việc nhập liệu thủ công nhiều lần, từ đó giảm sai sót và tiết kiệm thời gian xử lý công việc. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cũng nên thiết lập quy trình sử dụng phần mềm rõ ràng, phân quyền cụ thể cho từng bộ phận để đảm bảo dữ liệu được nhập và xử lý đúng người, đúng nhiệm vụ. Ngoài ra, cần thường xuyên cập nhật phiên bản mới của phần mềm để tận dụng các tính năng cải tiến, đồng thời nâng cao khả năng bảo mật và tính ổn định của hệ thống trong quá trình vận hành.

Song song với việc nâng cấp phần mềm, doanh nghiệp cần đầu tư mạnh hơn vào hạ tầng công nghệ thông tin để hạn chế các sự cố gián đoạn trong quá trình sử dụng. Máy tính sử dụng cho công tác kế toán cần được trang bị cấu hình đủ mạnh, ổ cứng tốt và hệ điều hành ổn định để tránh tình trạng chạy chậm hoặc bị đơ khi xử lý dữ liệu lớn. Đồng thời, doanh nghiệp nên sử dụng hệ thống lưu điện (UPS) để phòng trường hợp mất điện đột ngột gây gián đoạn công việc hoặc làm mất dữ liệu chưa kịp lưu. Việc kết nối mạng nội bộ cũng cần được đảm bảo ổn định, hạn chế tối đa tình trạng mất mạng ảnh hưởng đến quá trình làm việc. Ngoài ra, cần xây dựng thói quen sao lưu dữ liệu định kỳ theo ngày hoặc theo tuần, lưu trữ trên nhiều thiết bị khác nhau hoặc trên ổ cứng dự phòng, giúp doanh nghiệp dễ dàng khôi phục dữ liệu khi có sự cố xảy ra.

Bên cạnh yếu tố kỹ thuật, việc nâng cao năng lực sử dụng phần mềm của nhân viên kế toán cũng là một giải pháp rất quan trọng. Doanh nghiệp nên tổ chức các buổi đào tạo định kỳ nhằm hướng dẫn nhân viên sử dụng thành thạo các chức năng của phần mềm, từ nhập liệu, kiểm tra chứng từ cho đến lập báo cáo tài chính. Khi nhân viên hiểu rõ cách vận hành, họ sẽ dễ dàng phát hiện sai sót và xử lý nhanh hơn, hạn

chế tình trạng lỗi kéo dài hoặc khó sửa. Đồng thời, doanh nghiệp có thể xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn nội bộ đơn giản, dễ hiểu để nhân viên mới có thể tự học và làm quen nhanh với hệ thống. Ngoài ra, nên phân công người phụ trách chính về phần mềm kế toán để hỗ trợ xử lý các lỗi kỹ thuật cơ bản, tránh phụ thuộc hoàn toàn vào đơn vị cung cấp phần mềm, giúp tiết kiệm thời gian và nâng cao tính chủ động trong công việc.

Cuối cùng, doanh nghiệp nên cân nhắc việc nâng cấp hoặc chuyển đổi sang các phần mềm kế toán hiện đại hơn nếu nhu cầu quản lý ngày càng mở rộng. Một số phần mềm hiện nay có thể tham khảo như MISA AMIS, FAST Accounting hoặc Bravo, đây là các phần mềm có khả năng tích hợp nhiều chức năng như kế toán, nhân sự, bán hàng và quản trị doanh nghiệp trên cùng một hệ thống, đồng thời hỗ trợ làm việc online trên nền tảng đám mây giúp giảm rủi ro mất dữ liệu do lỗi máy tính hoặc mất điện. Việc chuyển đổi phần mềm cần được thực hiện theo lộ trình rõ ràng, có kế hoạch chuyển dữ liệu từ hệ thống cũ sang hệ thống mới, đồng thời đào tạo lại nhân viên để đảm bảo quá trình vận hành không bị gián đoạn. Doanh nghiệp cũng nên thử nghiệm trước một thời gian ngắn để đánh giá mức độ phù hợp trước khi áp dụng chính thức. Nhìn chung, việc kết hợp đồng bộ giữa nâng cấp phần mềm, cải thiện hạ tầng, nâng cao năng lực nhân sự và cân nhắc lựa chọn hệ thống mới sẽ giúp doanh nghiệp vận hành hiệu quả hơn, giảm rủi ro và nâng cao chất lượng công tác kế toán trong dài hạn.

3.3.6. Hoàn thiện cơ sở vật chất phục vụ công tác kế toán

Doanh nghiệp cần lập lịch kiểm tra máy tính cố định hàng tháng (kiểm tra hiệu năng, lỗi phần cứng, tốc độ xử lý) và bảo trì tổng thể mỗi 3 – 6 tháng. Các máy có dấu hiệu chậm, treo hoặc hỏng linh kiện cần được ghi nhận vào danh sách thay thế và ưu tiên thay mới trong vòng 1 kỳ kế toán tiếp theo. Đồng thời, cần bố trí tối thiểu 2 máy dự phòng đặt tại bộ phận kế toán để sử dụng ngay khi phát sinh sự cố, tránh gián đoạn việc nhập liệu doanh thu, chi phí.

Ngoài ra, phân công một nhân sự phụ trách theo dõi tình trạng thiết bị, có nhiệm vụ kiểm tra hằng tuần và báo cáo nhanh khi có lỗi phát sinh để xử lý trong ngày. Điều này giúp đảm bảo dữ liệu doanh thu, chi phí được cập nhật kịp thời, không bị gián đoạn, qua đó hỗ trợ việc xác định kết quả kinh doanh chính xác và đúng thời hạn.

KẾT LUẬN

Có thể nói rằng, trong nền kinh tế thị trường hiện nay thực hiện hạch toán kinh tế theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà Nước đòi hỏi các doanh nghiệp một mặt phải tự trang trải chi phí, mặt khác phải thu lại được lợi nhuận để bù đắp các chi phí đã bỏ ra và đảm bảo được sự tồn tại của doanh nghiệp. Để đạt được mục tiêu đó thì cần phải quản lý chặt chẽ các khoản mục như tài sản, vật tư, chi phí, quản lý chặt chẽ quá trình tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp.

Theo đó, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường, thúc đẩy sự luân chuyển hàng hóa quay vòng nhanh, mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp và trở thành mục tiêu kinh doanh mà các doanh nghiệp đều muốn đạt được. Chính vì vậy, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trở thành vấn đề quan tâm hàng đầu với cả toàn doanh nghiệp nói chung, bộ phận kế toán nói riêng.

Trong thời gian thực tập, tìm hiểu thực tế tại **Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng**, được sự giúp đỡ của các anh chị trong phòng kế toán, các phòng ban có liên quan cùng với sự giúp đỡ, hướng dẫn của cô giáo Ts. Trần Thượng Bích La, em đã đi sâu tìm hiểu về quá trình doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty. Tuy nhiên, do kiến thức học được trên lớp cũng như trên thực tế có hạn, trình độ còn thiếu sót nên không tránh khỏi những sai sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp của thầy cô giáo trong trường cũng như các anh chị trong phòng kế toán của công ty để bài khóa luận tốt nghiệp của em được tốt hơn.

Một lần nữa, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của cô Ts. Trần Thượng Bích La và các thầy cô giáo trong trường cùng các cô, các anh chị trong phòng kế toán tại **Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng** đã giúp đỡ em trong quá trình thực tập và hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này!

Với những thành tựu đạt được, hi vọng trong tương lai, Công ty sẽ ngày càng vững bước và khẳng định vai trò của mình hơn nữa trên thương trường, góp phần làm tăng trưởng kinh tế của ngành thương mại và dịch vụ nói riêng, cùng với nền kinh tế cả nước nói chung.

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tài liệu

1. Chuẩn mực kế toán Việt Nam.
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp: Thông tư 133/2016/TT/BTC ban hành ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính.
3. Hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính của công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng.
4. Khóa luận tốt nghiệp đề tài kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của các anh chị khóa trước.

II. Website

1. <https://ketoanthienung.net/>
2. <https://thuedientu.gdt.gov.vn/>
3. <https://thuvienphapluat.vn/>
4. <https://www.webketoan.vn/>
5. <http://baocaotaichinh.vn/>

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 06 năm 2026

MẪU ĐƠN KHAI BÁO SỬ DỤNG AI

Khai báo của Sinh viên về việc Sử dụng Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh có Trách nhiệm

Tôi, NGUYỄN PHƯƠNG NGUYỄN, cam đoan rằng tôi đã sử dụng có trách nhiệm các công cụ Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh (GenAI) trong quá trình chuẩn bị Khoá luận này.

Bằng việc ký vào đơn này, tôi xác nhận các nội dung sau:

1. Khai báo sử dụng AI

Vui lòng cho biết bạn có sử dụng bất kỳ công cụ AI tạo sinh nào (ví dụ: ChatGPT, Gemini, v.v.) trong việc tạo ra bài làm này hay không:

- ☒ **Có**, tôi có sử dụng các công cụ AI trong bài đánh giá này.
- ☐ **Không**, tôi không sử dụng bất kỳ công cụ AI nào.

2. Chi tiết về việc sử dụng AI (Nếu bạn chọn "Có" ở trên)

- Các công cụ AI đã sử dụng:**

ChatGPT

- Mục đích sử dụng AI** (ví dụ: tìm ý tưởng, soạn thảo, tóm tắt, chỉnh sửa):

Tóm tắt, chỉnh sửa

- Các phần cụ thể có sự hỗ trợ của AI:**

Chương 3 của bài khóa luận

Tôi xác nhận rằng tôi đã xem xét kỹ lưỡng và xác thực tất cả nội dung do AI tạo ra về tính chính xác, tính nguyên bản và sự phù hợp.

- ☒ **Có**

3. Liêm chính, Trách nhiệm Học thuật và Tuân thủ Đạo đức và Pháp luật

- Tôi chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung của bài nộp này và xác nhận rằng AI chỉ được sử dụng như một công cụ hỗ trợ, không phải là tác giả chính cho bài làm của tôi.
- Tôi xác nhận rằng AI không được sử dụng để ngụy tạo, làm giả hoặc thao túng dữ liệu.

- Tôi đã đảm bảo rằng không có dữ liệu bí mật hoặc riêng tư nào được chia sẻ với các công cụ AI mà không có sự cho phép thích hợp.
- Tôi đã tuân thủ tất cả các yêu cầu pháp lý liên quan đến bảo vệ dữ liệu và sở hữu trí tuệ, đồng thời đã trích dẫn nguồn một cách thích hợp.
- Bài đánh giá này phản ánh nỗ lực trí tuệ cá nhân của tôi, và trách nhiệm đối với bài làm này hoàn toàn thuộc về cá nhân tôi.

Cam kết

- Tôi hiểu rằng bất kỳ sự thiếu tuân thủ nào đối với việc sử dụng AI có trách nhiệm, bao gồm việc không khai báo sử dụng AI hoặc trình bày sai sự thật, có thể dẫn đến việc Khoá luận tốt nghiệp của tôi bị từ chối mà không cần xem xét thêm.
- Bằng việc ký vào đơn này, tôi khẳng định rằng bài nộp này phản ánh trung thực bài làm của tôi và tôi đã tuân thủ các nguyên tắc sử dụng AI có trách nhiệm.

Chữ ký: Nguyễn

Ngày: 01/06/2025

PHỤ LỤC

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG
382 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế : 0401887420

Mẫu số: S03A-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Phát sinh trong kỳ (Vnd)	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
11/01/2025	HDBR.3	11/01/25	Doanh thu bán hàng vụ TM Rọ van DN80 Ngày: 11/01/2025 - CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN VSE		3.132.000	3.132.000
			Tiền Việt Nam	1111	3.132.000	
			Doanh thu bán hàng hóa	5111		2.900.000
			Thuế GTGT đầu ra	33311		232.000
...	...	...	...	...	...	...
11/01/2025	PXK.3	11/01/25	Xuất kho theo HD số : 3,11/01/25		2.404.000	2.404.000
			Giá vốn hàng bán	632	2.404.000	
			Giá mua hàng hóa	1561		2.404.000
...	...	...	...	...	...	...
19/01/2025	PC.50478	19/01/25	Chi tiền xăng DO 0.05S-II Ngày: 19/01/2025 - CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC V - TNHH MỘT THÀNH VIÊN		500.000	500.000
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	454.545	
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	1331	45.455	
			Tiền Việt Nam	1111		500.000
...	...	...	...	...	...	...
20/01/2025	PC.2	20/01/25	Chi phí bán hàng Vận chuyển ống nhựa từ Đà Nẵng đi Đông Giang - Quảng Nam Ngày: 20/01/2025 - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI LIÊM BÁCH ĐẠT		15.000.000	15.000.000
			Chi phí bán hàng	6421	13.888.889	
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	1331	1.111.111	
			Tiền Việt Nam	1111		15.000.000
...	...	...	...	...	...	...
25/01/2025	PKT.000001/01	25/01/25	Chiết khấu thương mại		20.261.792	20.261.792
			Phải trả cho người bán	331	20.261.792	
			Thu nhập khác	711		20.261.792
...	...	...	...	...	...	...
31/01/2025	CPCPB.001/1	31/01/25	Hạch toán CP CPB : Chứng thư số gói ONECA4Y (bao gồm thiết bị ONE-CA USB Token) (Số HD: 4455) Tháng 1		27.348	27.348
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	27.348	
			Chi phí trả trước	242		27.348

31/01/2025	CPCPB.002/1	31/01/25	Hạch toán CP CPB : Phần mềm token manager ONECA4Y (Số HĐ: 4455) Tháng 1		162.417	162.417
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	162.417	
			Chi phí trả trước	242		162.417
31/01/2025	CPCPB.003/1	31/01/25	Hạch toán CP CPB : Máy năng lượng mặt trời Go 58-30 HTĐ Tân Á (Số HĐ: 2580) Tháng 1		1.390.432	1.390.432
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	1.390.432	
			Chi phí trả trước	242		1.390.432
...	...	...	...	...	...	...
31/01/2025	PKT.000012/01	31/01/25	Hạch toán thuê môn bài		2.000.000	2.000.000
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	2.000.000	
			Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3339		2.000.000
...	...	...	...	...	...	...
25/03/2025	HDBR.43	25/03/25	Bán hàng Ngày: 25/03/2025 - CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HOÀNG NGỌC ĐÀ NẴNG		19.569.600	19.569.600
			Phải thu của khách hàng	131	19.569.600	
			Doanh thu bán hàng hóa	5111		18.120.000
			Thuế GTGT đầu ra	33311		1.449.600
...	...	...	...	...	...	...
25/03/2025	PXK.43	25/03/25	Xuất kho theo HĐ số : 43,25/03/25		18.095.400	18.095.400
			Giá vốn hàng bán	632	18.095.400	
			Giá mua hàng hóa	1561		18.095.400
...	...	...	...	...	...	...
03/04/2025	CTNH.000035/0	03/04/25	Lãi tiền vay 2006LAV202401035-2006LDS202402100		2.262.070	2.262.070
			Chi phí tài chính	635	2.262.070	
			Ngân hàng Agribank	1121AGR		2.262.070
...	...	...	...	...	...	...
12/04/2025	HDBR.52	12/04/25	Bán hàng HĐ số: 52		9.815.040	9.815.040
			Phải thu của khách hàng	131	9.815.040	
			Doanh thu bán hàng hóa	5111		9.088.000
			Thuế GTGT đầu ra	33311		727.040
...	...	...	...	...	...	...
12/04/2025	PXK.52	12/04/25	Xuất kho theo HĐ số : 52,12/04/25		8.455.348	8.455.348
			Giá vốn hàng bán	632	8.455.348	
			Giá mua hàng hóa	1561		8.455.348
...	...	...	...	...	...	...
31/08/2025	PKT.000016/01	31/08/25	Ch phí tiền lương tháng 08/2025		49.851.111	49.851.111
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	49.851.111	
			Phải trả người lao động	334		49.851.111
...	...	...	...	...	...	...
31/08/2025	PKT.008689/08	31/08/25	BHXH phải nộp người lao động tháng 08/2025		1.662.500	1.662.500
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	1.662.500	
			Bảo hiểm xã hội	3383		1.662.500

31/08/2025	PKT.008690/08	31/08/25	BHYT phải nộp người lao động tháng 08/2025		285.000	285.000
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	285.000	
			Bảo hiểm y tế	3384		285.000
31/08/2025	PKT.008691/08	31/08/25	BHTN phải nộp người lao động tháng 08/2025		95.000	95.000
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	95.000	
			Bảo hiểm thất nghiệp	3385		95.000
...	...	...	...	...	...	...
25/11/2025	CTNH.167260	25/11/25	Phí Quản lý tài khoản VND (Tổ chức) Ngày: 25/11/2025		11.000	11.000
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	10.000	
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	1331	1.000	
			Ngân hàng Agribank	1121AGR		11.000
...	...	...	...	...	...	...
30/11/2025	CTNH.000496/0	30/11/25	Thu lãi tiền gửi		147.551	147.551
			Ngân hàng Agribank	1121AGR	147.551	
			Doanh thu hoạt động tài chính	515		147.551
30/11/2025	KHTS.001/11	30/11/25	Khấu hao Xe mô tô 02 bánh HONDA JK034 VISION mới 100%; SK:RLHJK0341RZ132609; SM:JK03E-5567747 (Số HD:3326) Tháng 11		846.193	846.193
			Chi phí bán hàng	6421	846.193	
			Hao mòn TSCĐ hữu hình	2141		846.193
...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	KC.02	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111		1.618.694.559	1.618.694.559
			Doanh thu bán hàng hóa	5111	1.618.694.559	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		1.618.694.559
31/12/2025	KC.03	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515		86.377	86.377
			Doanh thu hoạt động tài chính	515	86.377	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		86.377
31/12/2025	KC.04	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632		1.396.083.084	1.396.083.084
			Xác định kết quả kinh doanh	911	1.396.083.084	
			Giá vốn hàng bán	632		1.396.083.084
31/12/2025	KC.05	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421		846.193	846.193
			Xác định kết quả kinh doanh	911	846.193	
			Chi phí bán hàng	6421		846.193
31/12/2025	KC.06	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422		35.342.698	35.342.698
			Xác định kết quả kinh doanh	911	35.342.698	
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422		35.342.698
31/12/2025	KC.07	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 711		11.285.900	11.285.900
			Thu nhập khác	711	11.285.900	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		11.285.900
31/12/2025	KC.08	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212		197.794.861	197.794.861
			Xác định kết quả kinh doanh	911	197.794.861	
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	4212		197.794.861
			Tổng cộng		72.454.204.098	72.454.204.098

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

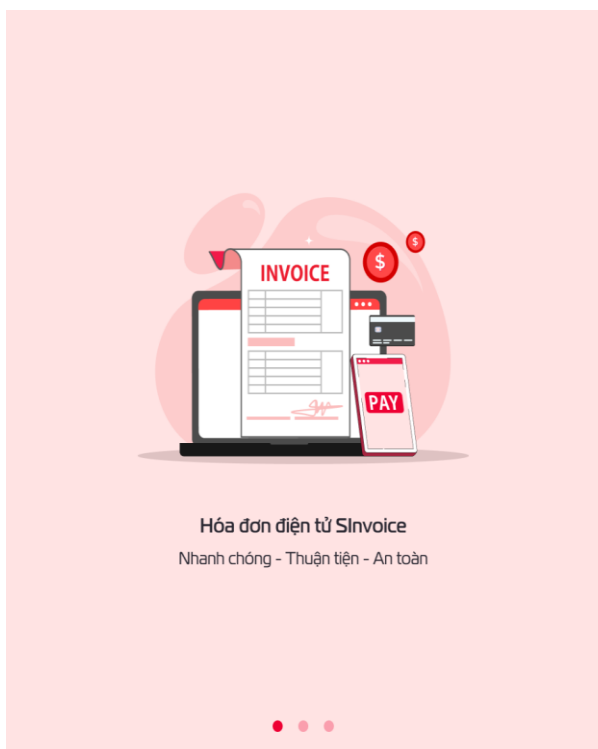
Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thị Loan

Phụ lục 1 – Sổ Nhật ký chung



SInvoice
GIẢI PHÁP HÓA ĐƠN THÔNG MINH

ĐĂNG NHẬP

Tên đăng nhập

0401887420

Mật khẩu

.....

☐ Nhớ tài khoản [Bạn quên mật khẩu?](#)

Đăng nhập

- Trang chủ hóa đơn điện tử
- Hướng dẫn sử dụng, tích hợp API, tool ký số
- Hỗ trợ trực tuyến: Chat Zalo với tài khoản "Viettel Khách hàng doanh nghiệp" tại link <https://zalo.me/viettelkhdoan>
- Hỗ trợ trực tuyến: SME HUB tại link <https://sme.viettel.vn>

©2018 Bản quyền thuộc về Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội Viettel

Phụ lục 2 – Giao diện đăng nhập phần mềm hóa đơn điện tử Vinvoice

SInvoice CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG

> QUẢN LÝ HÓA ĐƠN > QUẢN LÝ HÓA ĐƠN ĐÃ PHÁT HÀNH

THÔNG TIN TÌM KIẾM

Số hóa đơn: AD/19E1234567 hoặc 1C19TAA12345678

Mẫu hóa đơn: --Lựa chọn--

Tìm kiếm theo * Ngày phát hành

Nhà cung cấp: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG

Từ ngày * 01/03/2025

Đến ngày: 31/03/2025

Trạng thái gửi CQT: Tất cả

TT gửi báo cáo 04SS: --Lựa chọn--

[Tìm kiếm](#) [Tìm kiếm nâng cao](#) [Tìm kiếm log xăng đầu](#)

DANH SÁCH HÓA ĐƠN ĐÃ PHÁT HÀNH

[Gửi CQ Thuế](#) [+ Lập hóa đơn](#) [Tiện ích](#)

STT	Hành động	Mẫu hóa đơn	Số hóa đơn	Tên người mua	Tổng trước thuế	Tiền thuế	Tổng tiền	Loại tiền	Chuyển đổi	Kê khai thuế	Gửi CQT	Mã CQT	Báo cáo 04SS	Văn bản thỏa thuận	Trạng thái
11	i ...	1/002	#C25TMA37 17/03/2025 15:11:59	Họ tên: Công ty: Công ty TNHH Xây Dựng Phúc Thịnh	18.274.250	1.461.940	19.736.190	VND	✓	✓	✓	✓			Đã phát hành
12	i ...	1/002	#C25TMA36 12/03/2025 13:59:00	Họ tên: Công ty: Công ty Cổ Phần Đầu Tư Khai Thác Nhà Gà Quốc Tế Đà Nẵng	10.500.000	840.000	11.340.000	VND	✓	✓	✓	✓		Hóa đơn thay thế	
13	i ...	1/002	#C25TMA35 08/03/2025 16:42:04	Họ tên: Công ty: CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ	34.006.750	2.960.040	36.966.790	VND	✓	✓	✓	✓		Đã phát hành	

Phụ lục 3 – Giao diện lập hóa đơn trên phần mềm hóa đơn điện tử Vinvoice

Vay vốn

Khám phá Viettel SME

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG

Địa chỉ *

23 Mẹ Thứ ,Phường Hòa Xuân, Quận Cẩm Lệ , TP Đà Nẵng , Việt Nam

Tên đơn vị *

CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN VSE

Mã số thuế

0401682582

Hợp đồng số

Số điện thoại

Email

codienvsekt@gmail.com

Loại giấy tờ

-Lựa chọn-

Số giấy tờ

Tên ngân hàng

Số tài khoản

Mã đơn vị quan hệ ngân sách

Mẫu hóa đơn *

1/002 - HDDT2

Ký hiệu hóa đơn *

C23TMA

Số bảng kê

Ngày bảng kê

dd/MM/yyyy

Bảng kê

Chọn file

Loại file .xlsx, .xls Dung lượng tối đa 5MB

Không thể sao chép bảng kê, vui lòng nhập tay bảng kê nếu cần thiết

Ngày lập *

06/04/2026 20:44:04

Số lượng nhân bản

THÔNG TIN BỔ SUNG

Ghi chú

CHI TIẾT HÓA ĐƠN

STT	Tính chất *	Hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng *	Đơn giá *	Thành tiền *	Tiền thuế	Ghi chú	Hành động
1	Hàng hóa	Rọ van DN80	Bộ	2	1.450.000	2.900.000	8% = 232.000		
		Mã hàng hóa	Số lô	Hạn dùng					

Phụ lục 4 – Màn hình lập hóa đơn GTGT số 3

Hướng dẫn khắc phục các vấn đề kỹ số liên qu

Vay vốn

Khám phá Viettel SME

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG

Tên người mua

Mã người mua

Địa chỉ *

37 Cù Chính Lan, Phường Thanh Khê Đông, Quận Thanh Khê, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Tên đơn vị *

Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Hoàng Ngọc Đà Nẵng

Mã số thuế

0401596333

Hợp đồng số

Số điện thoại

Email

Loại giấy tờ

-Lựa chọn-

Số giấy tờ

Tên ngân hàng

Số tài khoản

Mã đơn vị quan hệ ngân sách

CHI TIẾT HÓA ĐƠN

STT	Tính chất *	Hàng hóa	Đơn vị tính	Hành động
1	Hàng hóa	Ống HDPE 100 D200 PN06	mét	
		Mã hàng hóa	Số lô	Hạn dùng
2	Hàng hóa	Ống HDPE 100 D315 PN6 6m	mét	
		Mã hàng hóa	Số lô	Hạn dùng
3	Hàng hóa	Ống HDPE 100 D63 PN12.5 100m	mét	
		Mã hàng hóa	Số lô	Hạn dùng

Phụ lục 5 – Màn hình lập hóa đơn GTGT số 43

SInvoice ™ của các trình duyệt nền Chrome phiên bản 147 Vay vốn Khám phá Viettel SME CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG

Mã đơn vị quan hệ ngân sách

CHI TIẾT HÓA ĐƠN

STT	Tính chất *	Hàng hóa	Đơn vị tính	Hành động
1	Hàng hóa	Ổng mềm ruột gà SP9020CM	mét	
		Mã hàng hóa Số lô Hạn dùng		
2	Hàng hóa	Ổng mềm ruột gà SP9025CM	mét	
		Mã hàng hóa Số lô Hạn dùng		
3	Hàng hóa	Đế âm đơn CN	cái	
		Mã hàng hóa Số lô Hạn dùng		
4	Hàng hóa	Đế âm đôi S2157/D	cái	
		Mã hàng hóa Số lô Hạn dùng		
5	Hàng hóa	Hộp chứa 3-6 át E4FC3/6LA	Cái	
		Mã hàng hóa Số lô Hạn dùng		
6	Hàng hóa	uPVC Co 21 dày BM	Cái	
		Mã hàng hóa Số lô Hạn dùng		
7	Hàng hóa	uPVC Ống 21x1,3mm (PN12) BM	Mét	
		Mã hàng hóa Số lô Hạn dùng		

Phụ lục 6 – Màn hình lập hóa đơn GTGT số 52

Database Logon

Thông tin đăng nhập

Tên server: ADMIN\SQLEXPRESS

Tên database: MAH25

Người dùng: QUANLY

Mật khẩu: *

OK List All Database Thoát Trợ giúp Thông tin

Phụ lục 7 – Giao diện đăng nhập vào phần mềm SmartPro

SmartPro

Phần mềm kế toán Smart Pro 2026

1. Nhập phát sinh 2. Hệ thống danh mục 3. Báo Cáo Tài Chính 4. Báo Cáo Thuế 5. Sổ kế toán 6. Sổ công nợ 7. Sổ hàng tồn kho 8. Công trình 9. Sổ phân tích 10. Bảo trì hệ thống 11. Tài sản cố định 12. Công cụ tiện ích 13. Phân quyền 14. Xử lý cuối tháng

1. Xử lý 2. In chứng từ 3. Xử lý đơn giá xuất kho 4. Giá thành

Xử lý chứng từ

01. Đánh số và ngày Chứng Từ Ghi Số

02. Đánh số chứng từ tự động (PC-PT-PNK-PXK)

03. In phiếu Chi

04. In phiếu Thu

05. In phiếu Nhập

06. In phiếu Xuất

07. In chứng từ hàng loạt theo mẫu [Ctrl + P]

Mở nhanh

1. Mở KTSC 2. Mở Database 3. Chọn Tháng 4. Giá thành 5. NIBOT 6. Report động 7. Liên hệ 8. Giá bán 9. Báo cáo TT88 10. GT NIBOT 11. Import 12. Chat hỗ trợ

ADMIN\sqlserver MAH25 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG 02.01.2026 N/2025 QUANLY Trợ giúp : 1900.636.507 - 028.710.99.711, Kinh doanh 028.7300.2148 Khác

Phụ lục 8 – Màn hình phần In chứng từ phiếu thu

NHẬP PHÁT SINH

Loại chữ: HDBR Mã KH: 96333 Seri HĐ: 1C25TMA Số HĐ: 43 Ngày HĐ: 25/03/25 HD VAT: R STT: 2

Số chữ: 43 Ngày chữ: 25/03/25

Diễn giải: Bán hàng Ngày: 25/03/2025 - CÔNG TY TNHH THƯƠNG CT:

TK Ng	131	Phải thu của khách hàng	Số dư cuối Ngày	Số dư cuối Tháng
ĐTPN Ng	96333	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HOÀNG NGỌC Đ...		
TK Có	5111	Doanh thu bán hàng hóa		0
ĐTPN Có	96333	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HOÀNG NGỌC Đ...		
HH Xuất	HH00863	Ống HDPE 100 D200 PN06		

Số lượng	Đơn giá	Tiền Vnd	TS	TK Thuế	Thuế VND	Tổng tiền
mét	60.000	211,000.00		8	33311	1,012,800

TT	TK Hàng ...	Mã HH Xuất	Tên danh mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền VND	% CK	Chiết khấu	Loại thuế	TK Thuế
1	1561	HH00863	Ống HDPE 100 D200 PN06	mét	60.000	211,000	12,660,000	0	0	R	33311
2	1561	HH00867	Ống HDPE 100 D315 PN6 6m	mét	6.000	520,000	3,120,000	0	0	R	33311
3	1561	HH00862	Ống HDPE 100 D63 PN12.5 100m	mét	60.000	39,000	2,340,000	0	0	R	33311
6					126.000	770,000	18,120,000	0	0		

Tiền hàng: 18,120,000
Tiền thuế: 1,449,600
Tổng T. toán: 19,569,600

Record 3 of 3

Tiếp Mở KTSC Mở Sửa đồng Lưu đồng List Phóng to Khác View (Ctrl+P) In (Ctrl+I) Lưu (F12)

Phụ lục 9 – Giao diện nhập phần mềm hóa đơn GTGT số 43

NHẬP PHÁT SINH

Loại chữ: HDBR Mã KH: 16508 Seri HĐ: 1C25TMA Số HĐ: 52 Ngày HĐ: 12/04/25 HD VAT: R STT: 2

Số chữ: 52 Ngày chữ: 12/04/25

Diễn giải: Bán hàng HĐ số: 52 CT:

TK Ng	131	Phải thu của khách hàng	Số dư cuối Ngày	Số dư cuối Tháng
ĐTPN Ng	16508	CÔNG TY CỔ PHẦN SODICOM VIỆT NAM		
TK Có	5111	Doanh thu bán hàng hóa		0
ĐTPN Có	16508	CÔNG TY CỔ PHẦN SODICOM VIỆT NAM		
HH Xuất	HH00368	Ống mềm ruột gà SP9020CM		

Số lượng	Đơn giá	Tiền Vnd	TS	TK Thuế	Thuế VND	Tổng tiền
m	600.000	2,000.00		8	33311	1,296,000

TT	TK Hàng ...	Mã HH Xuất	Tên danh mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền VND	% CK	Chiết khấu	Loại thuế	TK Thuế
1	1561	HH00368	Ống mềm ruột gà SP9020CM	m	600.000	2,000	1,200,000	0	0	R	33311
2	1561	HH00369	Ống mềm ruột gà SP9025CM	m	500.000	3,000	1,500,000	0	0	R	33311
3	1561	D1CN	Đế âm dơn CN	Cái	500.000	2,500	1,250,000	0	0	R	33311
8					1,946.000	120,450	9,088,000	0	0		

Tiền hàng: 9,088,000
Tiền thuế: 727,040
Tổng T. toán: 9,815,040

Record 7 of 7

Tiếp Mở KTSC Mở Sửa đồng Lưu đồng List Phóng to Khác View (Ctrl+P) In (Ctrl+I) Lưu (F12)

Phụ lục 10 – Giao diện nhập phần mềm hóa đơn GTGT số 52

NHẬP PHÁT SINH

4. Copy 3. Khác 2. Thông tin khách hàng 1. Nhập

Loại chữ: PC Mã KH: 66365 Seri HD: 1C25TBD Số HD: 2 Ngày HD: 20/01/25 HD VAT: V SIT: 2

Số chữ: 2 Ngày chữ: 20/01/25

Nội dung: Chi phí bán hàng Vận chuyển ống nhựa từ Đà Nẵng đi Đ...

CT:

TK Nợ	Chi phí bán hàng	Số dư cuối Ngày	Số dư cuối Tháng
6421	Chi phí bán hàng		0
ĐTPN Nợ	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI LIÊM...		
YTCP Nợ			
TK Có	Tiền Việt Nam		0
ĐTPN Có	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI LIÊM...		

Tiền Vnd	TS	TK Thuế	Thuế VND	Tổng tiền
13,888,889	8	1331	1,111,111	15,000,000

TT	Seri HD	Số HD	Ngày HD	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền VND	% TS	Tiền thuế VND	Tổng Tiền	ĐTPN Nợ
> 1	1C25TBD	2	20/01/25	Chi phí bán hàng Vận chuyển ống nhựa từ Đà Nẵng đi Đ...	6421	1111	13,888,889	8	1,111,111	15,000,000	66365

Tiền hàng: 13,888,889
Tiền thuế: 1,111,111

Tổng T. toán: 15,000,000

Record 1 of 1

Tiếp Mở KTSC Mở Sửa dòng Lưu dòng List Phóng to Khác View (Ctrl+F) In (Ctrl+I) Lưu (F12)

Phụ lục 11 – Giao diện nhập phần mềm theo hóa đơn số 2

NHẬP PHÁT SINH

4. Copy 3. Khác 2. Thông tin khách hàng 1. Nhập

Loại chữ: CTNH Mã KH: 86174584 Seri HD: 1K25TCA Số HD: 167260 Ngày HD: 25/11/25 HD VAT: V SIT: 2

Số chữ: 167260 Ngày chữ: 25/11/25

Diễn giải: Phí Quản lý tài khoản VND (Tổ chức) Ngày: 25/11/2025 CT:

TK Nợ	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Số dư cuối Ngày	Số dư cuối Tháng
6422	Chi phí quản lý doanh nghiệp		0.00
ĐTPN Nợ	NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VI...		
YTCP Nợ			
TK Có	Ngân hàng Agribank		0.00
ĐTPN Có	NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VI...		

Tiền Vnd	TS	TK Thuế	Thuế VND	Tổng tiền
10,000	10	1331	1,000	11,000

Tỷ giá: 0.00 Tiền USD: 0.00

TT	Seri HD	Số HD	Ngày HD	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền VND	% TS	Tiền thuế VND	Tổng Tiền
> 1	1K25TCA	167260	25/11/25	Phí Quản lý tài khoản VND (Tổ chức) Ngày: 25/11/2025	6422	1121AGR	10,000	10	1,000	11,000

Tiền thuế: 1,000

Tổng T. toán: 11,000

Record 1 of 1

Tiếp Mở KTSC Mở Sửa dòng Lưu dòng List Phóng to Khác View (Ctrl+F) In (Ctrl+I) Lưu (F12)

Phụ lục 12 – Giao diện nhập phần mềm phí dịch vụ quản lý tài khoản

NHẬP PHÁT SINH

4. Copy 3. Khác 2. Thông tin khách hàng 1. Nhập

Loại chữ: PKT Mã KH: [] Seri HD: [] Số HD: [] Ngày HD: [] HD VAT: X STT: 2

Số chữ: 000012/01 Ngày chữ: 31/01/25

Diễn giải: Hạch toán thuế môn bài CT: []

TK Nợ	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Số dư cuối Ngày	Số dư cuối Tháng
ĐTPN Nợ			0
YTCP Nợ			
TK Có	Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		0
ĐTPN Có			

Tiền Vnd	TS	TK Thuế	Thuế VND	Tổng tiền
2,000,000		1331	0	2,000,000

TT	Seri HD	Số HD	Ngày HD	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền VND	% TS	Tiền thuế VND	Tổng Tiền
1				Hạch toán thuế môn bài	6422	3330	2,000,000	0	0	2,000,000

Tiền thuế: 0

Tổng T.toàn: 2,000,000

Record 1 of 1

Tiếp Mở KTSC Mở Sửa dòng Lưu dòng List Phóng to Khác View (Ctrl+P) In (Ctrl+I) Lưu (F12)

Phụ lục 13 – Giao diện nhập phần mềm lệ phí môn bài

NHẬP PHÁT SINH

4. Copy 3. Khác 2. Thông tin khách hàng 1. Nhập

Loại chữ: PC Mã KH: 01683 Seri HD: 1K25TTC Số HD: 50478 Ngày HD: 19/01/25 HD VAT: V STT: 2

Số chữ: 50478 Ngày chữ: 19/01/25

Nội dung: Chi tiền xăng DO 0.05S-II Ngày: 19/01/2025 - CÔNG TY X CT: []

TK Nợ	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Số dư cuối Ngày	Số dư cuối Tháng
ĐTPN Nợ	CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC V - TNHH MỘT THÀNH VIÊN		
YTCP Nợ			
TK Có	Tiền Việt Nam		0
ĐTPN Có	CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC V - TNHH MỘT THÀNH VIÊN		

Tiền Vnd	TS	TK Thuế	Thuế VND	Tổng tiền
454,545	10	1331	45,455	500,000

TT	Seri HD	Số HD	Ngày HD	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền VND	% TS	Tiền thuế VND	Tổng Tiền	ĐTPN Nợ
1	1K25TTC	50478	19/01/25	Chi tiền xăng DO 0.05S-II Ngày: 19/01/2025 ...	6422	1111	454,545	10	45,455	500,000	01683

Tiền hàng: 454,545

Tiền thuế: 45,455

Tổng T.toàn: 500,000

Record 1 of 1

Tiếp Mở KTSC Mở Sửa dòng Lưu dòng List Phóng to Khác View (Ctrl+P) In (Ctrl+I) Lưu (F12)

Phụ lục 14 – Giao diện nhập liệu chi phí xăng dầu theo hóa đơn số 50478

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG
382 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
MST : 0401887420

Mẫu số : 01 - TT
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU THU
Ngày 11 tháng 01 năm 2025

Số : **3**
Nợ : 1111
Có : 5111,33311

Họ tên người nộp tiền : CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN VSE
Địa chỉ : 23 ME THÚ, PHƯỜNG HÒA XUÂN, QUẬN CẨM LỆ, TP ĐÀ NẴNG, VIỆT NAM
Lý do nộp : Doanh thu bán hàng vụ TM Rọ van DN80 Ngày: 11/01/2025
Số tiền : **3.132.000** Ba triệu một trăm ba mươi hai nghìn đồng
Kèm theo :

Ngày 11 tháng 01 năm 2025

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký,họ tên,đóng dấu)	(Ký họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)

Phạm Thị Loan

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ) :

Phụ lục 15 – Phiếu thu theo hóa đơn GTGT số 3

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG
382 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
MST : 0401887420

Mẫu số : 02 - TT
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

CHỨNG TỪ NGÂN HÀNG
Ngày 30 Tháng 11 Năm 2025

Số : **000496/01**
Nợ : 1121AGR
Có : 515

Họ tên người nhận tiền :
Địa chỉ :
Lý do chi : Thu lãi tiền gửi
Số tiền : **147.551** Một trăm bốn mươi bảy ngàn năm trăm năm mươi một đồng
Kèm theo :

Ngày 30 Tháng 11 Năm 2025

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập	Người nhận tiền
(Ký,họ tên,đóng dấu)	(Ký họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)

Phạm Thị Loan

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ) :

Phụ lục 16 – Chứng từ ngân hàng ngày 30/11/2025

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HO
382 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
MST : 0401887420

Mẫu số : 02 - TT
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU CHI
Ngày 20 Tháng 1 Năm 2025

Số : 2
Nợ : 6421,1331
Có : 1111

Họ tên người nhận tiền : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI LIÊM BÁCH ĐẠT
Địa chỉ : Thôn Cồn Mong, Xã Hoà Phước, Huyện Hoà Vang, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Lý do chi : Chi phí bán hàng Vận chuyển ồng nhựa từ Đà Nẵng đi Đông Giang - Quảng Nam Ngày: 20/01/2025 - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI LIÊM BÁCH ĐẠT
Số tiền : 15.000.000 Mười lăm triệu đồng
Kèm theo : Hóa đơn số 2

Ngày 20 Tháng 1 Năm 2025

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)	Người lập (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)
---	--------------------------------------	--------------------------------	----------------------------------	--

Phạm Thị Loan

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ) :

Phụ lục 17 – Phiếu chi theo hóa đơn số 2

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH
382 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng,
MST : 0401887420

Mẫu số : 02 - TT
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

CHỨNG TỪ NGÂN HÀNG
Ngày 25 Tháng 11 Năm 2025

Số : 167260
Nợ : 6422,1331

Họ tên người nhận tiền : NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
Địa chỉ :
Lý do chi : Phí Quản lý tài khoản VND (Tổ chức) Ngày: 25/11/2025
Số tiền : 11.000 Mười một ngàn đồng
Kèm theo : NANO

Ngày 25 Tháng 11 Năm 2025

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)	Người lập (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)
---	--------------------------------------	--------------------------------	----------------------------------	--

Phạm Thị Loan

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ) :

Phụ lục 18 – Chứng từ ngân hàng ngày 25/11/2025

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG
382 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
MST : 0401887420

Mẫu số : 02 - TT
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU CHI

Ngày 19 Tháng 1 Năm 2025

Số : **50478**

Nợ : 6422,1331

Có : 1111

Họ tên người nhận tiền : CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC V - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ : Số 122 Đường 2/9, P. Bình Thuận, Q. Hải Châu, TP Đà Nẵng, Việt Nam

Lý do chi : Chi tiền xăng DO 0.05S-II Ngày: 19/01/2025 - CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC V - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Số tiền : **500.000** Năm trăm ngàn đồng

Kèm theo : Hóa đơn số 50478

Ngày 19 Tháng 1 Năm 2025

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

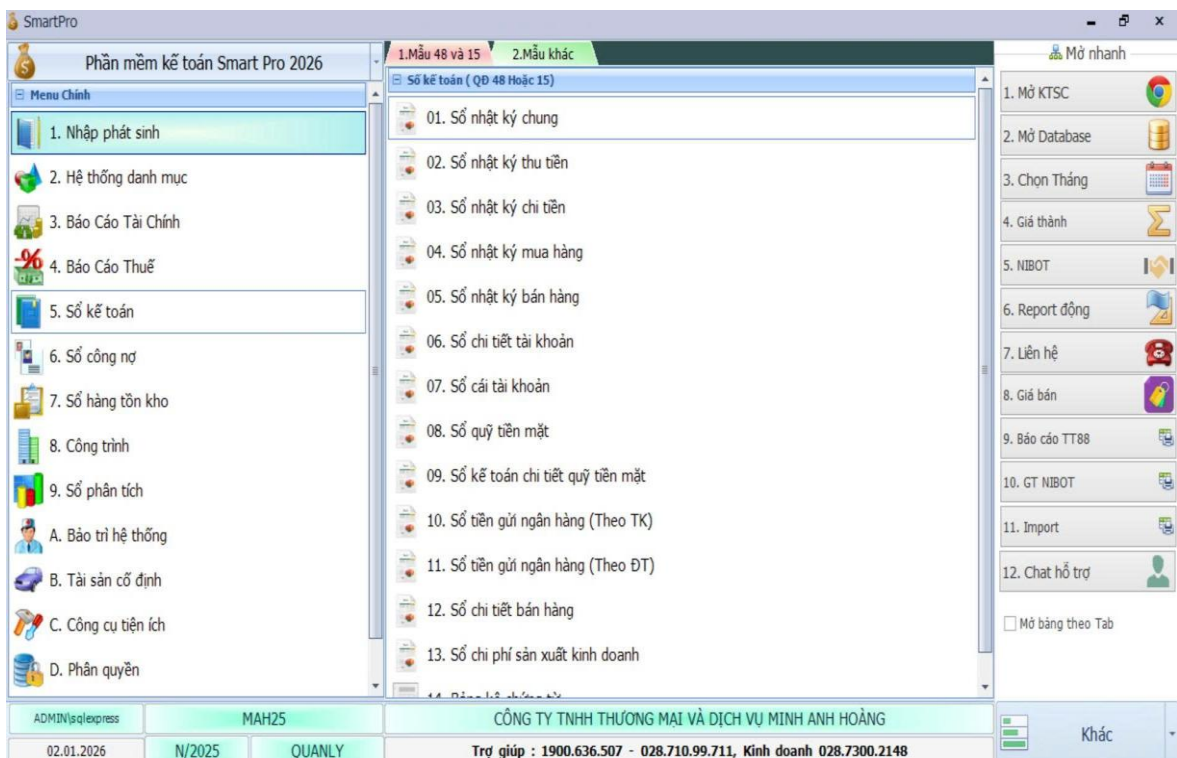
Người lập
(Ký, họ tên)

Người nhận tiền
(Ký, họ tên)

Phạm Thị Loan

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ) :

Phụ lục 19 – Phiếu chi theo hóa đơn số 50478



Phụ lục 20 – Giao diện mở các loại Sổ kế toán

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG
382 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế : 0401887420

Mẫu số S19-DNN
Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Mã hiệu : 131-Phải thu của khách hàng
Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		1.343.410.928	
03/01/25	HDBR.1	03/01/25	Bán hàng NPL-H4-Bộ 4 tại gần âm trần cho đèn Panel tấm Ngày: 03/01/2025	5111	84.000	
03/01/25	HDBR.1	03/01/25	Bán hàng Hộp đầu 2X Ngày: 03/01/2025	5111	728.000	
...	...	...	...	...	...	...
25/03/25	HDBR.43	25/03/25	Bán hàng Ngày: 25/03/2025 - CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HOÀNG NGỌC ĐÀ NẴNG	5111	12.660.000	
25/03/25	HDBR.43	25/03/25	Bán hàng Ngày: 25/03/2025 - CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HOÀNG NGỌC ĐÀ NẴNG	5111	3.120.000	
25/03/25	HDBR.43	25/03/25	Bán hàng Ngày: 25/03/2025 - CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HOÀNG NGỌC ĐÀ NẴNG	5111	2.340.000	
25/03/25	HDBR.43	25/03/25	Thuế GTGT đầu ra HĐ: 43,25/03/25	33311	1.449.600	
...	...	...	...	...	...	...
12/04/25	HDBR.52	12/04/25	Bán hàng HĐ số: 52	5111	1.200.000	
12/04/25	HDBR.52	12/04/25	Bán hàng HĐ số: 52	5111	1.500.000	
12/04/25	HDBR.52	12/04/25	Bán hàng HĐ số: 52	5111	1.250.000	
12/04/25	HDBR.52	12/04/25	Bán hàng HĐ số: 52	5111	975.000	
12/04/25	HDBR.52	12/04/25	Bán hàng HĐ số: 52	5111	3.492.000	
12/04/25	HDBR.52	12/04/25	Bán hàng HĐ số: 52	5111	260.000	
12/04/25	HDBR.52	12/04/25	Bán hàng HĐ số: 52	5111	411.000	
12/04/25	HDBR.52	12/04/25	Thuế GTGT đầu ra HĐ: 52,12/04/25	33311	727.040	
...	...	...	...	...	...	...
31/12/25	HDBR.265	31/12/25	Thuế GTGT đầu ra HĐ: 265,31/12/25	33311	1.702.160	
31/12/25	CTNH.000543	31/12/25	Thu tiền khách hàng	1121AGR		55.647.000
			Cộng phát sinh		10.003.003.956	9.224.213.224
			Số dư cuối kỳ		2.122.201.660	

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thị Loan

Phụ lục 21 – Sổ chi tiết công nợ phải thu của khách hàng

Sổ nhật ký chung

In sổ nhật ký chung

Chọn tháng, quý, năm

Tháng:

Từ ngày: 01/01/25

Đến ngày: 31/12/25

Ngày in số: 31/12/25

In

Thoát

Chọn mẫu in

- ☐ 01. Excel Mẫu chuẩn
- ☐ 02. Excel Chi tiết theo SO_HD
- ☐ 03. Excel In theo dạng Nợ,Có,Thành tiền
- ☐ 04. Excel In theo dạng Nợ,Có,Thành tiền - Chi tiết
- ☐ 05. Excel In chi tiết theo hàng hóa
- ☐ 06. Excel Mẫu không cộng chứng từ
- ☐ 07. Excel In theo dạng Nợ,Có,Thành tiền Không Sub
- ☐ 08. Excel in 2 cột diễn giải
- ☐ 09. Excel thêm Tên khách hàng
- ☐ 10. Report 01 - Mẫu Ps Nợ, Ps Có
- ☐ 11. Report 02 - Mẫu TK Nợ, TK Có (Chi tiết)
- ☐ 12. Report 02 - Mẫu TK Nợ, TK Có (Gộp)

Loại tiền

- ☐ 1. Vnd
- ☐ 2. Usd
- ☐ 3. Vnd + Usd

Ngôn ngữ

- ☐ 1. Việt
- ☐ 2. Anh
- ☐ 3. Việt + Anh

Tùy chọn khác

- ☐ 1. In đậm dòng cộng c.từ
- ☐ 2. In Subtotal theo Tháng
- ☐ 3. In số PT
- ☐ 4. In số PC
- ☐ 5. In Lctg thay Ngày ghi số
- ☐ 6. In diễn giải 2

Kiểu gộp

- ☐ 1. Gộp theo Số chứng từ
- ☐ 2. Gộp theo Số chứng từ + TKNO + TKCO
- ☐ 3. Gộp theo Số chứng từ + TKNO + TKCO + Số hóa đơn

02.01.2026 N/2025 QUANLY Trợ giúp : 1900.636.507 - 028.710.99.711, Kinh doanh 028.7300.2148

Phụ lục 22 – Giao diện để mở Sổ Nhật ký chung

SỔCTKI

Sổ Chi Tiết Tài Khoản

Chọn tháng, quý, năm

Tháng:

Từ ngày: 01/01/25

Đến ngày: 31/12/25

Ngày in: 31/12/25

Tài khoản:

In

Xem

Thoát

Các tùy chọn khác

- ☐ 1. Export hàng loạt qua Excel
- ☐ 2. Có in chi tiết
- ☐ 3. Không cộng Lctg vào Sock
- ☐ 4. Thay diễn giải bằng tên HH
- ☐ 5. View tất cả tài khoản vào 1 sheet
- ☐ 6. Không in tài khoản không phát sinh
- ☐ 7. In cả năm tách số dư ra 12 tháng
- ☐ 8. Chi in TK có phát sinh khi in hàng loạt
- ☐ 9. Mỗi tài khoản vào 1 sheet

Loại tiền

- ☐ 1. Vnd
- ☐ 2. Usd
- ☐ 3. Vnd + Usd

Ngôn ngữ

- ☐ 1. Việt
- ☐ 2. Anh
- ☐ 3. Việt + Anh

In 1 hoặc nhiều tài khoản

- ☐ 1. In 1 tài khoản
- ☐ 2. In nhiều tài khoản có hỏi
- ☐ 3. In nhiều tài khoản không hỏi
- ☐ 4. In tài khoản đánh dấu
- ☐ 5. View nhiều tài khoản chọn

Chọn mẫu in

- ☐ 1. Mẫu chuẩn
- ☐ 02. Excel - Thêm cột số dư cuối kỳ
- ☐ 03. Excel - Thêm cột Số hóa đơn
- ☐ 04. Excel - Tổng hợp theo tài khoản đối ứng
- ☐ 05. Excel - Bảng kê phát sinh có của 1 tài khoản
- ☐ 06. Report - Thêm cột Số HD, Ngày HD, Số dư CK
- ☐ 07. Report Mẫu Subtotal theo Số chứng từ
- ☐ 08. Report Mẫu Subtotal theo tháng
- ☐ 09. Report - Subtotal theo tháng
- ☐ 10. Report Mẫu Vnd Subtotal Tháng + Mã Công Trình
- ☐ 11. Report Mẫu Usd Subtotal Tháng + Mã Công Trình
- ☐ 12. Report Mẫu Vnd subtotal theo Mã YTCTP
- ☐ 13. Report Mẫu Usd Subtotal theo Mã YTCTP
- ☐ 14. Report Mẫu Vnd Subtotal theo Mã DTPN + Mã YTCTP
- ☐ 15. Report Mẫu Usd Subtotal theo Mã DTPN + Mã YTCTP
- ☐ 16. Report In theo DTPN Nợ và Có
- ☐ 17. Excel in theo DTPN Nợ và DTPN Có
- ☐ 18. Pivot Table phát sinh Nợ 1 TK
- ☐ 19. Pivot Table phát sinh Có 1 TK
- ☐ 20. Excel in DTPN, Mã công trình

Phụ lục 23 – Giao diện để mở Sổ Chi tiết TK 5111

SOCAT

Sổ Cái Tài Khoản

Chọn tháng, quý, năm

Tháng:

Từ ngày: 01/01/25

Đến ngày: 31/12/25

Ngày in: 31/12/25

Tài khoản:

Số ký tự TK:

Công trình:

In

Thoát

Các tùy chọn khác

- ☐ 1. Export hàng loạt qua Excel
- ☒ 2. In theo số ký tự tài khoản
- ☒ 3. Chi View tài khoản cấp 1
- ☐ 4. Mỗi tài khoản vào 1 sheet
- ☐ 5. In dòng diễn giải 2

Kiểu gộp

- ☐ 1. Gộp theo Số chứng từ
- ☐ 2. Gộp theo Số chứng từ + TKNO + TKCO
- ☐ 3. Gộp theo Số chứng từ + TKNO + TKCO + Số hóa đơn
- ☐ 4. Số chứng từ + Mã đối tượng + Mã Công trình + Số hợp đồng
- ☐ 5. TKNO + TKCO + DIENGIAI
- ☐ 6. Không gộp

Loại tiền

- ☐ 1. Vnd
- ☐ 2. Usd
- ☐ 3. Vnd + Usd

Ngôn ngữ

- ☐ 1. Việt
- ☐ 2. Anh
- ☐ 3. Việt + Anh

In 1 hoặc nhiều tài khoản

- ☐ 1. In 1 tài khoản
- ☐ 2. In nhiều tài khoản có hỏi
- ☐ 3. In nhiều tài khoản không hỏi
- ☐ 4. In tài khoản đánh dấu

Chọn mẫu in

- ☐ 01. Mẫu chuẩn
- ☐ 02. Có số hóa đơn
- ☐ 03. Theo hình thức chứng từ ghi số
- ☐ 04. View tất cả tài khoản vào 1 Sheet
- ☐ 05. Số tổng hợp theo đối ứng

Kiểu sắp xếp

- ☐ 1. Ngày + Loại + Số
- ☐ 2. Ngày + STT

Phụ lục 24 – Giao diện để mở Sổ Cái TK 511

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Chọn tháng, quý, năm
Tháng: N

Từ ngày: 01/01/25
Đến ngày: 31/12/25
Ngày in: 31/12/25

Tài khoản: 515

In Xem

Các tùy chọn khác

- ☐ 1. Export hàng loạt qua Excel
- ☐ 2. Có in chi tiết
- ☐ 3. Không cộng Lctg vào Sock
- ☐ 4. Thay diễn giải bằng tên HH
- ☐ 5. View tất cả tài khoản vào 1 sheet
- ☐ 6. Không in tài khoản không phát sinh
- ☐ 7. In cả năm tách số dư ra 12 tháng
- ☐ 8. Chi in TK có phát sinh khi in hàng loạt
- ☐ 9. Mỗi tài khoản vào 1 sheet

Chọn mẫu in

- ☐ 1. Mẫu chuẩn
- ☐ 02. Excel - Thêm cột số dư cuối kỳ
- ☐ 03. Excel - Thêm cột Số hóa đơn
- ☐ 04. Excel - Tổng hợp theo tài khoản đối ứng
- ☐ 05. Excel - Bảng kê phát sinh có của 1 tài khoản
- ☐ 06. Report - Thêm cột Số HD, Ngày HD, Số dư CK
- ☐ 07. Report Mẫu Subtotal theo Số chứng từ
- ☐ 08. Report Mẫu Subtotal theo tháng
- ☐ 09. Report - Subtotal theo tháng
- ☐ 10. Report Mẫu Vnd Subtotal Tháng + Mã Công Trình
- ☐ 11. Report Mẫu Usd Subtotal Tháng + Mã Công Trình
- ☐ 12. Report Mẫu Vnd subtotal theo Mã YTCP
- ☐ 13. Report Mẫu Usd Subtotal theo Mã YTCP
- ☐ 14. Report Mẫu Vnd Subtotal theo Mã DTPN + Mã YTCP
- ☐ 15. Report Mẫu Usd Subtotal theo Mã DTPN + Mã YTCP
- ☐ 16. Report In theo ĐTPN Nợ và Có
- ☐ 17. Excel in theo ĐTPN Nợ và ĐTPN Có
- ☐ 18. Pivot Table phát sinh Nợ 1 TK
- ☐ 19. Pivot Table phát sinh Có 1 TK
- ☐ 20. Excel in ĐTPN, Mã công trình

Loại tiền: 1. Vnd, 2. Usd, 3. Vnd + Usd

Ngôn ngữ: 1. Việt, 2. Anh, 3. Việt + Anh

In 1 hoặc nhiều tài khoản

- ☐ 1. In 1 tài khoản
- ☐ 2. In nhiều tài khoản có hỏi
- ☐ 3. In nhiều tài khoản không hỏi
- ☐ 4. In tài khoản đánh dấu
- ☐ 5. View nhiều tài khoản chọn

Phụ lục 25 – Giao diện để mở Sổ Chi tiết TK 515

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Chọn tháng, quý, năm
Tháng: N

Từ ngày: 01/01/25
Đến ngày: 31/12/25
Ngày in: 31/12/25

Tài khoản: 515

Số ký tự TK: 3

Công trình:

In Thoát

Các tùy chọn khác

- ☐ 1. Export hàng loạt qua Excel
- ☒ 2. In theo số ký tự tài khoản
- ☒ 3. Chi View tài khoản cấp 1
- ☐ 4. Mỗi tài khoản vào 1 sheet
- ☐ 5. In dòng diễn giải 2

Kiểu gộp

- ☐ 1. Gộp theo Số chứng từ
- ☐ 2. Gộp theo Số chứng từ + TKNO + TKCO
- ☐ 3. Gộp theo Số chứng từ + TKNO + TKCO + Số hóa đơn
- ☐ 4. Số chứng từ + Mã đối tượng + Mã Công trình + Số hợp đồng
- ☐ 5. TKNO + TKCO + DIENGLAI
- ☐ 6. Không gộp

Loại tiền: 1. Vnd, 2. Usd, 3. Vnd + Usd

Ngôn ngữ: 1. Việt, 2. Anh, 3. Việt + Anh

In 1 hoặc nhiều tài khoản

- ☐ 1. In 1 tài khoản
- ☐ 2. In nhiều tài khoản có hỏi
- ☐ 3. In nhiều tài khoản không hỏi
- ☐ 4. In tài khoản đánh dấu

Chọn mẫu in

- ☐ 01. Mẫu chuẩn
- ☐ 02. Có số hóa đơn
- ☐ 03. Theo hình thức chứng từ ghi sổ
- ☐ 04. View tất cả tài khoản vào 1 Sheet
- ☐ 05. Số tổng hợp theo đối ứng

Kiểu sắp xếp

- ☐ 1. Ngày + Loại + Số
- ☐ 2. Ngày + STT

Mở nhanh

- 1. Mở KTSC
- 2. Mở Database
- 3. Chọn Tháng
- 4. Giá thành
- 5. NIBOT
- 6. Report động
- 7. Liên hệ
- 8. Giá bán
- 9. Báo cáo TT88
- 10. GT NIBOT
- 11. Import
- 12. Chat hỗ trợ

Mở bảng theo Tab

Khác

Phụ lục 26 – Giao diện để mở Sổ Cái TK 515

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Chọn tháng, quý, năm
Tháng: N

Từ ngày: 01/01/25
Đến ngày: 31/12/25
Ngày in: 31/12/25

Tài khoản: 711

In Xem

Các tùy chọn khác

- ☐ 1. Export hàng loạt qua Excel
- ☐ 2. Có in chi tiết
- ☐ 3. Không cộng Lctg vào Sock
- ☐ 4. Thay diễn giải bằng tên HH
- ☐ 5. View tất cả tài khoản vào 1 sheet
- ☐ 6. Không in tài khoản không phát sinh
- ☐ 7. In cả năm tách số dư ra 12 tháng
- ☐ 8. Chi in TK có phát sinh khi in hàng loạt
- ☐ 9. Mỗi tài khoản vào 1 sheet

Chọn mẫu in

- ☐ 1. Mẫu chuẩn
- ☐ 02. Excel - Thêm cột số dư cuối kỳ
- ☐ 03. Excel - Thêm cột Số hóa đơn
- ☐ 04. Excel - Tổng hợp theo tài khoản đối ứng
- ☐ 05. Excel - Bảng kê phát sinh có của 1 tài khoản
- ☐ 06. Report - Thêm cột Số HD, Ngày HD, Số dư CK
- ☐ 07. Report Mẫu Subtotal theo Số chứng từ
- ☐ 08. Report Mẫu Subtotal theo tháng
- ☐ 09. Report - Subtotal theo tháng
- ☐ 10. Report Mẫu Vnd Subtotal Tháng + Mã Công Trình
- ☐ 11. Report Mẫu Usd Subtotal Tháng + Mã Công Trình
- ☐ 12. Report Mẫu Vnd subtotal theo Mã YTCP
- ☐ 13. Report Mẫu Usd Subtotal theo Mã YTCP
- ☐ 14. Report Mẫu Vnd Subtotal theo Mã DTPN + Mã YTCP
- ☐ 15. Report Mẫu Usd Subtotal theo Mã DTPN + Mã YTCP
- ☐ 16. Report In theo ĐTPN Nợ và Có
- ☐ 17. Excel in theo ĐTPN Nợ và ĐTPN Có
- ☐ 18. Pivot Table phát sinh Nợ 1 TK
- ☐ 19. Pivot Table phát sinh Có 1 TK
- ☐ 20. Excel in ĐTPN, Mã công trình

Loại tiền: 1. Vnd, 2. Usd, 3. Vnd + Usd

Ngôn ngữ: 1. Việt, 2. Anh, 3. Việt + Anh

In 1 hoặc nhiều tài khoản

- ☐ 1. In 1 tài khoản
- ☐ 2. In nhiều tài khoản có hỏi
- ☐ 3. In nhiều tài khoản không hỏi
- ☐ 4. In tài khoản đánh dấu
- ☐ 5. View nhiều tài khoản chọn

Phụ lục 27 – Giao diện để mở Sổ Chi tiết TK 711

Số Cái Tài Khoản

Chọn tháng, quý, năm

Tháng:

Từ ngày:

Đến ngày:

Ngày in:

Tài khoản:

Số kỳ tự TK:

Công trình:

Các tùy chọn khác

- ☐ 1. Export hàng loạt qua Excel
- ☒ 2. In theo số kỳ tự tài khoản
- ☒ 3. Chi View tài khoản cấp 1
- ☐ 4. Mỗi tài khoản vào 1 sheet
- ☐ 5. In dòng diễn giải 2

Kiểu gộp

- ☐ 1. Gộp theo Số chứng từ
- ☐ 2. Gộp theo Số chứng từ + TKNO + TKCO
- ☐ 3. Gộp theo Số chứng từ + TKNO + TKCO + Số hóa đơn
- ☐ 4. Số chứng từ + Mã đối tượng + Mã Công trình + Số hợp đồng
- ☐ 5. TKNO + TKCO + DIENGIAI
- ☐ 6. Không gộp

Kiểu sắp xếp

- ☐ 1. Ngày + Loại + Số
- ☐ 2. Ngày + STT

Loại tiền

- ☒ 1. Vnd
- ☐ 2. Usd
- ☐ 3. Vnd + Usd

Ngôn ngữ

- ☒ 1. Việt
- ☐ 2. Anh
- ☐ 3. Việt + Anh

In 1 hoặc nhiều tài khoản

- ☒ 1. In 1 tài khoản
- ☐ 2. In nhiều tài khoản có hỏi
- ☐ 3. In nhiều tài khoản không hỏi
- ☐ 4. In tài khoản đánh dấu

Chọn mẫu in

- ☒ 01. Mẫu chuẩn
- ☐ 02. Có số hóa đơn
- ☐ 03. Theo hình thức chứng từ ghi sổ
- ☐ 04. View tất cả tài khoản vào 1 Sheet
- ☐ 05. Số tổng hợp theo đối ứng

Mở nhanh

- 1. Mở KTSC
- 2. Mở Database
- 3. Chọn Tháng
- 4. Giá thành
- 5. NIBOT
- 6. Report động
- 7. Liên hệ
- 8. Giá bán
- 9. Báo cáo TT88
- 10. GT NIBOT
- 11. Import
- 12. Chat hỗ trợ

☐ Mở bảng theo Tab

Khác

Phụ lục 28 – Giao diện để mở Sổ Cái TK 711

Số Chi Tiết Tài Khoản

Chọn tháng, quý, năm

Tháng:

Từ ngày:

Đến ngày:

Ngày in:

Tài khoản:

Các tùy chọn khác

- ☐ 1. Export hàng loạt qua Excel
- ☐ 2. Có in chi tiết
- ☐ 3. Không cộng Lctg vào Sockt
- ☐ 4. Thay diễn giải bằng tên HH
- ☐ 5. View tất cả tài khoản vào 1 sheet
- ☐ 6. Không in tài khoản không phát sinh
- ☐ 7. In cả năm tách số dư ra 12 tháng
- ☐ 8. Chi in TK có phát sinh khi in hàng loạt
- ☐ 9. Mỗi tài khoản vào 1 sheet

Chọn mẫu in

- ☒ 1. Mẫu chuẩn
- ☐ 02. Excel - Thêm cột số dư cuối kỳ
- ☐ 03. Excel - Thêm cột Số hóa đơn
- ☐ 04. Excel - Tổng hợp theo tài khoản đối ứng
- ☐ 05. Excel - Bảng kê phát sinh có của 1 tài khoản
- ☐ 06. Report - Thêm cột Số HD, Ngày HD, Số dư CK
- ☐ 07. Report Mẫu Subtotal theo Số chứng từ
- ☐ 08. Report Mẫu Subtotal theo tháng
- ☐ 09. Report - Subtotal theo tháng
- ☐ 10. Report Mẫu Vnd Subtotal Tháng + Mã Công Trình
- ☐ 11. Report Mẫu Usd Subtotal Tháng + Mã Công Trình
- ☐ 12. Report Mẫu Vnd subtotal theo Mã YTCP
- ☐ 13. Report Mẫu Usd Subtotal theo Mã YTCP
- ☐ 14. Report Mẫu Vnd Subtotal theo Mã DTPN + Mã YTCP
- ☐ 15. Report Mẫu Usd Subtotal theo Mã DTPN + Mã YTCP
- ☐ 16. Report In theo ĐTPN Ng và Có
- ☐ 17. Excel in theo ĐTPN Ng và ĐTPN Có
- ☐ 18. Pivot Table phát sinh Ng 1 TK
- ☐ 19. Pivot Table phát sinh Có 1 TK
- ☐ 20. Excel in ĐTPN, Mã công trình

Loại tiền

- ☒ 1. Vnd
- ☐ 2. Usd
- ☐ 3. Vnd + Usd

Ngôn ngữ

- ☒ 1. Việt
- ☐ 2. Anh
- ☐ 3. Việt + Anh

In 1 hoặc nhiều tài khoản

- ☒ 1. In 1 tài khoản
- ☐ 2. In nhiều tài khoản có hỏi
- ☐ 3. In nhiều tài khoản không hỏi
- ☐ 4. In tài khoản đánh dấu
- ☐ 5. View nhiều tài khoản chọn

Phụ lục 29 – Giao diện để mở Sổ Chi tiết TK 632

Số Cái Tài Khoản

Chọn tháng, quý, năm

Tháng:

Từ ngày:

Đến ngày:

Ngày in:

Tài khoản:

Số kỳ tự TK:

Công trình:

Các tùy chọn khác

- ☐ 1. Export hàng loạt qua Excel
- ☒ 2. In theo số kỳ tự tài khoản
- ☒ 3. Chi View tài khoản cấp 1
- ☐ 4. Mỗi tài khoản vào 1 sheet
- ☐ 5. In dòng diễn giải 2

Kiểu gộp

- ☐ 1. Gộp theo Số chứng từ
- ☐ 2. Gộp theo Số chứng từ + TKNO + TKCO
- ☐ 3. Gộp theo Số chứng từ + TKNO + TKCO + Số hóa đơn
- ☐ 4. Số chứng từ + Mã đối tượng + Mã Công trình + Số hợp đồng
- ☐ 5. TKNO + TKCO + DIENGIAI
- ☐ 6. Không gộp

Kiểu sắp xếp

- ☒ 1. Ngày + Loại + Số
- ☐ 2. Ngày + STT

Loại tiền

- ☒ 1. Vnd
- ☐ 2. Usd
- ☐ 3. Vnd + Usd

Ngôn ngữ

- ☒ 1. Việt
- ☐ 2. Anh
- ☐ 3. Việt + Anh

In 1 hoặc nhiều tài khoản

- ☒ 1. In 1 tài khoản
- ☐ 2. In nhiều tài khoản có hỏi
- ☐ 3. In nhiều tài khoản không hỏi
- ☐ 4. In tài khoản đánh dấu

Chọn mẫu in

- ☒ 01. Mẫu chuẩn
- ☐ 02. Có số hóa đơn
- ☐ 03. Theo hình thức chứng từ ghi sổ
- ☐ 04. View tất cả tài khoản vào 1 Sheet
- ☐ 05. Số tổng hợp theo đối ứng

Mở nhanh

- 1. Mở KTSC
- 2. Mở Database
- 3. Chọn Tháng
- 4. Giá thành
- 5. NIBOT
- 6. Report động
- 7. Liên hệ
- 8. Giá bán
- 9. Báo cáo TT88
- 10. GT NIBOT
- 11. Import
- 12. Chat hỗ trợ

☐ Mở bảng theo Tab

Khác

Phụ lục 30 – Giao diện để mở Sổ Cái TK 632

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Chọn tháng, quý, năm
Tháng: N

Từ ngày: 01/01/25
Đến ngày: 31/12/25
Ngày in: 31/12/25
Tài khoản: 6421

In Xem Thoát

Các tùy chọn khác

- ☐ 1. Export hàng loạt qua Excel
- ☐ 2. Có in chi tiết
- ☐ 3. Không cộng Lctg vào Sock
- ☐ 4. Thay diễn giải bằng tên HH
- ☐ 5. View tất cả tài khoản vào 1 sheet
- ☐ 6. Không in tài khoản không phát sinh
- ☐ 7. In cả năm tách số dư ra 12 tháng
- ☐ 8. Chi in TK có phát sinh khi in hàng loạt
- ☐ 9. Mỗi tài khoản vào 1 sheet

Loại tiền: 1. Vnd, 2. Usd, 3. Vnd + Usd
Ngôn ngữ: 1. Việt, 2. Anh, 3. Việt + Anh

In 1 hoặc nhiều tài khoản

- ☐ 1. In 1 tài khoản
- ☐ 2. In nhiều tài khoản có hỏi
- ☐ 3. In nhiều tài khoản không hỏi
- ☐ 4. In tài khoản đánh dấu
- ☐ 5. View nhiều tài khoản chọn

Chọn mẫu in

- ☐ 1. Mẫu chuẩn
- ☐ 02. Excel - Thêm cột số dư cuối kỳ
- ☐ 03. Excel - Thêm cột Số hóa đơn
- ☐ 04. Excel - Tổng hợp theo tài khoản đối ứng
- ☐ 05. Excel - Bảng kê phát sinh có của 1 tài khoản
- ☐ 06. Report - Thêm cột Số HD, Ngày HD, Số dư CK
- ☐ 07. Report Mẫu Subtotal theo Số chứng từ
- ☐ 08. Report Mẫu Subtotal theo tháng
- ☐ 09. Report - Subtotal theo tháng
- ☐ 10. Report Mẫu Vnd Subtotal Tháng + Mã Công Trình
- ☐ 11. Report Mẫu Usd Subtotal Tháng + Mã Công Trình
- ☐ 12. Report Mẫu Vnd subtotal theo Mã YTCP
- ☐ 13. Report Mẫu Usd Subtotal theo Mã YTCP
- ☐ 14. Report Mẫu Vnd Subtotal theo Mã DTPN + Mã YTCP
- ☐ 15. Report Mẫu Usd Subtotal theo Mã DTPN + Mã YTCP
- ☐ 16. Report In theo ĐTPN Nợ và Có
- ☐ 17. Excel in theo ĐTPN Nợ và ĐTPN Có
- ☐ 18. Pivot Table phát sinh Nợ 1 TK
- ☐ 19. Pivot Table phát sinh Có 1 TK
- ☐ 20. Excel in ĐTPN, Mã công trình

Phụ lục 31 – Giao diện để mở Sổ Chi tiết TK 6421

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Chọn tháng, quý, năm
Tháng: N

Từ ngày: 01/01/25
Đến ngày: 31/12/25
Ngày in: 31/12/25
Tài khoản: 6422

In Xem Thoát

Các tùy chọn khác

- ☐ 1. Export hàng loạt qua Excel
- ☐ 2. Có in chi tiết
- ☐ 3. Không cộng Lctg vào Sock
- ☐ 4. Thay diễn giải bằng tên HH
- ☐ 5. View tất cả tài khoản vào 1 sheet
- ☐ 6. Không in tài khoản không phát sinh
- ☐ 7. In cả năm tách số dư ra 12 tháng
- ☐ 8. Chi in TK có phát sinh khi in hàng loạt
- ☐ 9. Mỗi tài khoản vào 1 sheet

Loại tiền: 1. Vnd, 2. Usd, 3. Vnd + Usd
Ngôn ngữ: 1. Việt, 2. Anh, 3. Việt + Anh

In 1 hoặc nhiều tài khoản

- ☐ 1. In 1 tài khoản
- ☐ 2. In nhiều tài khoản có hỏi
- ☐ 3. In nhiều tài khoản không hỏi
- ☐ 4. In tài khoản đánh dấu
- ☐ 5. View nhiều tài khoản chọn

Chọn mẫu in

- ☐ 1. Mẫu chuẩn
- ☐ 02. Excel - Thêm cột số dư cuối kỳ
- ☐ 03. Excel - Thêm cột Số hóa đơn
- ☐ 04. Excel - Tổng hợp theo tài khoản đối ứng
- ☐ 05. Excel - Bảng kê phát sinh có của 1 tài khoản
- ☐ 06. Report - Thêm cột Số HD, Ngày HD, Số dư CK
- ☐ 07. Report Mẫu Subtotal theo Số chứng từ
- ☐ 08. Report Mẫu Subtotal theo tháng
- ☐ 09. Report - Subtotal theo tháng
- ☐ 10. Report Mẫu Vnd Subtotal Tháng + Mã Công Trình
- ☐ 11. Report Mẫu Usd Subtotal Tháng + Mã Công Trình
- ☐ 12. Report Mẫu Vnd subtotal theo Mã YTCP
- ☐ 13. Report Mẫu Usd Subtotal theo Mã YTCP
- ☐ 14. Report Mẫu Vnd Subtotal theo Mã DTPN + Mã YTCP
- ☐ 15. Report Mẫu Usd Subtotal theo Mã DTPN + Mã YTCP
- ☐ 16. Report In theo ĐTPN Nợ và Có
- ☐ 17. Excel in theo ĐTPN Nợ và ĐTPN Có
- ☐ 18. Pivot Table phát sinh Nợ 1 TK
- ☐ 19. Pivot Table phát sinh Có 1 TK
- ☐ 20. Excel in ĐTPN, Mã công trình

Phụ lục 32 – Giao diện để mở Sổ Chi tiết TK 6422

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Chọn tháng, quý, năm
Tháng: N

Từ ngày: 01/01/25
Đến ngày: 31/12/25
Ngày in: 31/12/25
Tài khoản: 642
Số kỳ tự TK: 3
Công trình:

In Thoát

Các tùy chọn khác

- ☐ 1. Export hàng loạt qua Excel
- ☒ 2. In theo số kỳ tự tài khoản
- ☒ 3. Chi View tài khoản cấp 1
- ☐ 4. Mỗi tài khoản vào 1 sheet
- ☐ 5. In dòng diễn giải 2

Kiểu gộp

- ☐ 1. Gộp theo Số chứng từ
- ☐ 2. Gộp theo Số chứng từ + TKNO + TKCO
- ☐ 3. Gộp theo Số chứng từ + TKNO + TKCO + Số hóa đơn
- ☐ 4. Số chứng từ + Mã đối tượng + Mã Công trình + Số hợp đồng
- ☐ 5. TKNO + TKCO + DIENGLAI
- ☐ 6. Không gộp

Loại tiền: 1. Vnd, 2. Usd, 3. Vnd + Usd
Ngôn ngữ: 1. Việt, 2. Anh, 3. Việt + Anh

In 1 hoặc nhiều tài khoản

- ☐ 1. In 1 tài khoản
- ☐ 2. In nhiều tài khoản có hỏi
- ☐ 3. In nhiều tài khoản không hỏi
- ☐ 4. In tài khoản đánh dấu

Chọn mẫu in

- ☐ 01. Mẫu chuẩn
- ☐ 02. Có số hóa đơn
- ☐ 03. Theo hình thức chứng từ ghi sổ
- ☐ 04. View tất cả tài khoản vào 1 Sheet
- ☐ 05. Số tổng hợp theo đối ứng

Kiểu sắp xếp

- ☐ 1. Ngày + Loại + Số
- ☐ 2. Ngày + STT

Mở nhanh

- 1. Mở KTSC
- 2. Mở Database
- 3. Chọn Tháng
- 4. Giá thành
- 5. NIBOT
- 6. Report động
- 7. Liên hệ
- 8. Giá bán
- 9. Báo cáo TT88
- 10. GT NIBOT
- 11. Import
- 12. Chat hỗ trợ

Mở bảng theo Tab

Khác

Phụ lục 33 – Giao diện để mở Sổ Cái TK 642

SỔ CHỈ TIẾT TÀI KHOẢN

Chọn tháng, quý, năm
Tháng: N
Từ ngày: 01/01/25
Đến ngày: 31/12/25
Ngày in: 31/12/25
Tài khoản: 635

In Xem Thoát

Các tùy chọn khác

- ☐ 1. Export hàng loạt qua Excel
- ☐ 2. Có in chi tiết
- ☐ 3. Không cộng Lctg vào Sock
- ☐ 4. Thay diễn giải bằng tên HH
- ☐ 5. View tất cả tài khoản vào 1 sheet
- ☐ 6. Không in tài khoản không phát sinh
- ☐ 7. In cả năm tách số dư ra 12 tháng
- ☐ 8. Chi in TK có phát sinh khi in hàng loạt
- ☐ 9. Mỗi tài khoản vào 1 sheet

Loại tiền: 1. Vnd, 2. Usd, 3. Vnd + Usd
Ngôn ngữ: 1. Việt, 2. Anh, 3. Việt + Anh

In 1 hoặc nhiều tài khoản

- ☐ 1. In 1 tài khoản
- ☐ 2. In nhiều tài khoản có hỏi
- ☐ 3. In nhiều tài khoản không hỏi
- ☐ 4. In tài khoản đánh dấu
- ☐ 5. View nhiều tài khoản chọn

Chọn mẫu in

- ☐ 1. Mẫu chuẩn
- ☐ 02. Excel - Thêm cột số dư cuối kỳ
- ☐ 03. Excel - Thêm cột Số hóa đơn
- ☐ 04. Excel - Tổng hợp theo tài khoản đối ứng
- ☐ 05. Excel - Bảng kê phát sinh có của 1 tài khoản
- ☐ 06. Report - Thêm cột Số HD, Ngày HD, Số dư CK
- ☐ 07. Report Mẫu Subtotal theo Số chứng từ
- ☐ 08. Report Mẫu Subtotal theo tháng
- ☐ 09. Report - Subtotal theo tháng
- ☐ 10. Report Mẫu Vnd Subtotal Tháng + Mã Công Trình
- ☐ 11. Report Mẫu Usd Subtotal Tháng + Mã Công Trình
- ☐ 12. Report Mẫu Vnd subtotal theo Mã YTCP
- ☐ 13. Report Mẫu Usd Subtotal theo Mã YTCP
- ☐ 14. Report Mẫu Vnd Subtotal theo Mã DTPN + Mã YTCP
- ☐ 15. Report Mẫu Usd Subtotal theo Mã DTPN + Mã YTCP
- ☐ 16. Report In theo ĐTPN Nợ và Có
- ☐ 17. Excel in theo ĐTPN Nợ và ĐTPN Có
- ☐ 18. Pivot Table phát sinh Nợ 1 TK
- ☐ 19. Pivot Table phát sinh Có 1 TK
- ☐ 20. Excel in ĐTPN, Mã công trình

Phụ lục 34 – Giao diện để mở Sổ Chi tiết TK 635

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

In Thoát

Chọn tháng, quý, năm
Tháng: N
Từ ngày: 01/01/25
Đến ngày: 31/12/25
Ngày in: 31/12/25
Tài khoản: 635
Số ký tự TK: 3
Công trình:

Các tùy chọn khác

- ☐ 1. Export hàng loạt qua Excel
- ☒ 2. In theo số ký tự tài khoản
- ☒ 3. Chi View tài khoản cấp 1
- ☐ 4. Mỗi tài khoản vào 1 sheet
- ☐ 5. In dòng diễn giải 2

Kiểu gộp

- ☐ 1. Gộp theo Số chứng từ
- ☐ 2. Gộp theo Số chứng từ + TKNO + TKCO
- ☐ 3. Gộp theo Số chứng từ + TKNO + TKCO + Số hóa đơn
- ☐ 4. Số chứng từ + Mã đối tượng + Mã Công trình + Số hợp đồng
- ☐ 5. TKNO + TKCO + DIENGLAI
- ☐ 6. Không gộp

Loại tiền: 1. Vnd, 2. Usd, 3. Vnd + Usd
Ngôn ngữ: 1. Việt, 2. Anh, 3. Việt + Anh

In 1 hoặc nhiều tài khoản

- ☐ 1. In 1 tài khoản
- ☐ 2. In nhiều tài khoản có hỏi
- ☐ 3. In nhiều tài khoản không hỏi
- ☐ 4. In tài khoản đánh dấu

Chọn mẫu in

- ☐ 01. Mẫu chuẩn
- ☐ 02. Có số hóa đơn
- ☐ 03. Theo hình thức chứng từ ghi sổ
- ☐ 04. View tất cả tài khoản vào 1 Sheet
- ☐ 05. Số tổng hợp theo đối ứng

Kiểu sắp xếp

- ☐ 1. Ngày + Loại + Số
- ☐ 2. Ngày + STT

Mở nhanh

- 1. Mở KTSC
- 2. Mở Database
- 3. Chọn Tháng
- 4. Giá thành
- 5. NIBOT
- 6. Report động
- 7. Liên hệ
- 8. Giá bán
- 9. Báo cáo TT88
- 10. GT NIBOT
- 11. Import
- 12. Chat hỗ trợ

Mô bảng theo Tab

Khác

Phụ lục 35 – Giao diện để mở Sổ Cái TK 635

SỔ CHỈ TIẾT TÀI KHOẢN

Chọn tháng, quý, năm
Tháng: N
Từ ngày: 01/01/25
Đến ngày: 31/12/25
Ngày in: 31/12/25
Tài khoản: 911

In Xem Thoát

Các tùy chọn khác

- ☐ 1. Export hàng loạt qua Excel
- ☐ 2. Có in chi tiết
- ☐ 3. Không cộng Lctg vào Sock
- ☐ 4. Thay diễn giải bằng tên HH
- ☐ 5. View tất cả tài khoản vào 1 sheet
- ☐ 6. Không in tài khoản không phát sinh
- ☐ 7. In cả năm tách số dư ra 12 tháng
- ☐ 8. Chi in TK có phát sinh khi in hàng loạt
- ☐ 9. Mỗi tài khoản vào 1 sheet

Loại tiền: 1. Vnd, 2. Usd, 3. Vnd + Usd
Ngôn ngữ: 1. Việt, 2. Anh, 3. Việt + Anh

In 1 hoặc nhiều tài khoản

- ☐ 1. In 1 tài khoản
- ☐ 2. In nhiều tài khoản có hỏi
- ☐ 3. In nhiều tài khoản không hỏi
- ☐ 4. In tài khoản đánh dấu
- ☐ 5. View nhiều tài khoản chọn

Chọn mẫu in

- ☐ 1. Mẫu chuẩn
- ☐ 02. Excel - Thêm cột số dư cuối kỳ
- ☐ 03. Excel - Thêm cột Số hóa đơn
- ☐ 04. Excel - Tổng hợp theo tài khoản đối ứng
- ☐ 05. Excel - Bảng kê phát sinh có của 1 tài khoản
- ☐ 06. Report - Thêm cột Số HD, Ngày HD, Số dư CK
- ☐ 07. Report Mẫu Subtotal theo Số chứng từ
- ☐ 08. Report Mẫu Subtotal theo tháng
- ☐ 09. Report - Subtotal theo tháng
- ☐ 10. Report Mẫu Vnd Subtotal Tháng + Mã Công Trình
- ☐ 11. Report Mẫu Usd Subtotal Tháng + Mã Công Trình
- ☐ 12. Report Mẫu Vnd subtotal theo Mã YTCP
- ☐ 13. Report Mẫu Usd Subtotal theo Mã YTCP
- ☐ 14. Report Mẫu Vnd Subtotal theo Mã DTPN + Mã YTCP
- ☐ 15. Report Mẫu Usd Subtotal theo Mã DTPN + Mã YTCP
- ☐ 16. Report In theo ĐTPN Nợ và Có
- ☐ 17. Excel in theo ĐTPN Nợ và ĐTPN Có
- ☐ 18. Pivot Table phát sinh Nợ 1 TK
- ☐ 19. Pivot Table phát sinh Có 1 TK
- ☐ 20. Excel in ĐTPN, Mã công trình

Phụ lục 36 – Giao diện để mở Sổ Chi tiết TK 911

SỐ CÁI TÀI KHOẢN

Chọn tháng, quý, năm

Tháng: N

Từ ngày: 01/01/25

Đến ngày: 31/12/25

Ngày in: 31/12/25

Tài khoản: 911

Số ký tự TK: 3

Công trình:

Các tùy chọn khác

☐ 1. Export hàng loạt qua Excel

☒ 2. In theo số ký tự tài khoản

☒ 3. Chi View tài khoản cấp 1

☒ 4. Mỗi tài khoản vào 1 sheet

☐ 5. In dòng diễn giải 2

Kiểu gộp

☒ 1. Gộp theo Số chứng từ

☒ 2. Gộp theo Số chứng từ + TKNO + TKCO

☒ 3. Gộp theo Số chứng từ + TKNO + TKCO + Số hóa đơn

☒ 4. Số chứng từ + Mã đối tượng + Mã Công trình + Số hợp đồng

☒ 5. TKNO + TKCO + DIENGLAI

☒ 6. Không gộp

Loại tiền

☒ 1. Vnd

☐ 2. Usd

☐ 3. Vnd + Usd

Ngôn ngữ

☒ 1. Việt

☐ 2. Anh

☐ 3. Việt + Anh

In 1 hoặc nhiều tài khoản

☒ 1. In 1 tài khoản

☐ 2. In nhiều tài khoản có hỏi

☐ 3. In nhiều tài khoản không hỏi

☐ 4. In tài khoản đánh dấu

Chọn mẫu in

☒ 01. Mẫu chuẩn

☐ 02. Có số hóa đơn

☐ 03. Theo hình thức chứng từ ghi sổ

☐ 04. View tất cả tài khoản vào 1 Sheet

☐ 05. Số tổng hợp theo đối ứng

Kiểu sắp xếp

☒ 1. Ngày + Loại + Số

☐ 2. Ngày + STT

Mở nhanh

1. Mở KTSC

2. Mở Database

3. Chọn Tháng

4. Giá thành

5. NIBOT

6. Report động

7. Liên hệ

8. Giá bán

9. Báo cáo TT88

10. GT NIBOT

11. Import

12. Chat hỗ trợ

Mở bảng theo Tab

Khác

Phụ lục 37 – Giao diện để mở Sổ Cái TK 911

EDIT

1.Edit 2.View 3.In 4. Load Save ? HELP

Thông tin chính

Loại C. từ: PXX

Số C. từ: 43

Ngày C. từ: 25/03/25

Diễn giải: Xuất kho theo HD số: 43,25/03/25

Khách hàng: 96333

Thông tin khác

Seri HD: 1C25TMA

Số HD: 43

Ngày HD: 25/03/25

Mã YTCP Nợ

TK Nợ: 632

TK Có: 1561

ĐTPN Nợ: 96333

ĐTPN Có: 96333

Hợp đồng

Công trình

N giao dịch

Mã HH Xuất	Tên danh mục	TT	TK Nợ	TK Có	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền VND
HH00863	Ống HDPE 100 D200 PN06	1	632	1561	mét	60	210,660	12,639,600
HH00867	Ống HDPE 100 D315 PN6 6m	2	632	1561	mét	6	519,900	3,119,400
HH00862	Ống HDPE 100 D63 PN12.5 100m	3	632	1561	mét	60	38,940	2,336,400
						6	126,00	769,500
								18,095,400

Thành tiền usd: 0.00

Chiết khấu 1: 0

Chiết khấu 2: 0

T. tiền sau ck: 18,095,400

Thành tiền Vnd: 18,095,400

Thuế usd: 0.00

Thuế Vnd: 0

Tổng TT usd: 0.00

Tổng TT Vnd: 18,095,400

Máy tính: 0.000

F12 Lưu

Excel

F5 Chiết khấu

F7 Thêm

F8 Xóa

F6 Đến cột

Ctrl + P View

Ctrl + I In luôn

Khác

List All

Phụ lục 38 – Giao diện phiếu xuất kho theo hóa số 43

EDIT

1.Edit 2.View 3.In 4. Load Save ? HELP

Thông tin chính

Loại C. từ: PXX

Số C. từ: 52

Ngày C. từ: 12/04/25

Diễn giải: Xuất kho theo HD số: 52,12/04/25

Khách hàng: 16508

Thông tin khác

Seri HD: 1C25TMA

Số HD: 52

Ngày HD: 12/04/25

Mã YTCP Nợ

TK Nợ: 632

TK Có: 1561

ĐTPN Nợ: 16508

ĐTPN Có: 16508

Hợp đồng

Công trình

N giao dịch

Mã HH Xuất	Tên danh mục	TT	TK Nợ	TK Có	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền VND
HH00368	Ống mềm ruột gà SP9020CM	1	632	1561	m	600	1,953	1,171,523
HH00369	Ống mềm ruột gà SP9025CM	2	632	1561	m	500	2,778	1,389,000
D1CN	Đề âm đơn CN	3	632	1561	Cái	500	2,462	1,230,885
D252157	Đề âm đôi S2157/D	4	632	1561	Cái	150	5,882	S
HC36	Hộp chưa 3-6 at E4FC3/6LA	5	632	1561	Cái	36	87,037	3,133,332
BMC21	uPVC Co 21 dây BM	6	632	1561	Cái	100	2,536	253,617
						28	1,946,00	109,226
								8,455,348

Thành tiền usd: 0.00

Chiết khấu 1: 0

Chiết khấu 2: 0

T. tiền sau ck: 8,455,348

Thành tiền Vnd: 8,455,348

Thuế usd: 0.00

Thuế Vnd: 0

Tổng TT usd: 0.00

Tổng TT Vnd: 8,455,348

Máy tính: 0.000

F12 Lưu

Excel

F5 Chiết khấu

F7 Thêm

F8 Xóa

F6 Đến cột

Ctrl + P View

Ctrl + I In luôn

Khác

List All

Phụ lục 39 – Giao diện phiếu xuất kho theo hóa số 52

CÔNG TY TNHH TM-DV MINH ANH HOÀNG
Mã số thuế: 0401887420

BẢNG CHẤM CÔNG
Tháng 8 năm 2025

			##																																			
TT	Họ và Tên	Chức vụ	Ngày trong tháng/ thứ trong tuần																															Công làm việc	Công nghỉ lễ	Công nghỉ phép	Tổng số công	
			01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31					
			T6	T7	C N	T2	T3	T4	T5	T6	T7	C N	T2	T3	T4	T5	T6	T7	C N	T2	T3	T4	T5	T6	T7	C N	T2	T3	T4	T5	T6	T7	C N					
1	Phạm Thị Loan	GD	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x		27,0	0,0	0,0	27,0
2	Hoàng Thanh	NVVP	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x		27,0	0,0	0,0	27,0
3	Hoàng Mỹ Hoa	NVVP	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x		27,0	0,0	0,0	27,0
4	Trần Văn Hậu	NVVP	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x		27,0	0,0	0,0	27,0
5	Võ Hoàng Kinh	BH	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x		27,0	0,0	0,0	27,0
6	Nguyễn Thị Kim Huệ	BH		x			x		x		x			x	x		x					x					x	x	x			x			13,0	0,0	0,0	13,0
Tổng Cộng																																			148,0	0,0	0,0	148,0

Ký hiệu bảng chấm công:

Đà Nẵng, Ngày Tháng 8 năm 2025

Lương thời gian
Lương nửa thời gian
Nghỉ phép
Nghỉ lễ

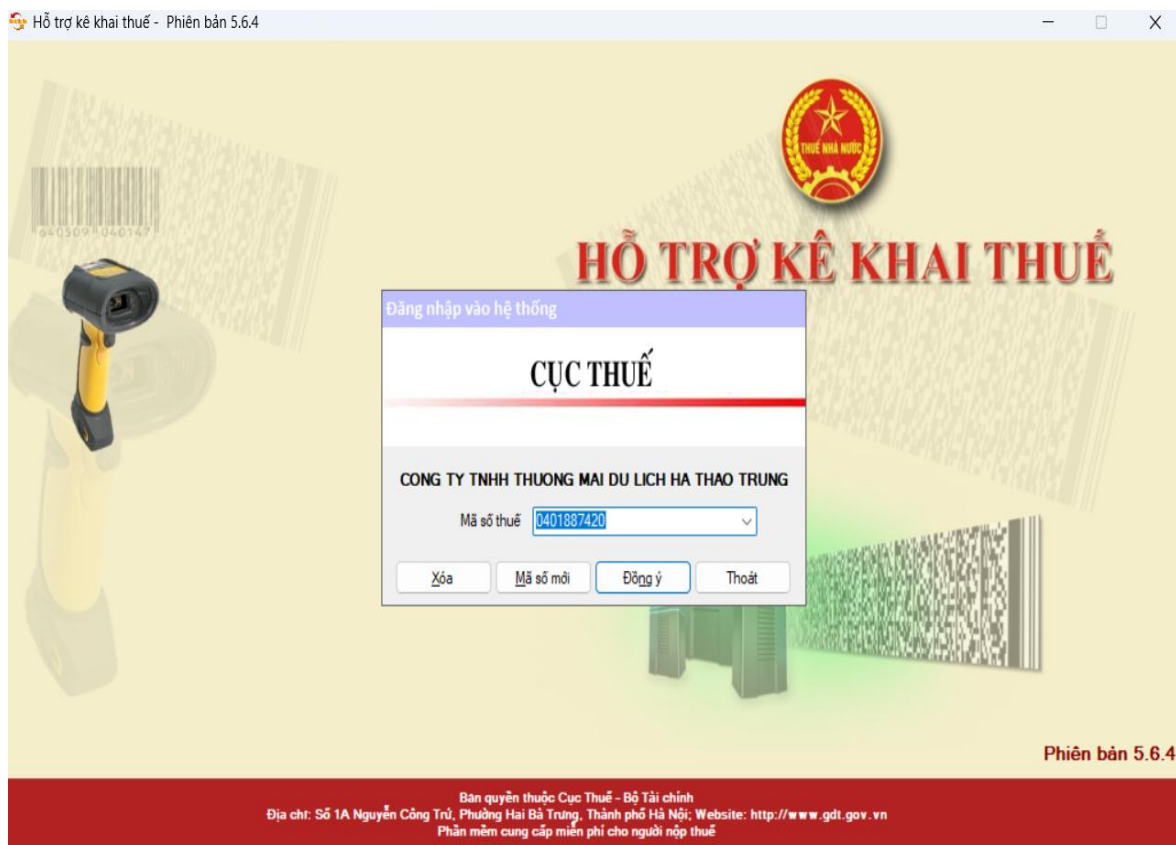
X
X/2
P, Nghỉ không lương: K
L

Người chấm công

Giám đốc

Phạm Thị Loan

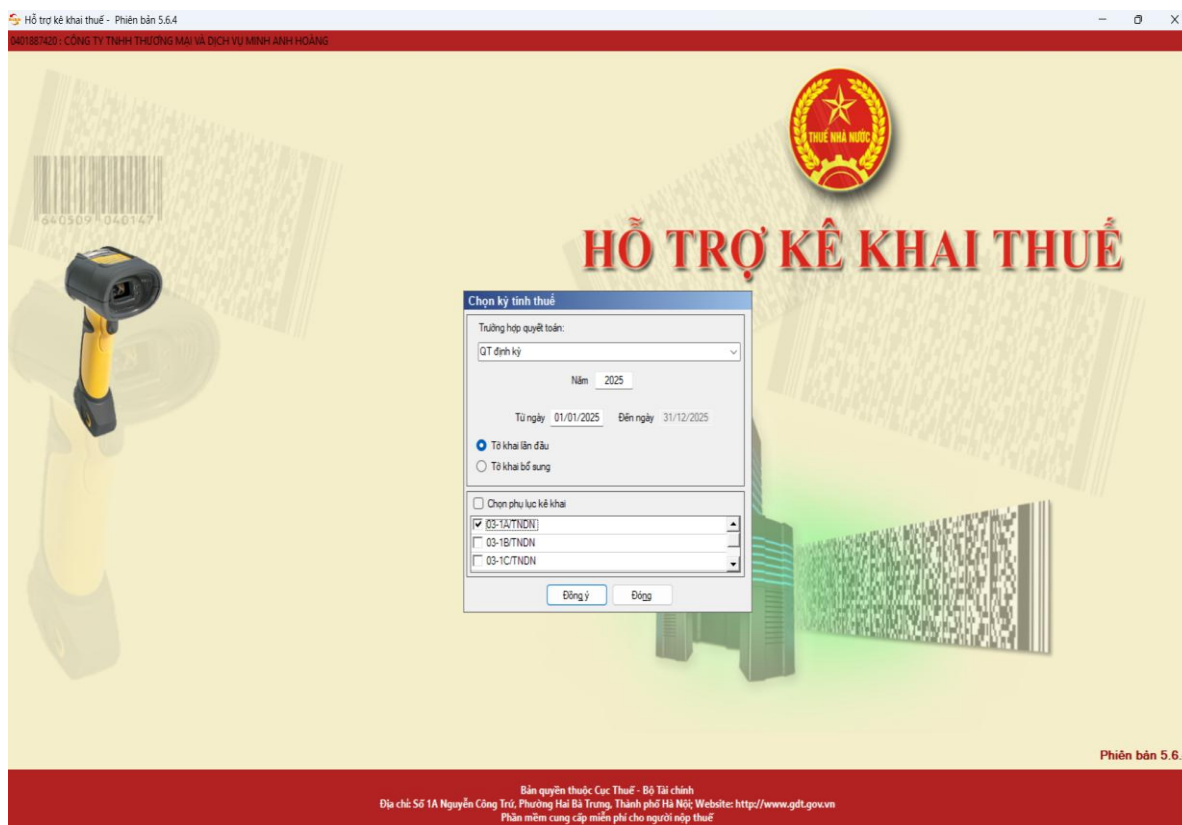
Phụ lục 40 – Bảng chấm công nhân viên văn phòng tháng 08/2025



Phụ lục 41 – Giao diện đăng nhập phần mềm HTKK



Phụ lục 42 – Giao diện phần mềm HTKK



Phụ lục 43 – Giao diện chọn tờ khai để kê khai thuế trên HTKK

← → ↺ dichvucong.gdt.gov.vn/tthc/thu-tuc-hanh-chinh

**HỆ THỐNG THÔNG TIN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**
Hành chính phục vụ
Cục Thuế - Bộ Tài chính

Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Minh
Anh Hoàng

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DỊCH VỤ KHÁC TRA CỨU HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ TIN TỨC GIỚI THIỆU TRỢ GIÚP

Tra cứu thủ tục hành chính

Tên/Mã thủ tục hành chính
Tên/Mã thủ tục hành chính

Loại thủ tục hành chính
---Tất cả---

Tờ khai
---Tất cả---

Mức độ
---Tất cả---

Loại Người Nộp Thuế
---Tất cả---

Tìm kiếm

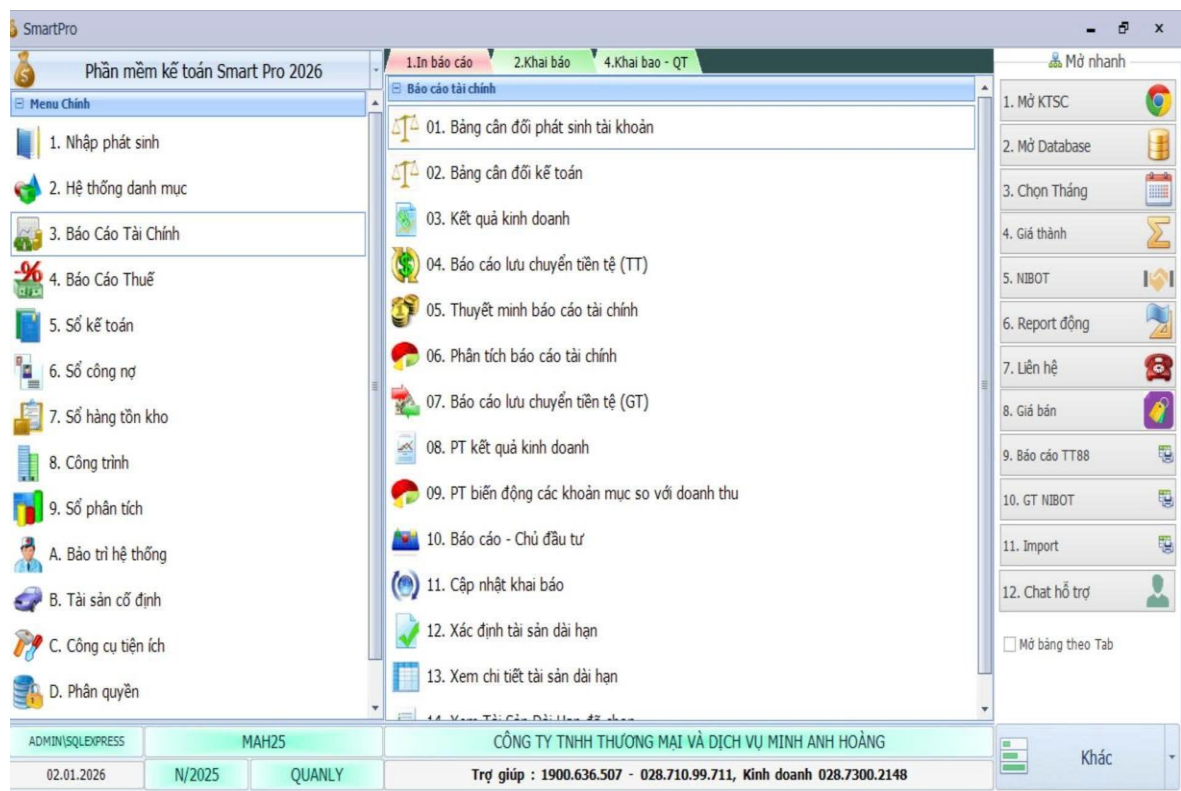
1 2 3 4 5 > >>

Trang 1/16 — Tổng số bản ghi: 152 (144 TTHC)

STT	Mã	Tên thủ tục	Mức độ	Cơ quan thực hiện	Nộp hồ sơ
1	3.000087	Điều chỉnh doanh thu và mức thuế khoán của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (Hộ khoán)	Toàn trình	Thuế cơ sở	
2	1.007674	Khai thuế TNCN đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản; thu nhập từ nhận thừa kế và nhận quà tặng là bất động sản	Toàn trình	Thuế cơ sở	
3	1.008555	Thông báo về việc ủy nhiệm lập biên lai thu tiền phí, lệ phí/Thông báo về việc chấm dứt ủy nhiệm lập biên lai thu tiền phí, lệ phí	Toàn trình	Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở.	
4	1.007607	Chấm dứt hiệu lực mã số thuế	Toàn trình	Thuế Cơ sở	
		Xác nhận số thuế đã nộp tại Việt Nam đối với đối tượng cư trú của nước ngoài	Toàn	Thuế tỉnh thành phố	

<https://dichvucong.gdt.gov.vn/tthc/tintuc>

Phụ lục 44 – Giao diện nộp tờ khai quyết toán TNDN (03/TNDN) (TT80/2021)



Phụ lục 45 – Giao diện mở báo cáo tài chính

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ (trừ công ty an ninh, quốc phòng)
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Mẫu số: **03-1A/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG
 [03] Mã số thuế: 0401887420

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	[04]	9.603.948.622
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	0
2	Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])	[06]	0
a	Chiết khấu thương mại	[07]	0
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	0
3	Doanh thu hoạt động tài chính	[10]	902.154
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	[11]	0
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])	[12]	9.882.081.048
a	Giá vốn hàng bán	[13]	8.273.547.782
b	Chi phí bán hàng	[14]	0
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	1.608.533.266
5	Chi phí tài chính	[16]	5.022.904
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	0
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])	[18]	(282.253.176)
7	Thu nhập khác	[19]	75.141.220
8	Chi phí khác	[20]	0
9	Lợi nhuận khác ([21]=[19]-[20])	[21]	75.141.220
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([22]=[18]+[21])	[22]	(207.111.956)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 30 tháng 03 năm 2026

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

PHẠM THỊ LOAN

Ghi chú: Số liệu chỉ tiêu [22] được tổng hợp vào chỉ tiêu A1 của Tờ khai 03/TNDN



Ký điện tử bởi: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG**

Ngày ký: 31/03/2026 10:16:15.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **03/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 80/2021/TT-BTC ngày 29
tháng 9 năm 2021 của Bộ
tưởng Bộ Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)

(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025 Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ: []

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: G46 - Bán buôn

[05] Tỷ lệ (%): 100,00 %

[06] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG

[07] Mã số thuế: 0401887420

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	(207.111.956)
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	0
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	0
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	(207.111.956)
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	(207.111.956)
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	(207.111.956)
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
			0
	Loại thu nhập miễn thuế		
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	0
	Trong đó:		
3.1	+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0
3.2	+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0

4	Thu nhập tính thuế (TNNT) ($C4=C1-C2-C3$)	C4	0
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNNT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ ($C6=C4-C5=C7+C8$)	C6	0
	Trong đó:		
6.1	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 20%	C7	0
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C8	0
6.3	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C8a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi ($C9=(C7 \times 20\%) + (C8 \times C8a)$)	C9	0
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN ($C10 = C11 + C12 + C13$)	C10	0
	Trong đó:		
8.1	+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	0
8.2	+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ	C12	0
8.3	+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh ($C17=C9-C10-C14-C15-C16$)	C17	0
D	Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	D	
1	Thu nhập chịu thuế ($D1 = B15$)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ	D2	0
3	Thu nhập tính thuế ($D3=D1-D2$)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNNT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ ($D5=D3-D4$)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này ($D8=D6-D7$)	D8	0
E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ ($E=E1+E2+E5$)	E	0
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	0
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản ($E2=E3+E4$)	E2	0
2.1	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E3	0
2.2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	E4	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ	E6	0
G	Số thuế TNDN đã tạm nộp ($G=G1+G2+G3+G4+G5$)	G	0
1	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh		0
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0

H	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp	H	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh ($H1=E1+E5-G2$)	H1	0
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS ($H2=E3-G4$)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ ($H3=E4-G5$)	H3	0
I	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế ($I=E-G=I1+I2$)	I	0
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	$I1=E1+E5-G1-G2$	0
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS	$I2=E2-G3-G4-G5$	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 30 tháng 03 năm 2026

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP
THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

PHẠM THỊ LOAN

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp; BĐS: Bất động sản;
2. Chỉ tiêu G1, G3: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này
3. Chỉ tiêu D11, G2, G4, G5: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp vào NSNN tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán. Ví dụ: NNT có kỳ tính thuế từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 thì số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp cho kỳ tính thuế năm 2021 tính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/3/2022.
4. Trường hợp NNT là doanh nghiệp xổ số có hoạt động sản xuất kinh doanh khác hoạt động kinh doanh xổ số thì NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp của hoạt động kinh doanh xổ số vào chỉ tiêu E1, số thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh khác vào chỉ tiêu E2, E3.
5. Các chỉ tiêu E, G: NNT không kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tình đã kê khai riêng.
6. Chỉ tiêu E4, G5, H3: NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà được bàn giao kỳ này và có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ (bao gồm số tiền đã thu của các kỳ trước và kỳ này).
7. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1052: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)
8. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1056: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp thu theo hiệp định, hợp đồng thăm dò, khai thác dầu khí)
9. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1057: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động xổ số kiến thiết
10. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1053: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng bất động sản



Ký điện tử bởi: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG**
Ngày ký: 31/03/2026 10:16:15.

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG

382 Trần Đại Nghĩa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0401887420

Mẫu số B02 – DNN

Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

ĐVT : Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		9.603.948.622	6.503.977.780
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		9.603.948.622	6.503.977.780
4. Giá vốn hàng bán	11		8.273.547.782	5.049.669.872
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.330.400.840	1.454.307.908
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		902.154	1.450.098
7. Chi phí tài chính	22		5.022.904	4.143.779
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
9. Chi phí quản lý kinh doanh	24		1.608.533.266	1.421.677.612
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24)	30		(282.253.176)	29.936.615
11. Thu nhập khác	31		75.141.220	396.252.314
12. Chi phí khác	32			185.530.077
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		75.141.220	210.722.237
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(207.111.956)	240.658.852
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(207.111.956)	240.658.852

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thị Loan

Phụ lục 47 – Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu B02 TT133 chỉ dùng cho nội bộ)

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

Mẫu số: **B02**
- DNN
(Ban hành
theo Thông
tư số
133/2016/TT-
BTC ngày
26/8/2016
của Bộ Tài
chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG

[03] Mã số thuế: 0401887420

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		9.603.948.622	6.503.977.780
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		9.603.948.622	6.503.977.780
4. Giá vốn hàng bán	11		8.273.547.782	5.049.669.872
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.330.400.840	1.454.307.908
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		902.154	1.450.098
7. Chi phí tài chính	22		5.022.904	4.143.779
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		1.608.533.266	1.421.677.612
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		(282.253.176)	29.936.615
10. Thu nhập khác	31		75.141.220	396.252.314
11. Chi phí khác	32		0	185.530.077
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		75.141.220	210.722.237
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(207.111.956)	240.658.852
14. Chi phí thuế TNDN	51		0	0
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		(207.111.956)	240.658.852

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, Ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Lập ngày 31 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)
Phạm Thị Loan



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG
Ngày ký: 31/03/2026 10:17:02.

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0401887420

Đăng ký lần đầu: ngày 28 tháng 03 năm 2018

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 24 tháng 03 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH ANH HOÀNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH ANH HOANG TRADING AND SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY MINH ANH HOÀNG

2. Địa chỉ trụ sở chính

382 Trần Đại Nghĩa, Phường Hoà Hải, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: 0988.532.519

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

3.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Ba tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	PHẠM THỊ LOAN	Việt Nam	382 Trần Đại Nghĩa, Phường Hoà Hải, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	1.500.000.000	50,000	186862786	
2	HOÀNG THANH	Việt Nam	382 Trần Đại Nghĩa, Phường Hoà Hải, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	1.500.000.000	50,000	049075002032	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: PHẠM THỊ LOAN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/10/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 186862786

Ngày cấp: 07/04/2015

Nơi cấp: Công An Tỉnh Nghệ An

Địa chỉ thường trú: 382 Trần Đại Nghĩa, Phường Hoà Hải, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 382 Trần Đại Nghĩa, Phường Hoà Hải, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Đoàn Việt Tiến

Phụ lục 49 – Giấy phép hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHẬN XÉT CỦA ĐƠN VỊ THỰC TẬP

1. Thông tin chung

- Họ và tên sinh viên: Nguyễn Phương Nguyên
- Trường: Đại học Kiến trúc Đà Nẵng
- Chuyên ngành: Kế toán
- MSSV: 2254010077
- Đơn vị thực tập: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng

2. Nhận xét của đơn vị về quá trình thực tập của sinh viên

Trong thời gian thực tập tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Anh Hoàng, em Nguyễn đã hoàn thành tốt các nội quy, quy định của công ty. Em có tinh thần học hỏi cao và luôn làm việc với thái độ trách nhiệm. Bên cạnh đó, em cũng chủ động tìm hiểu về hoạt động của công ty để phục vụ cho bài luận và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Công ty ghi nhận và đánh giá cao kết quả thực tập của em Nguyễn.

Đà Nẵng, Ngày 10 Tháng 05 Năm 2026

Người nhận xét

(Ghi rõ họ và tên, ký và đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Loan

